

Tình đời, Ý đạo



Đại Đức Ananda (tranh của gdptquangducsaigon.org)

(Cuộc đời Thánh tăng Ananda)

Hòa thượng Thích Hộ Giác



Hòa Thượng Thích Hộ Giác (1928-2012)

Mục lục

Lời nói đầu

Phần 1

Một Tâm Hồn
Nơi hoàng cung Ca-bì-la-vệ
Đời bằng hữu
Lệnh bà Mahà Pajàpati

Phần 3

Tể tướng Bandhula và Nhà vua
Nơi rừng Xu-xi
Bản chất Ái dục

Phần 5

Biểu tượng Pháp bảo
Công đức tri ân
Lần gặp gỡ sau cùng
Giây phút quyết định
Đại đức Ananda khóc kể
Tại vườn Long Thọ

Phần 2

Yêu là khổ
Chạy trốn tình yêu
Đoạn lìa phiền não

Phần 4

Ngôi chùa Kỳ-viên
Năm mỹ tướng
Đại tín nữ Visàkhà
Phật lực
Phước và Tội
Người thiện, người ác
Một nghĩa cử vô cùng cảm động
Một tấm lòng

Phần 6

Trước giờ kết tập
Hạnh ngộ bên ao sen
Một chuyện tình
Gái đẹp và cha già
Không hạnh phúc nào bằng sự an tịnh

Lời nói đầu

Ăn cơm có canh tu hành có bạn. Trong hầu hết hoàn cảnh sống, sự kết giao thân cận để có đối tượng tôn thờ, nương tựa là điều tối cần. Thiếu đối tượng, chúng ta sẽ lạc lõng, bơ vơ, cuộc sống trở thành mất hương vị, vô bổ. Bản chất đời sống là tình cảm. Lộ trình thành đạt nguyện ước đời sống là lý trí. Tình cảm thiếu lý trí là tình cảm ích kỷ, yếu hèn. Lý trí thiếu tình cảm là lý trí lập dị, cực đoan. Sự dung hòa được hai yếu tố cơ bản này là một đóng góp lớn trong công trình thực hiện một thế giới "Nhân gian cực lạc".

Nếu cuộc đời có cả mật ngọt và mật đắng, có nghĩa địa và có vườn hoa thì tại sao ta không áo mật ngọt ngoài viên thuốc đắng; và tại sao ta không thiết lập vườn hoa tại nghĩa địa để làm dịu quang cảnh chết chóc thế lương, hoặc tại sao ta không trồng hoa dọc theo con đường đưa đến nghĩa trang để mọi người thường ngoạn. Cái ý nghĩa đích thực của cuộc sống là ở chỗ đó.

Nếu biển cả có những hải triều gào thét liên hồi, xô đẩy mãnh liệt, thì cũng có những cánh buồm căng gió nhảy sóng nhịp nhàng, nhấp nhô ẩn hiện khiến nhà thơ tức cảnh sinh tình.

Cái vui của đời tại mình ích kỷ muốn ôm giữ làm của riêng nên nguồn vui không được rộng tỏa, cái vui bị giới hạn, không được cùng nhau san sẻ. Còn cái khổ thì cố tình xô đuổi một mình, xô đuổi không được thì bực lòng khổ sở vì thiếu người thông cảm sẻ chia. Chúng ta quên rằng cái vui thì bao la như bầu trời, cái khổ thì mênh mông như biển cả. Hãy để bầu trời cho không gian, hãy để biển cả cho nguyên vị. Đừng ngại thơ phí sức trong hành động lấp bể vá trời.

Đi ngược sự thật là chuốc lấy đau khổ. Thái độ khôn ngoan để khỏi bị đau khổ là dám chấp nhận sự thật, hoặc không chối bỏ sự thật. Mà sự thật đấy là có cả mật ngọt và mật đắng trong cuộc đời.

Để có đối tượng tôn thờ, nương tựa, chúng ta hãy quay về chánh pháp, quay về cuộc sống nội tâm. Bản tánh nguyên thủy vốn trong sáng nhưng vì chúng ta vô tình chối bỏ không bám víu để làm đối tượng nên chúng ta bị đẩy ra khỏi ánh sáng. Do đó, đời sống mịt mờ, tương lai tất nghẽn.

Như đã nói: tình cảm và lý trí là hai yếu tố vô cùng quan thiết. Phối hợp nhịp nhàng được cả hai là chúng ta đã có đối tượng sống.

Tình cảm và lý trí từ con người mà có. Vậy đối tượng cuộc sống là con người. Đức Phật là chứng nhân đã dung hợp và thực nghiệm có kết quả.

Sự dung hợp của Đức Phật không có tính cách cố định. Không nhất đáng lý trí phải thắng tình cảm hay ngược lại. Mà tất cả tùy thuộc nhân duyên. Nếu nhân duyên thích hợp với tình cảm thì Ngài dùng tình cảm trước, còn nhân duyên ứng dụng với lý trí thì Ngài áp dụng lý trí. Cái trước và cái sau của Đức Phật được thể hiện một cách diệu dụng.

Vì vậy, trên phương diện nhập thế dẫn đạo, Đức Phật và hàng môn đệ cũng linh động khế lý tùy cơ. Trường hợp Đức Phật nhất quyết không chấp nhận dùng cháo của Đại đức Ananda, không nhận thực phẩm của thầy Subhadda v.v... chứng tỏ thái độ cứng rắn, dùng lý trí trước tình cảm. Trường hợp Ngài đích thân qua Tây cung để an ủi Da-du-đà-la hoặc cho phép thiếu nữ Kokilā vào hầu v.v... chứng tỏ thái độ mềm dẻo, dùng tình cảm trước lý trí.

Con nhà tông không giống lông cũng giống cánh. Hàng môn đệ của Ngài cũng đã thành công nhờ nguyên tắc căn bản: "Tùy duyên bất biến" này. Điển hình là Đại đức Ananda mà nội dung quyển sách nhỏ này đề cập đến một phần lớn. Chẳng hạn như lúc còn là công tử, Đại đức cũng đã cứng rắn và quyết liệt trong vấn đề cử phái đoàn đi thỉnh Phật, và quyết định một lòng xuất gia theo Phật. Sau khi xuất gia, Đại đức đã noi gương Đức Phật trong công cuộc độ đời. Có lúc Đại đức tỏ ra cứng rắn dứt khoát như trường hợp quyết hy sinh mạng sống thay cho Đức Phật. Sự quyết tâm bất chuyển của Đại đức đã được minh định như sau khi Đức Phật 3 lần bảo lùi lại

sau mà Đại đức vẫn bất động trong tư thế quyết tử. Đây là sự dung hợp tình cảm lý trí một cách nhịp nhàng trong sự rung cảm chân thành của con tim và sự khẳng định thuần lý của khối óc.

Có khi Đại đức phải khổ cực trong vấn đề tiếp độ mà lộ trình được dẫn đầu bằng tình cảm. Chẳng hạn như thái độ thực sự mềm dẻo của Đại đức trong câu chuyện tiếp độ thiếu nữ Kokila, thái độ tích cực năn nỉ Đức Phật cho phép nữ giới được xuất gia, thái độ chịu khó ngồi nghe hoàng tử Tứ Bình kể chuyện tình ái v.v... Tất cả biểu lộ khả năng tiếp nhận để khơi nguồn cho giọng suối giác ngộ. Và cũng chính đó là những nét độc đáo, thực tế, thực nghiệm, và thực chứng của Đạo Phật.

Thân thể, sự nghiệp và công trình đóng góp lớn lao cho Đạo pháp của Đại đức đã được ghi đậm trong trang sử đạo, sáng ngời qua thời gian và không gian.

Chúng tôi nhận thấy tác phẩm hữu ích có tánh cách thời đại nên cố gắng soạn dịch. Về nội dung và chương mục thì chúng tôi có mạn phép bỏ bớt để phù hợp với tâm tình của người Việt Nam.

Chúng tôi cảm thấy ngần ngại, băng khoăn trong việc thời đại hóa những sự kiện liên hệ đến một nhân vật lịch sử, một vị Thánh Tăng như Đại đức Ananda.

Tuy nhiên, chúng tôi tự biện hộ rằng dù sao quyển sách nhỏ này cũng góp phần khiêm tốn trong việc đầu tư kiến thức đạo đức vào đời sống anh, chị, em thanh niên, thiếu nữ có dịp thưởng ngoạn sắc hương của vườn hoa đạo.

Tất cả sự kiện được mô tả ở đây là những tấm gương sáng phản ánh trung thực tình người, tình thầy trò, tình đạo bạn. Do đó, chúng tôi đặt tên quyển sách: "**Tình Đời, Ý Đạo**".

Thích Hộ Giác



Phần 1

Một Tâm Hồn

Có hai vị Sa-môn đi ngang qua cánh rừng và đang tiếp tục trên lộ trình bằng phẳng. Vị đi trước sắc diện hồng hào, nghi dung trang nhã, phong điệu uy nghiêm, đáng cho mọi người chiêm ngưỡng. Lá y màu vàng bằng vải thô nhưng cũng đủ thanh lịch.

Vị đi sau tuy không phương phi, uy dũng như vị đi trước nhưng tương đối cũng trang nghiêm phong nhã. Khoảng cách giữa hai vị vừa vặn, không quá xa, không quá gần.

Khi đến khúc đường rẽ đôi, vị đi trước vừa định quẹo phải thì vị đi sau liền lên tiếng:

- Bạch Đức Thế Tôn, đệ tử hữu sự rẽ trái.

- Này Na-gá-sá-ma-lá, không nên. Như Lai có duyên sự quan trọng cần phải độ sinh ở phía tay phải.

- Đệ tử hữu sự muốn rẽ trái.

Đức Phật năn nỉ:

- Này Nagasamala, đừng làm như vậy, hãy theo Như Lai đi về tay phải.

Mặc dù Đức Phật đã ba lần ngăn cản nhưng Nagasamala không tuân lời. Cuối cùng, thầy bỏ bát Đức Phật giữa đường và liền đi về tay trái theo sở thích. Đức Phật lượm bát, một mình thui thủi hướng về phía tay mặt.

Một lần khác, thầy Mêkhida làm thị giả, theo Đức Phật đi qua làng Chanh-tu, tỉnh Ba-chi-ná-oãn-sá. Buổi sáng, thầy đi khất thực. Lúc trở về, thấy một vườn xoài xum xuê, mát mẻ, thầy nảy sanh ý định đến đây tham thiền, bèn bạch xin phép Đức Phật.

Đức Phật khuyên ngăn ba lần.

Nhưng thầy Mê-khí-dá một mực cãi lời, bỏ Đức Phật một mình và ra đi về hướng vườn xoài để hành đạo. Song thầy hoàn toàn thất bại. Tâm thầy xáo trộn, vọng động không ngừng. Các tà tư duy, như tư duy về ái dục, về nhiều hại, về oán thù, nổi lên đột phá dữ dội, dù trạng thái yên lặng tạm thời, thầy cũng không tìm được.

Cuối cùng đành phải trở về lễ Phật. Đức Phật chẳng những không để tâm về những hành động nông nổi gần như phạm thượng của thầy mà trái lại còn dùng lời từ mẫu khuyên lơn:

-Mê-khí-dá ơi, tâm vốn loạn động, khó giữ, khó dạy. Bậc trí tuệ tích cực uốn nắn, khiến nó phải thuần thực như tay thiện xạ uốn nắn mũi tên. Mê-khí-dá này, tâm hằng chạy theo nhập cuộc

ngoại cảnh nhất là ngũ dục như cá thích nước. Do đó, nếu bị bắt lên bờ thì nó dẫy dựa không yên. Tâm tuy khó dạy, nhưng nếu dạy được thì sẽ hàng phục được Ma Vương.

Sự thật Đức Thế Tôn nào muốn ngăn cản công trình tu chứng của môn đồ, nhưng vì thấy rõ căn cơ chưa đến thời kỳ liễu ngộ, nên Ngài mới khuyên ngăn đó thôi.

Suốt 20 năm đầu kể từ ngày thành đạo, khoảng thời gian 35 đến 54 tuổi Đức Phật không có vị Thánh văn nào làm thị giả cố định: khi thầy U-bá-va-na, khi thầy Na-ghí-tá, khi thầy Su-nặc-khất-tá, khi thầy Sa-gá-tá, khi thầy Rathá, khi thầy Na-gá-sá-ma-lá hoặc thầy Mê-khí-dá đã hành động nông nổi như vừa lược kể và, còn có Sadi Chuôn-tá, bảo đệ của Ngài Đại đức Xá Lợi Phất nữa.

Vì không có thị giả phục dịch thường xuyên, nên Đức Phật phải chịu cực khổ vô cùng. Các vị thị giả bất đắc dĩ cứ thay nhau phục dịch Ngài một cách gượng gạo, tất trách.

Vấn đề thị giả là một sự cần thiết, hợp lý, vì Đức Phật có rất nhiều Phật sự phải làm, một mình không thể hoàn tất mọi việc nên Ngài rất cần thị giả. Chẳng hạn như ngoài 5 điều thường hành Phật sự có tánh cách cập nhật hóa Ngài còn phải họp tăng, tiếp khách tứ phương, từ hàng vua chúa thượng lưu đến hàng thường dân lao động, từ bậc xuất gia đến hàng cư sĩ nhất là nữ Phật tử. Tư cách một vị Phật tử không cho Ngài tiếp khách nữ một mình. Đó là chưa nói đến thỉnh thoảng Đức Phật nhập thất, không tiếp bất cứ ai. Trường hợp ấy, lẽ dĩ nhiên, mọi Phật sự đều do thầy thị giả xử lý.

Vấn đề thị giả quan trọng và cần thiết là như vậy. Chúng ta không nên vô tình hiểu sai hoặc cố tình xuyên tạc cho rằng Đức Phật muốn quan trọng quá cá nhân mà mang tội.

Vì những lý do vừa kể, có một lần, tại Kỳ Viên Tịnh xá, kinh đô Sa-quách-thì, xứ Cô-sa-la trước số đông chư vị Tỳ kheo nhất là các vị Tôn túc trưởng lão, có cả nhị vị Đại đệ tử Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên, Đức Phật đề cập đến vấn đề thị giả:

- Nay các Tỳ kheo, Như Lai đã già rồi, một số các thầy vì sở thích riêng tư nên đã bỏ Như Lai một mình hoặc bỏ y bát của Như Lai dưới đất rồi ra đi một cách thản nhiên. Do đó, Như Lai yêu cầu chư tăng tuyển chọn cho Như Lai một thị giả cố định.

Chư tỳ kheo vô cùng xúc động, Đại đức Xá Lợi Phất lên tiếng trước nhất xin tình nguyện làm thị giả.

Đức Phật bày tỏ sự hoan hỉ và dạy:

- Nay Xá Lợi Phất, không nên đâu. Vì thầy ở nơi nào thì đem lợi lạc đến nơi đó. Lời giảng dạy của thầy không khác lời dạy của Như Lai. Thầy có khả năng chuyển Pháp luân như Như Lai. Những người được thân cận đàm đạo với thầy cũng như được thân cận đàm đạo với Như Lai.

Chư Đại đức Trưởng lão khác cũng tình nguyện xin làm thị giả, nhưng Đức Phật đều khước từ. Chỉ còn một mình Đại đức Ananda ngồi yên lặng. Đại đức Xá Lợi Phất khuyến khích:

- Thầy Ananda, tại sao thầy ngồi yên lặng?

- Bạch Đại đức, chức vụ mà mình van xin hoặc tình nguyện, tôi tưởng không được cao quý mấy. Và chẳng, Đức Thế Tôn đã biết rõ tâm trạng của tôi. Nếu thấy được, Đức Thế Tôn sẽ chỉ định tôi trong chức vụ ấy. Thiện chí cũng như tình cảm của tôi thế nào, Đức Thế Tôn đều quán thấu.

Hội trường im lặng. Không một cử động. Không một lời nói. Một sự im lặng tuyệt đối gần như hội trường không có người.

Giữa không khí ấy, Đức Phật long trọng xác nhận vai trò Đại đức Ananda:

- Nay các Tỳ kheo, Ananda đã có ý nguyện làm thị giả Như Lai từ lâu. Sự xác nhận hôm nay chỉ nhằm mục đích công khai hóa vai trò thị giả của Ananda mà thôi. Bắt đầu từ giờ phút này, Ananda là thị giả chính thức và cố định của Như Lai.

Cử chỉ này quả thật vô cùng đẹp đẽ. Thật ra, Đức Phật không cần công khai tuyên bố vai trò thị giả của Đại đức Ananda mà chỉ cần chọn riêng cũng được. Nhưng Đức Phật có ý tuyên dương thiện tâm, thành ý của Đại đức, đồng thời chính thức hóa một vai trò quan thiết, có tánh cách cố định. Còn trên thực tế, thì Đại đức Ananda đã lập công bồi đức, tri hành Ba-la-mật trong nhiều trăm kiếp cũng chỉ để đạt thành hạnh nguyện được làm thị giả, một chức vụ tuy không lớn lao nhưng vô cùng danh dự. Đại đức Ananda là mẫu người tự trọng, nhìn xa thấy rộng, khéo lý, khéo cơ. Cho nên, sau khi được Đức Phật và chúng Tăng giao phó trọng trách, bèn bạch Đức Phật xin được đặc miễn những trường hợp sau:

- 1- Xin Đức Phật dừng ban y mới, đẹp và đắt giá cho Ananda.
- 2- Dừng ban thực phẩm cao lương mỹ vị.
- 3- Dừng cho Ananda ngụ chung tịnh thất.
- 4- Dừng cho Ananda tháp tùng đến những địa điểm mà Đức Phật đã hứa khả.

- Nay Ananda, người nhận thấy lợi ích thế nào mà xin đặc miễn 4 điểm này?

- Bạch Đức Thế Tôn, đệ tử xin đặc miễn như vậy là để ngừa những lời bình phẩm cho rằng đệ tử phục dịch Đức Thế Tôn chỉ vì lợi lộc và danh vị.

Đại đức Ananda bạch tiếp:

- Bạch Đức Thế Tôn, đệ tử xin Đức Thế Tôn ban cho những đặc ân sau đây:

- 1- Xin Đức Thế Tôn tùy thuận quang lâm đến những nơi mà đệ tử đã hứa.
- 2- Xin cho đệ tử được phép tiến dẫn Phật tử vào bái kiến Đức Thế Tôn.
- 3- Cho phép đệ tử bạch hỏi những điều hoài nghi trong mọi trường hợp.

- Nay Ananda, người thấy lợi ích thế nào mà yêu cầu như vậy?

- Bạch Đức Thế Tôn, đệ tử yêu cầu như vậy là để ngăn ngừa những lời chỉ trích, cho rằng những vấn đề có tánh cách giao tế mà đệ tử cũng không làm được, thì giữ chức vụ thị giả làm gì?

Đại đức bạch tiếp:

- Bạch Đức Thế Tôn, còn một đặc ân cuối cùng, xin Đức Thế Tôn từ bi chấp thuận cho luôn, đó là:

4- Xin Đức Thế Tôn hoan hỉ nói lại những bài pháp mà đệ tử vắng mặt không được nghe.

- Nay Ananda, người nhận thấy lợi ích thế nào mà yêu cầu như vậy?

- Bạch Đức Thế Tôn, cũng đều ngăn ngừa những lời bàng quang chê trách rằng: đệ tử theo hầu Đức Thế Tôn như hình với bóng, nhưng khi được hỏi đến kinh, luật, kệ ngôn hay tích truyện thì không biết chi cả, giống như ếch trong ao sen không biết thưởng thức hương vị của sen.

Đức Thế Tôn chấp thuận tám điều khoản yêu cầu của Đại đức Ananda và, Đại đức Ananda cũng bắt đầu nhận lãnh vai trò thị giả chính thức ngày hôm ấy.

Lúc bấy giờ, Đức Phật hưởng được 55 tuổi đời, 20 tuổi đạo trong khi Đại đức Ananda được 55 tuổi đời, 19 tuổi đạo.

Nơi hoàng cung Ca-bì-la-vệ

Ngược dòng thời gian, kể từ ngày Đại đức Ananda nhận làm thị giả về trước là 55 năm.

Tại hoàng cung nguy nga tráng lệ của hoàng gia họ Thích, đèn đuốc sáng choang, hoa thơm ngào ngạt, cờ xí rợp thành. Hoàng thân Súc-cô-đa-na, bảo đệ của Đức vua Tịnh Phạn Sút-thô-đa-na, nét mặt vui tươi, chuyện trò cởi mở với mọi người từ trong dòng hoàng tộc đến ngoài công thân tướng sĩ, tất cả đều rộn lên một niềm vui trước tin mừng Công nương Súc-cô-đa-na hạ sinh một hoàng nam.

Căn cứ điềm vui mừng sung sướng của mọi người, công tử được đặt tên là Ananda. Công tử Ananda chào đời cùng một ngày với Thái tử Sĩ Đạt Ta (Siddhatta) (1) và được song thân cưng như trứng mỏng. Mọi phương tiện dưỡng nhi và dục nhi được áp dụng đúng mức. Ananda trưởng thành trong nhung lụa, ngọc ngà nhất là trong sự vui mừng sung sướng tuyệt vời của song thân và hoàng gia Thích tộc.

Công tử tỏ ra rất mực ngoan hiền tài hoa và trí thức. Gương mặt thật sáng. Da dẻ hồng hào. Nói năng lễ độ. Thật đáng mặt con nhà.

Thân phụ cho tuyển chọn những bậc danh sư kỳ tài dạy dỗ công tử. Chẳng bao lâu, sự thông minh đĩnh ngộ và tài năng lỗi lạc của công tử nức tiếng xa gần, khiến cho thân phụ đã sung sướng càng thêm mãn nguyện.

Thế rồi, một hôm, tin Thái tử Sĩ Đạt Ta rời bỏ ngai vàng, cha già, vợ đẹp và con thơ ra đi xuất gia tầm đạo, làm kiếp người hùng của nhân loại, khiến tâm trạng Ananda vừa ngạc nhiên vừa thán phục. Càng thán phục lại càng hoan hỉ (2). Sự hoan hỉ thúc đẩy một biểu đồng tình. Ananda suy nghiệm chắc hẳn phải có một lý tưởng phi thường, một đại sự nhân duyên thế nào đó, nên Sĩ

Đạt Ta, con cưng của Ca-bì-la-vệ mới rũ áo để hoàng, sống kiếp phong sương, vui thú tiêu dao thoát tục.

Rồi 6 năm sau. Tin Thái tử Sĩ Đạt Ta thành Phật được loan truyền vô cùng nhanh chóng. Từ Vương Xá thành đến các đô thị lớn và, cuối cùng đến kinh đô Ca bì la vệ. Mọi người tràn ngập niềm vui rộng lớn. Người vui nhất có lẽ là Công tử Ananda. Công tử vốn có chủ định: khi nào Đức Phật về thuyết pháp thì sẽ theo Ngài đi tu.

Chú thích:

(1) Hoan hi, sung sướng, khánh hi, bội hi, hoan lạc...

(2) Nhân vật đồng sinh với Sĩ Đạt Ta: Ananda, Yasodhara, Tể tướng Kàludàyi, cận thần Channa, tuần mã Kiên Trắc, cây Bồ đề, và 4 hăm châu ngọc.

Một hôm, tại hoàng thành Ca bì la vệ, phiên họp khoáng đạt có đủ mặt hoàng gia thích tộc, vương tôn công tử, đặt dưới quyền chủ tọa của đức vua Tịnh Phạn.

Sau nghi thức khai mạc, Đức vua Tịnh Phạn tuyên bố:

- Thưa quý vị, quý vị đều được nghe và biết tin mừng Đức Phật ra đời, Ngài không phải ai xa lạ mà Ngài chính là Thái tử Sĩ Đạt Ta. Được biết Ngài đang ngụ tại Vương xá Ràjagaha kinh đô của Đức vua Tần bà sa la (Bimbisàra). Tôi xin hỏi ý kiến quý vị, chúng ta có nên cử người sang thỉnh hay để Ngài tự động về? Xin quý vị cho biết.

Một công tử đưa tay và phát biểu:

- Thưa hội nghị, theo thiện kiến của tôi, chúng ta không nên cử người sang thỉnh vì hai lý do. Một, Thái tử chính là con Đức vua chủ tọa. Khi ra đi, Ngài chẳng từ già ai, thậm chí phụ vương của Ngài. Hai, hoàng thành Ca bì la vệ này, thuộc quyền sở hữu của Ngài. Chúng ta lấy tư cách gì để mời ông chủ trở về nhà ông chủ. Hơn nữa, Thái tử tự cho mình là Phật, mà không biết nhớ thương cha mẹ, dòng họ để về thăm viếng thì tội tình gì mình phải thỉnh mời.

Vừa lúc ấy, một vị công tử khác đứng lên phát biểu:

- Kính thưa cử tọa, ý kiến công tử Đề Bà Đạt Đa vừa trình bày thiếu vô tư. Theo tôi thiện nghĩ: Đức Phật dù trạc tuổi chúng ta nhưng hiện nay Ngài là một Samôn. Đối với một Samôn bình thường mà chúng ta còn quý trọng thì tại sao chúng ta không thể dành sự quý trọng ấy cho Đức Phật, vừa là một Samôn vừa là họ hàng cật ruột? Hơn nữa địa vị Phật tổ, bậc Chánh Đẳng Chánh Giác thì ngay như đức chuyển luân thánh vương cũng phải quý trọng huống chi là chúng ta. Tôi đề nghị nên cử phái đoàn sang thỉnh mới đúng.

Ý kiến và đề nghị Công tử Ananda chạm tự ái Đề bà đạt đa rất nặng, Đề bà đạt đa phản ứng:

- Thưa cử tọa, nếu lấy địa vị Phật tổ làm động lực áp đảo thiên hạ, thì ai ai cũng có thể trở thành Phật tổ miễn đủ can đảm nói láo là được. Hàng động tự phong chức là hành động thiếu thực tế.

Liền khi ấy, một vị cao niên đứng lên phát biểu:

- Thưa cử tọa, nếu quả thật Thái Tử Sĩ Đạt Ta nói láo thiên hạ và tự phong cho mình là Phật Tổ như ý kiến của công tử Đề Bà Đạt Đa vừa phát biểu thì chúng ta càng nên cử người sang thỉnh Đức Phật về để sớm rõ trắng đen, hư, thực rằng, Ngài là Phật Tổ thực sự hay giả hiệu.

Hội trường im lặng. Không có ý kiến chống đối. Đức vua Tịnh Phạn kết luận:

- Thưa quý vị, những ý kiến vừa đóng góp đều hữu ích, đáng ghi nhận. Chúng tôi muốn được kết thúc phiên họp hôm nay bằng một quyết định. Vậy chúng tôi xin lấy biểu quyết: ai đồng ý cử người sang thỉnh Đức Phật thì xin đưa tay lên.

Cử tọa nhất loạt đưa tay. Họ đưa thật cao để chứng tỏ sự biểu đồng tình. Chỉ có công tử Đề Bà Đạt Đa và một vài người bạn chí thân của công tử là không đưa tay mà thôi.

Tiếng tán đồng vang dội khắp hội trường. Họ yêu cầu đức vua Tịnh Phạn hỏa tốc cử người sang thỉnh Đức Phật ngay. Công tử Ananda lấy làm hoan hỉ và xin tình nguyện lãnh sứ mạng đi thỉnh. Nhưng Đức Vua Tịnh Phạn khước từ. Công tử Đề Bà Đạt Đa bực tức vô cùng, vì nhớ lại, từ lâu thơ đến giờ, chưa lần nào thắng được Thái tử Sĩ Đạt Ta.

Lúc bấy giờ, Đức Phật đã rời địa phận U ru quê la (Uruvela) nơi Ngài đắc đạo, trực chỉ

I-si-pa-ta-mi-ga-đa-da để tiếp độ năm thầy Kiều Trần Như. Tiếp theo, Ngài độ công tử Dásá (Yassa) và 54 người bạn thân của công tử. Sau đó, Ngài độ ba anh em du sĩ ngoại đạo. Người anh là Pu-ra-na-ca-sa-pa có 500 đồ đệ. Người em thứ là Ga-da-ca-sa-pa có 300 đồ đệ và, người em út là Na-di-ca-sa-pa có 200 đồ đệ. Độ xong nhóm này, Ngài bèn đi về thành Vương xá để hóa độ đức vua Tần Bà Sa La (Bimbisàra), người mà Ngài đã từng hứa hẹn từ trước, trên bước đường xuất gia tầm đạo. Tại đây, Ngài nhận ngôi chùa Trúc Lâm, do đức vua Tần Bà Sa La hỉ cúng. Đây là ngôi chùa đầu tiên trên bước đường khai đạo của Ngài.

Tin Đức Phật ngự tại Trúc Lâm được truyền đi rất mau trong quần chúng. Và cũng tại đây, Ngài tiếp độ nhị vị Đại Đệ tử Phật: Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên.

Nói về Đức vua Tịnh Phạn cử phái đoàn đi thỉnh Phật, nhưng sau khi nghe pháp tất cả đều phát tâm xuất gia, không một người nào nhớ thỉnh Phật cả. Mãi đến phái đoàn thứ 10, do đại tướng Ca-Lu-Đa-Di (Kàludàyi) hướng dẫn, đến chùa Trúc Lâm, sau khi nghe pháp và được xuất gia, đại tướng vẫn nhớ thỉnh Phật theo sứ mạng triều đình.

Đức Phật nhận lời. Ngài khởi hành chung với một số đông thánh tăng La Hán khoảng hai muôn vị. Ngày đi đêm nghỉ và phải mất 60 ngày đường mới đến Ca Bì La vệ. Suốt cuộc hành trình, Ngài luôn thuyết pháp độ sanh. Một số đông đắc đạo chứng quả, hoặc ít nhất cũng thọ quy giới, bỏ dũ theo lành, cải tà qui chánh.

Đức vua Tịnh Phạn chuẩn bị tiếp đón Đức Thế Tôn vô cùng trọng thể và, không quên cho kiến tạo ngôi chùa Ni-gô-ra cúng dường Đức Phật.

Chuyến trở về của Đức Phật hôm ấy, quả thật là một niềm vui tung bừng, rộn rã. Vì đã 7 năm dài cách biệt phân ly, hoàng gia Thích tộc không bao giờ được gặp Ngài dù chỉ là cái bóng.

Sáng hôm sau, Đức Phật và chư thánh tăng vào thành khát thực. Đức vua Tịnh Phạn được công nương Da Du Đà La khẩn tấu, lập tức đi đến địa điểm khát thực, tay nắm chéo y Đức Phật, nét mặt thật buồn:

- Sĩ Đạt Ta con, tại sao con làm như vậy? Dòng dõi nhà mình nào phải ăn xin. Con đã làm nhục Phụ vương và hoàng tộc. Hơn nữa, cung điện sẵn có, tại sao con không về, mà lại đi ăn xin thế này? Phụ vương còn mặt mũi nào dám nhìn thiên hạ. Cha làm vua còn con thì đi ăn xin. Thật là mai mỉa!

Bằng giọng trầm âm dịu hiền, Đức Phật giải thích:

- Tâu Phụ vương, giờ đây Như Lai không còn là dòng họ Thích Ca nữa mà là dòng họ A li da (Ariya: Thánh). Truyền thống chư Phật quá khứ đều đi khát thực nên Như Lai cũng phải duy trì truyền thống ấy. Cả phương tiện nhà cửa, Như Lai cũng không có. Như Lai là bậc Mu Ni không có gia đình.

Đức vua Tịnh Phạn tủi hờn và phản đối quyết liệt:

- Nay con, dù con mang tộc họ gì, có gia đình hay không, con vẫn là con của Phụ vương. Con đã xa cách Phụ vương hơn bảy năm rồi, Phụ vương nhớ thương con vô cùng, Da Du Đà La cũng vô vàng vì nhớ thương con. Còn Ra Hầu la tuy có cha song chẳng khác một đứa trẻ mồ côi, vô thừa nhận. Hôm nay, con phải về hoàng cung thăm vợ, thăm con và chư vị hoàng thân trưởng thượng. Nói xong, đức vua hướng dẫn Đức Thế Tôn vào nội thành và cúng dường thực phẩm thật trang trọng. Đức Phật thuyết pháp độ vua cha và di mẫu Ma-ha-pa-cha-pa-ti-go-ta-mi đấng quả Tu Đà Hườn. Sau đó, Ngài trở về chùa Ni-gô-ra-thá (Nigrodha).

Trong suốt thời gian Đức Phật ngụ tại chùa Nigrodha xứ Ca Bì La Vệ có một số đông hoàng thân xuất gia theo Phật và hầu hết đều đắc đạo chứng quả.

Một thời gian sau, Đức Phật lên đường sang xứ Málá và ngụ trong vườn xoài A-nú- pi-dá.

Khi Đức Phật đi rồi các vị hoàng thân trưởng lão cùng nhau kiểm điểm và nhận định rằng: quả thật đã có một số đông hoàng thân xuất gia theo Phật, chỉ còn một số ít các công tử như Ananda, A-nu-rút-thá, Ma-ha-na-má, Phát-tí-dá, chưa chịu xuất gia. Sự thật thì hoàng tộc đã đồng ý đặt các công tử này dưới quyền sử dụng của Thái Tử Sĩ Đạt Ta ngay trong ngày lễ quán đảnh. Vậy thì tại sao các công tử chưa chịu xuất gia.

Công tử Má-ha-na-má nghe được câu chuyện ấy, cảm thấy thắc mắc trong lòng, bèn hội ý với em là Á-nú-rút-thá (Anuruddha):

- Nay em, theo anh nghĩ thì một trong hai chúng ta phải xuất gia.

Công tử Á-nú-rút-thá tình nguyện xuất gia nhưng thân mẫu không tán thành. Bà phân trần:

- Nay con yêu dấu của mẹ, con xuất gia chưa được đâu. Vì xuất gia nào phải dễ dàng như con tưởng. Con phải ăn ngọ, phải đi chân không, phải ngủ giản dị không nệm lót, phải gối đầu bằng gỗ, phải ở dưới cội cây hoặc trong hang núi, thích lạnh thì gặp nóng, thích nóng thì gặp lạnh. Do đó, mẹ không bằng lòng cho con xuất gia.

Công tử Á-nú-rút-thá giải bày:

- Thưa mẹ, con vẫn biết xuất gia là một điều rất khó. Nhưng đã có một số những vị công tử quen sống sung sướng như con đã xuất gia thì thiết tưởng con cũng có thể làm được. Và lại, trước kia đời sống Đức Phật sung sướng hơn con nhiều. Con nghĩ, chắc chắn phải có một sự an lạc thù thắng nào đó cao quý hơn, thay cho sự sung sướng giả tạo, chóng tàn này. Con tin là con đủ sức chịu đựng, nếu được xuất gia.

- Con ơi, dù con có chịu đựng được nếp sống tu hành nhưng mẹ thú thật với con là mẹ không chịu nổi. Mẹ chưa từng thấy con cực khổ và không muốn cho con cực khổ. Hơn nữa, con là nức ruột của mẹ. Mẹ không muốn sống xa con dù chỉ một ngày. Nếu con xuất gia mẹ con ta phải xa nhau quanh năm suốt tháng, thì mẹ chịu sao cho thấu. Theo mẹ nghĩ, nếu muốn hành thiện thì ở nhà tu tại gia cũng được, đâu cần phải xuất gia. Hãy nghe lời mẹ đi con!

Nói xong, bà lấy tay sờ đầu và vuốt tóc công tử Á-nú-rút-thá, cử chỉ vô cùng trìu mến.

- Thưa mẹ, nếu nói đến vấn đề nghèo khổ, thì kể sao cho hết. Còn nói đời sống tu sĩ là cơ hàn, thì đã có biết bao người cơ hàn hơn tu sĩ. Còn nói đến vấn đề phân ly, thì đã có biết bao gia đình phân ly vì lý do này hay lý do khác. Đã vậy, còn có sự ngăn cách vô vàn đau khổ nữa, mà mọi người không ai tránh khỏi đó là cảnh tử biệt phân ly. Con đồng ý với mẹ về vấn đề hành thiện thì ở đâu, hình thức nào cũng làm được. Tuy nhiên, con nhận định rằng bậc xuất gia hành thiện được nhiều hơn vì có thì giờ nhiều, ít bận rộn. Ví như dụng cụ đựng nước nếu vừa lớn vừa sạch thì đựng nước được nhiều, hợp vệ sinh. Còn nếu dụng cụ vừa nhỏ vừa dơ thì đựng nước vừa ít vừa bẩn. Cho nên hạnh xuất gia cũng như dụng cụ vừa to vừa sạch, chứa đựng được nhiều điều thiện.

- Con làm sao hiểu được, khi con chưa có xuất gia. Sự suy nghĩ đôi khi trái ngược với thực tế, con ạ!

- Thưa mẹ, con chưa biết rõ, nhưng con muốn tập sự.

- Nay con, mẹ tính thế này được không? Nếu công tử Phát-đí-dá, bạn của con cũng xuất gia nữa, thì mẹ đồng ý.

Bà đề nghị như vậy, vì bà tin tưởng một trăm phần trăm là công tử Phát-đí-dá sẽ không khi nào xuất gia.

Công tử Á-nú-rút-thá mừng lắm, bèn lập tức đi tìm bạn. Gặp bạn, công tử nói thẳng:

- Nay bạn, tôi quyết chí xuất gia theo Phật nhưng chính bạn vô tình làm trở ngại công cuộc xuất gia của tôi. Vì mẹ tôi bảo rằng, khi nào bạn cùng xuất gia, thì mới đồng ý cho tôi xuất gia.

Công tử Phát-đí-dá phân trần:

- Nay bạn, tôi cũng có ý định xuất gia ngay sau khi được nghe câu chuyện bàn tán và nhận định của các bậc trưởng thượng. Và lại, Đức Phật xuất gia được, thì có lý nào mình xuất gia không được.

Công tử Á-nú-rút-thá (Anuruddha) mừng khôn thể tả. Cả hai cùng rủ thêm bốn người nữa, là các công tử: A-nan-đa (Ananda), Phá-gú (Bhaggu), Kim-bi-lá (Kimbila), và Đê-quá-đát-tá (Devadatta) đồng khởi hành trực chỉ xứ Má-lá (Malla) để bái kiến Đức Phật.

Khi đến ranh giới hai nước Sắ-cá (Sakka) và Má-lá (Malla) sáu vị công tử bèn cởi áo mào quí trao cho Ú-pa-li (Upali), một chuyên viên thẩm mỹ cùng đi theo mang trở về Ca bi la vệ lập nghiệp.

Ngay lúc chủ tớ chia tay, núi rừng gần như cũng cảm động, thở than trước cảnh sinh ly hy hữu ấy.

Đi được một đôi đường Upali thấm buồn và tự nghĩ:

- Các vị công tử đã xem thường những bảo vật này và đem tặng cho mình để làm sinh kế. Nghiệm cho cùng, nếu mình nhận thì chẳng khác nào mình liếm nước miếng của các vị ấy đã nhổ ra. Càng suy nghĩ càng thấm thía. Upali bèn treo gói bảo vật lên cành cây, chạy trở lui tìm sáu vị công tử, bày tỏ ý kiên tự giác của mình và xin tình nguyện cùng được xuất gia.

Sáu vị công tử cùng nhau hội ý và cuối cùng bằng lòng. Khi bái kiến Đức Phật, sáu vị công tử bày tỏ chí nguyện xuất gia. Trước khi xuất gia, các vị công tử không quên bạch Phật:

- Bạch Đức Thế Tôn, chúng đệ tử là dòng vua chúa có nhiều thành kiến và rất nặng ngã mạn. Do đó, xin Đức Thế Tôn từ miễn cho phép Upali được xuất gia trước, để chúng đệ tử có cơ hội cung kính, ngỏ hầu đã phá thành kiến ngã mạn, cho được thích nghi với nếp sống phạm hạnh của hàng Sa môn.

Sau khi xuất gia không lâu, Đại đức Phát-đí-dá (Bhaddiya), Phắc-gu (Bhaggu), Kim-bí-lá (Kimbila) và Á-nu-rút-thá đắc quả Alahán. Đại đức Đê-quá-đát-tá đắc được phàm thiên. Đại đức Ananda mãi 19 năm sau mới đắc được Tu đà hườn.

Đời bằng hữu

Đối với Đức Phật, Đại đức Ananda có những vai trò cố định như sau:

- 1- Dâng nước uống, nước xài lạnh nóng.
- 2- Dâng tắm xia răng cỡ lớn, cỡ trung và cỡ nhỏ.
- 3- Bóp tay, chân.
- 4- Đấm lưng.
- 5- Lau, quét hương thắt và xung quanh thắt.

Đêm đêm Đại đức Ananda luôn luôn tỉnh thức và phục dịch rất mực chu đáo, đúng với tôn ý Đức Phật. Tương truyền rằng Đại đức tay cầm đèn lớn đi tuần quanh hương thất mỗi đêm bốn lần. Đại đức nổi tiếng là chu đáo, thông minh và có óc thẩm mỹ. Bất cứ việc gì một khi được giao phó là Đại đức hoàn thành tốt đẹp.

Chẳng hạn như, có một lần, vua Ba tư nặc (Pasanadikosala) phát tâm cúng dường thực phẩm thường trực Đức Thế Tôn và yêu cầu Ngài thường xuyên quang lâm thành nội.

Đức Phật nhã nhặn từ khước:

- Muôn tâu, thông thường chư Phật là người của quần chúng. Do đó, Như Lai không thể hứa nhận thực phẩm tại một địa điểm cố định.

Đức vua bạch thêm:

- Bạch Đức Thế Tôn, nếu vậy, xin Đức Thế Tôn từ bi chỉ định một vị đại diện hướng dẫn chư tăng vào thành nội cho đệ tử được cúng dường.

Đức Phật chỉ định Đại đức Ananda. Những ngày đầu, đức vua đích thân cúng dường rất chu đáo. Nhưng lần hồi về sau, vì đa đoan công vụ, đức vua mệt mỏi, dậy trễ. Chư tăng đến mà chẳng ai dám đánh thức. Hơn nữa, đức vua lại quên không chỉ định người đại diện chính thức. Do đó, một số đồng chư tăng đã phải ra về, chỉ có Đại đức Ananda còn kiên nhẫn ở lại. Sự kiện xảy ra nhiều ngày như vậy.

Một hôm, đức vua đích thân cúng dường. Nhưng chẳng thấy chư tăng đâu cả, ngoại trừ Đại đức Ananda. Đức vua vô cùng phiền não. Một buổi chiều, nhà vua đến chùa lễ Phật:

- Bạch Đức Thế Tôn, chư tăng đã khinh thường lời thỉnh cầu của đệ tử. Đệ tử chuẩn bị thực phẩm nhiều trăm phân để cúng dường, thế mà chỉ có một mình Đại đức Ananda đến nhận.

Đức Phật an ủi:

- Muôn tâu, chư tăng không được quen biết và thân thiện nhiều với hoàng gia cho nên mới có hành động như vậy. Xin bệ hạ đừng phiền. Riêng Ananda là con người tự trọng, hiểu biết và chịu đựng. Một mẫu người như vậy, quả thật khó kiếm.

Một lần khác, Đức vua Ba tư nặc yêu cầu Đức Phật chỉ định Đại đức Ananda dạy đạo cho hoàng hậu Ma-li-ca (Malikà) và công chúa Va-sa-pha-khách-đi-dá (Vasabhakhattiya). Hoàng hậu rất mực chú tâm và chuyên cần học đạo nhưng công chúa thì thờ ơ, học lấy lệ.

Đại đức Ananda đem chuyện này bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Nay Ananda, thiện ngôn đối với người không tri hành thì quả thật vô ích. Nó vô ích như loài hoa có sắc mà không hương. Thiện ngôn chỉ có ích thiết thực đối với người biết tri hành, cũng như loài hoa vừa có màu sắc thắm tươi vừa có hương thơm ngào ngạt.

Ananda nghĩ, chánh pháp mà Như Lai đã thuyết dạy sẽ trở thành vô ích nếu người nghe không thực sự phụng hành; còn trái lại, tích cực phụng hành thì chánh pháp sẽ vô cùng ích lợi.

Nói đến tình thương yêu quý kính của Đại đức Ananda đối với Đức Phật thì quả thật không có văn tự nào phản ảnh trung thực và diễn tả tròn đầy. Vì tâm tình của Đại đức là một thứ tình cao vời như đỉnh Tuyết sơn, trong suốt như ngọc pha lê và đẹp diệu như ánh trăng ngà trên bãi bể.

Đại đức sẵn sàng hy sinh tánh mạng cho Đức Phật. Một sự hy sinh bằng tình nguyện, bằng hoan hỷ, bằng tất cả rung cảm của con tim và sáng suốt của khối óc. Một bằng chứng hùng hồn và cảm động nhất, đó là lần Đề Bà Đạt Đa cấu kết với vua A-xà-thế phục rượu voi Na-la-gi-ri (Nàlagiri) sai nó giết Phật.

Câu chuyện như vậy:

- Hôm ấy, bình minh rạng rỡ. Những giọt sương mai còn lấp lánh ít nhiều trên ngọn cỏ. Gió mai thổi nhẹ hơi sương. Đức Phật và Đại đức Ananda vào thành khát thực. Một tín nữ đang để bát cho Ngài, thì bỗng dưng dân chúng ùn ùn kéo nhau chạy loạn. Tiếng kêu la thất thanh của dân chúng, tiếng rống dồn dập của voi say thi nhau vang lên rùng rợn. Họ chạy đập bừa lên nhau thoát nạn: Người và vật ngổ ngang trên đất. Đức Phật im lặng tiến về hướng voi say một cách bình thản. Ngay lúc ấy, Đại đức Ananda tiến thật nhanh đến phía trước Đức Phật, đứng án ngữ trong tư thế sẵn sàng hy sinh. Trước cử chỉ cao quý ấy, Đức Phật dạy:

- Ananda, hãy lùi lại sau. Đừng quá lo sợ cho Như Lai.

- Bạch Thế Tôn, tính mạng của Thế Tôn có giá trị tuyệt đối. Sự sống của Thế Tôn là nguồn hạnh phúc lớn của chúng sanh. Đức Thế Tôn không thể bị hại trong lúc này. Và lại, sinh mạng của đệ tử không đáng giá là bao. Xin cho đệ tử được hy sinh một vật không đáng giá để duy trì một giá trị tuyệt đối như bỏ đi một cục đá để bảo tồn một viên ngọc quý.

- Không nên đâu Ananda. Như Lai đã tròn đầy Ba la mật hạnh. Không ai có thể gây thương vong cho Như Lai, trừ phi Như Lai chấp nhận.

Mặc dù Đức Phật dạy như vậy nhưng vì quá lo ngại cho tính mạng của Thế Tôn, Ananda vẫn giữ nguyên vị trí cũ. Đức Phật dùng thần thông di chuyển Ananda ra phía sau. Liên khi ấy voi Nalagiri đã chạy sòng sọc đến gần Đức Phật. Trong tiếng kêu la thất thanh tuyệt vọng của số đông Phật tử đồng lúc vang lên như báo hiệu đây là lần gặp gỡ sau cùng giữa họ và Đức Phật. Trong giây phút thập tử nhất sinh ấy, Đức Phật rãi lòng từ bi và nhìn thẳng voi dữ. Na la ghi ri khựng lại như đụng phải bức tường sắt. Sự hung dữ, say sưa đã biến mất, nhường cho sự tỉnh táo hiền lành, một thay đổi toàn diện như hai thái cực. Lửa hung dữ đã bị nước từ bi dập tắt. Na la ghi ri quì xuống chân Đức Phật. Đức Phật rờ đầu voi và phủ dụ:

- Na-la-gi-ri oi, sở dĩ ngươi mang thân thú là do ác nghiệp tiền kiếp. Giờ đây ngươi không nên gây thêm trọng nghiệp bằng ác ý muốn làm hại Như Lai. Ngươi sẽ trả quả vô cùng cay đắng trong vô số lượng kiếp, nếu ngươi chưa chịu hồi tâm.

Na-la-gi-ri cúi đầu yên lặng, rồi lấy vòi áp nhẹ vào chân Đức Phật tỏ thái độ nhận lỗi, ăn năn.

Trước oai thần của Đức Phật, quần chúng vô cùng kinh ngạc và kính phục. Để tỏ lòng qui ngưỡng, họ hoan hô vang dậy cả một góc trời và cúng dường tràng hoa, hương liệu tràn ngập dưới chân Ngài.

Một lần khác, Đức Phật bị bệnh cảm tý Đại đức Ananda đích thân nấu cháo cúng dường. Vì Đức Phật thường dạy, cháo là món thuốc trị bệnh cảm rất kiến hiệu. Đức Phật hỏi:

- Ananda, người làm sao có cháo này?

- Bạch Thế Tôn, đệ tử nấu lấy.

- Ananda, tại sao người làm vậy? Người đã hành động không xứng đáng, không thích hợp với đời sống Samôn. Người quên rằng bậc xuất gia không có quyền tự mình nấu nướng. Người hãy đem đồ đi. Như Lai không dùng cháo của người đâu.

Đại đức Ananda cúi đầu thỉnh lặng không dám thốt một lời, dù là lời biện bạch.

Một lần khác, Đức Phật bị bệnh bón. Đại đức Ananda lập tức đi tìm vị danh y A-chi-qua-ca-cô-ma-ra-phach-cha cho biết tin ấy. Vị danh y khuyên nên để Đức Phật nghỉ dưỡng sức một vài hôm. Đại đức Ananda thi hành lời khuyên một cách nghiêm chỉnh. Sau đó Đại đức bèn trở lại tìm vị danh y. Vị này trao cho Đại đức ba cánh sen có rắc bột thuốc. Sau khi ngửi vào, Đức Phật xỏ được ba, bốn lần.

Một lần khác, lúc ngụ tại thành Quê-sa-li, Đức Phật bệnh nặng. Ngài dùng năng lực tinh tấn và nhẫn nại để làm giảm thiểu cơn đau và cuối cùng được hoàn toàn bình phục. Đại đức Ananda bạch Phật về tâm trạng của mình như sau:

- Bạch Đức Thế Tôn, trong thời gian Đức Thế Tôn thọ bệnh, thân xác đệ tử héo hon như đọt khô qua bị cháy nắng. Đệ tử có cảm tưởng trời đất tối tăm, sụp đổ. Đệ tử tuyệt vọng nhưng cố tự trấn tĩnh rằng: Đức Thế Tôn chưa có nhập diệt, vì Ngài chưa triệu tập tăng già và chưa thuyết minh Di giáo tối hậu.

Những sự kiện vừa kể, chứng minh cụ thể rằng Đại đức Ananda đối với Đức Phật chẳng những là một thị giả, mà còn là một đại bằng hữu một tấm tình tuyệt vời, một tâm hồn chí thiện.

Nói đến Đại đức Ananda, chúng ta không thể bỏ qua đức tính thông minh và óc thẩm mỹ. Chính nhờ những nét độc đáo này mà Đại đức đã trở thành một cộng sự viên đặc lực của Đức Phật. Điển hình là việc sáng chế giáo phục. Câu chuyện như vậy:

Một lần nọ, Đại đức theo Đức Phật qua tỉnh Đắc-khi-na-ghi-ri. Đức Phật nhìn thấy thửa ruộng của nông dân xứ Magatha vuông dài, bốn cạnh bằng nhau, lại thêm có những đường nhỏ thông ngang dọc trông thật đẹp mắt, bèn hỏi Đại đức Ananda:

- Này Ananda, người có thể chế biến giáo phục cho chư Tăng theo hình thức thửa ruộng này được không?

- Bạch Đức Thế Tôn, đệ tử sẽ cố gắng.

Sau đó, Đại đức Ananda đã cắt may được một mẫu y có hình thức như thừa ruộng đệ trình Đức Phật. Đức Từ Phụ vô cùng hoan hỉ và chính thức ban hành giáo phục cho tăng già.

Nhơn tiện, Đức Phật khen ngợi Đại đức Ananda giữa tăng chúng:

- Này các tỳ kheo, Ananda là người thông minh, có óc thẩm mỹ, trí lực bén nhạy, có khả năng hiểu biết toàn diện những điều Như Lai chỉ nói vắn tắt.

Còn nói đến đức tri túc thì Đại đức Ananda quả thật là mẫu người xứng đáng, khả kính và mực thước. Câu chuyện xảy ra sau khi Đức Phật tịch diệt như vậy:

Một hôm, theo di ngôn của Đức Phật, Đại đức Ananda sang xứ Kosambi bằng đường thủy nhằm tuyên phạt phạm án Đại đức Channa, một vị tỳ kheo ương ngạnh, khó dạy. Rời thuyền, Đại đức đi bộ và tạm nghỉ tại vườn thượng uyển của đức vua Udena.

Lúc bấy giờ, đức vua và hoàng hậu đang ngự nơi ấy. Hoàng hậu được biết Đại đức Ananda quang lâm đến rất lấy làm hoan hỉ. Đại đức nói đạo cho Lệnh bà nghe. Lệnh bà phát tâm trong sạch cúng dường Đại đức Ananda 500 bộ y. Hay tin, nhà vua chỉ trích Đại đức Ananda nặng lời.

Đến khi có cơ hội, gặp Đại đức, nhà vua phán hỏi:

- Bạch Đại đức, nghe nói chánh cung có cúng dường 500 bộ y cho Đại đức phải không?
- Muôn tâu, có. Và bản đạo đã nhận tất cả.
- Đại đức nhận làm chi mà nhiều quá vậy?
- Để chia cho những vị nào mà y phục đã cũ, rách.
- Y cũ, rách để làm gì?
- Để làm trần.
- Trần cũ để làm gì?
- Làm vải trải đơn (giường ngủ).
- Vải trải đơn cũ để làm gì?
- Làm vải lau bát.
- Vải lau bát cũ để làm gì?
- Làm vải lau sàn.
- Vải lau sàn cũ để làm gì?
- Làm vải lau chân.
- Vải lau chân cũ làm gì?
- Làm vải lau bụi.
- Vải lau bụi cũ để làm gì?
- Đem nhồi chung với đất sét tô vách tường.

Đức vua Udena vô cùng hoan hỉ và cúng dường thêm 500 bộ y nữa vì cho rằng các bậc Thích tử rất tri túc, không bừa bãi, phung phí.

Ngoài đức tính tri túc, Đại đức Ananda còn nổi tiếng là người nhớ ơn. Đại đức chẳng những nhớ ơn người lớn mà còn biết ơn kẻ nhỏ.

Có một lần, Đức vua Pasenadi cúng dường Đại đức hàng trăm bộ y. Nhớ ơn một môn đệ đã từng phục dịch Đại đức trong mọi công tác vô cùng tích cực, nên Đại đức ban thưởng tất cả y cho vị này. Vị này quả thật xứng đáng, khả kính, khả ái, không phụ lòng thầy, nên sau khi nhận y, liền đem tất cả cúng dường lại cho chư tăng.

Nhơn câu chuyện này, một vị tỳ kheo bạch hỏi:

- Bạch Đức Thế Tôn, vị Tu đà hườn còn tư vị hay không?
- Nay các tỳ kheo, trường hợp như thế nào?

Sau khi các vị tỳ kheo bạch rõ sự kiện, Đức Phật dạy:

- Nay các tỳ kheo, sự tư vị không có nơi Ananda. Sở dĩ Ananda hành động như vậy là vì nhớ ơn người đã có công với mình. Các tỳ kheo này, bậc trí giả lúc nào cũng nhớ ơn và luôn luôn tìm dịp báo ơn.

Lệnh bà Mahà Pajàpati

Đại đức Ananda còn có tính hay thương người, thấy ai khổ là chịu không được và sẵn sàng giúp đỡ tùy khả năng, không phân biệt thân sơ, nam nữ. Câu chuyện điển hình như sau:

Dì mẫu Mahapachapati (Mahapajapati) rất mực thương yêu và quý kính Đức Phật. Để thể hiện tình cảm sâu đậm ấy, Lệnh bà tự kiểm và nhận thấy rằng từ ngày Thái tử thành Phật, trong hàng hoàng gia Thích tộc có người hiến cúng lễ vật, có người rũ áo đi tu, riêng mình thì chưa làm được việc thiện nào cụ thể. Nghĩ xong, Lệnh bà tự chọn cho mình một công tác là tự tay canh củi dẹt vải và cắt may một bộ y phục thật tốt để cúng dường Đức Phật. May xong, Lệnh bà đến chùa bạch Phật:

- Bạch Đức Thế Tôn, Dì mẫu tự tay canh củi, dẹt vải và cắt may bộ y này để cúng dường, xin Đức Thế Tôn từ bi thọ dụng.
- Thừa Dì mẫu, xin Dì mẫu cúng dường đến vị khác. Như Lai đã có đủ y rồi.

Lệnh bà tha thiết năn nỉ ba lần, nhưng Đức Thế Tôn vẫn một mực khước từ. Lệnh bà vô vàn buồn tủi. Nhớ thuở nào, khi Đức Phật còn ấu thơ, Lệnh bà ẵm bồng, nung niu. Chăm lòng không được, Lệnh bà vừa khóc kể vừa ôm bộ y đến chỗ ở Đại đức Xá Lợi Phất kể hết sự tình và yêu cầu Đại đức hoan hỉ thọ nhận.

Mặc dù thông cảm cảnh ngộ và tâm trạng của Lệnh bà, song Đại đức khước từ và đề nghị Lệnh bà cúng dường cho vị khác. Nhưng câu chuyện được ghi nhận là không có vị nào thọ y của Lệnh bà.

Cuối cùng, Đức Phật cho triệu tập tăng chúng, và khuyến khích Lệnh bà cúng dường đến chư tăng do Đại đức A-chi-ta đại diện nhận. Đồng thời, Ngài an ủi, khích lệ và tán thán đạo tâm tuyệt đối trong sạch của Lệnh bà, khiến Lệnh bà chẳng những hết tủi thân mà còn vô cùng hoan hỉ.

Nhơn câu chuyện này, Đức Phật giải thích về cung cách bố thí:

- Thừa Di mẫu, bộ y mà Di mẫu vừa cúng dường gọi là tăng thí trong sự chứng minh của Như Lai, một vị Phật Tổ. Cách thí này phước báu to lớn vô cùng, to lớn hơn cúng dường đến một cá nhân, dù cá nhân ấy là Như Lai. Di mẫu ơi, sở dĩ Như Lai không thọ y của Di mẫu, không phải Như Lai muốn làm khó hay làm buồn lòng Di mẫu, mà sự thật chỉ vì Như Lai muốn cho Di mẫu được thật nhiều công đức.

Đức Phật nhìn sang Đại đức Ananda và dạy:

- Ananda, người khẩn cầu Như Lai thọ y của Di mẫu bằng cách gọi lại mối tình dưỡng dục tuyệt vời mà Di mẫu dành riêng cho Như Lai thuở ấu thời. Điều này Như Lai không phủ nhận. Do đó, Như Lai đã triệu tập chúng tăng, và hướng dẫn Di mẫu cúng dường đến đoàn thể thay vì cá nhân. Sự cúng dường đến tập thể có giới đức thì phước báu thật là vô lượng. Ananda này, cá thể thì có 14 hạng:

- 1- Bậc Chánh Đẳng Chánh Giác.
- 2- Bậc Độc giác Phật.
- 3- Bậc Alahán.
- 4- Bậc đang hành đạo để đắc quả Alahán.
- 5- Bậc Anahàm.
- 6- Bậc đang hành đạo để đắc quả Anahàm.
- 7- Bậc Tu đà hàm.
- 8- Bậc đang hành đạo để đắc quả Tu đà hàm.
- 9- Bậc Tu đà hườn.
- 10- Bậc đang hành đạo để đắc quả Tu đà hườn.
- 11- Tu sĩ ngoại đạo đã diệt ái dục.
- 12- Phạm nhơn có giới đức.
- 13- Phạm nhơn không có giới đức.
- 14- Loài súc sanh.

Này Ananda, thực phẩm mà người cho đến súc sanh vẫn được phước báu to lớn. Ananda, có lần Như Lai nói với một du sĩ ngoại đạo rằng:

- Dù đổ nước rửa bát với ý định bố thí cho những loại thấp sinh vẫn được phước nhiều. Do đó, sự bố thí từ người có giới đức trở lên đến bậc Chánh Đẳng Chánh Giác thì phước báu lại càng to lớn hơn. Tuy nhiên, phước của cá thể vẫn là phước tương đối, giới hạn; còn phước của tập thể thí thì tuyệt đối, vô hạn. Này Ananda, đến thời mạt pháp sẽ không còn bậc xuất gia có giáo phục và giới đức, mà chỉ có hình thức tối thiểu để ghi nhận mà thôi. Chẳng hạn như, quần vải vàng trên cổ, buộc chỉ vàng nơi cườm tay hoặc trên búi tóc. Mặc dầu vậy, sự bố thí đến hình thức tăng ấy cũng được phước vô lượng miễn là tác ý hướng vọng tăng già.

Đức Thế Tôn an ủi thêm Di mẫu:

- Thừa Di mẫu, do đó, sự cúng dường hôm nay của Di mẫu là sự cúng dường đến tập thể. Quả thật Di mẫu là người đại phước, đại duyên, vì nó đánh dấu một thắng lợi lý trí. Nguyên Di mẫu đã phát tâm muốn xuất gia theo Phật ngay từ lúc Ngài còn ngụ tại chùa Ni-gô-rô-tha-ra-ma (Nigrodhàrama) xứ Ca-bì-la-vệ. Nhưng Đức Phật khước từ. Lệnh bà không thối chí nản lòng, cứ tiếp tục khẩn cầu nhiều lần nhiều lượt, nhưng Đức Phật vẫn không đổi ý. Mãi đến khi Đức Phật ngự sang xứ Vesàli và tạm ngụ tại Cu-đa-ga-ra-sa-la (Kutàgàrasàla) rừng Đại lâm (Mahàvana) thì Lệnh bà cùng với một số đông công nương Thích tộc phát đại nguyện xuất gia làm tỳ kheo ni. Tất cả đồng loạt thí phát, đắp y cà-sa, đi chân đất từ Ca-bì-la-vệ đến Vesàli, khoảng đường dài 200 cây số. Mặc dù đôi chân vương giả đã bị sưng phồng, Lệnh bà và hàng công nương vẫn vào bái kiến Đức Phật xin phép xuất gia. Đức Phật vẫn không chấp thuận. Lệnh bà vô cùng buồn tủi, bèn ra đứng ngoài ven rừng Đại lâm khóc than thảm thiết.

Đại đức Ananda thấy vậy động lòng, bèn an ủi Lệnh bà dẫn con sào khỏ. Đại đức vào bạch Phật:

- Bạch Đức Thế Tôn, Lệnh bà Gotami, Di mẫu của Đức Thế Tôn, đã tự động thí phát, đắp y cà-sa, thân hình tiều tụy, nét mặt bơ phờ hai chân sưng phồng vì đi bộ từ Ca-bì-la-vệ. Mặc dù vậy, Lệnh bà vẫn không nghĩ đến sự cực khổ, đau đớn, mà chỉ cầu mong được xuất gia. Bạch Đức Thế Tôn, Lệnh bà là người có nhiều công ơn, đã thay từ mẫu cho Đức Thế Tôn những dòng sữa ấm. Xin Đức Thế Tôn mở lòng bi mẫn cho phép Lệnh bà được xuất gia theo sở nguyện.

Một phút im lặng, Đức Phật dạy:

- Nay Ananda, Di mẫu có nhiều công ơn đối với Như Lai, điều này Như Lai vẫn hằng tâm niệm. Nhưng Ananda cũng đừng quên rằng Như Lai là vị Pháp vương phải chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với giáo đoàn, giáo sư và càng không thể lẫn lộn giữa vấn đề tình cảm và lý trí. Do đó, Như Lai phải tuyệt đối vô tư. Nay Ananda, nếu ví giáo đoàn Tăng già như thửa ruộng thì sự có mặt của ni chúng sẽ là loài sâu bọ làm hại mùa màng. Nay Ananda, Như Lai đã từng dạy rằng, nữ giới là phiền trược của phạm hạnh. Ananda ơi, nếu chánh pháp của Như Lai có thể tồn tại và thanh hành 1000 năm, nhưng khi có ni chúng thì thời hạn ấy sẽ giảm thiểu còn phân nửa. Hãy cho thông qua chuyện ấy. Ananda chớ nên sốt sắng khẩn cầu mà sẽ có điều bất lợi về sau.

Nhưng hình ảnh vô cùng tiều tụy, xác xơ, với nét mặt bơ phờ và đôi chân sưng húp của Di mẫu trong bộ y cà-sa dính nhiều bụi đất đã khiến Đại đức chạnh lòng thương cảm:

- Bạch Đức Thế Tôn, nữ giới nếu được xuất gia đúng chánh pháp có thể đắc được thánh quả hay không?

- Có thể được không trở ngại.

- Bạch Đức Thế Tôn, nếu vậy xin Đức Thế Tôn từ bi chấp thuận cho Di mẫu xuất gia.

Qua một phút im lặng nữa, Đức Từ Bi phán dạy:

- Nay Ananda, nếu Di mẫu chịu nghiêm hành 8 trọng pháp (1) thì Như Lai có thể chấp thuận. Tám trọng pháp ấy là:

- 1- Tỳ kheo ni dù có 100 tuổi đạo cũng phải đảnh lễ, đứng dậy tiếp rước và phụng sự xứng đáng đối với vị tỳ kheo tăng dù mới xuất gia trong ngày.
 - 2- Không được nhập hạ tại địa điểm không có tỳ kheo tăng.
 - 3- Phải tự hành lễ Phát lồ (2) và sau đó phải đến thỉnh giáo với tỳ kheo tăng trong mỗi định kỳ nửa tháng.
 - 4- Phải tự hành lễ Tự tứ (Pavàranà) và sau đó phải đến xin hành lễ với tỳ kheo tăng.
 - 5- Nếu phạm tăng tàng phải chịu thọ phép Ma-nach-ta (Mànatta) (3) 15 ngày thay vì 7 ngày nơi hai giáo hội.
 - 6- Giới tử ni (Sikkhamàna) trước khi xuất gia phải nghiêm trì lục giới suốt thời gian hạn định 2 năm và phải được hành lễ thọ cụ túc giới nơi lưỡng phái giáo hội.
 - 7- Không được nặng lời chỉ trích, hoặc mắng chửi tỳ kheo tăng.
 - 8- Không có quyền giáo huấn tỳ kheo tăng, mà chỉ có tỳ kheo tăng mới đủ thẩm quyền giáo huấn tỳ kheo ni.
- Nay Ananda, đây là 8 trọng pháp mà ni giới phải nghiêm hành suốt đời.

Chú thích:

- (1) Cũng được gọi là Pháp Bát Kính.
- (2) Lễ Bồ tát.
- (3) Nghi thức giáo luật để trong sạch hóa tỳ kheo phạm trọng tội.

Đại đức Ananda thuật lại tất cả cho Di mẫu nghe và chờ xem phản ứng. Lệnh bà vô cùng hoan hỉ, có cảm tưởng như cô gái đẹp tắm rửa sạch sẽ, điểm trang lộng lẫy, đầu đội tràng hoa, thì thử hỏi làm sao Lệnh bà không vui mừng cho được. Lệnh bà bạch với Đại đức Ananda là sẽ trọn đời nghiêm hành Bát kính pháp.

Đức Phật cho Lệnh bà và 500 công nương Thích tộc được xuất gia thọ cụ túc giới. Đây là khởi đầu cho trang ni sử trong Phật giáo.

Tại sao Đức Phật có tôn ý không cho nữ giới xuất gia? Điều này đã được trả lời dứt khoát và minh bạch qua thái độ không chấp thuận lời khẩn cầu của Di mẫu. Ngài lo xa: Ni giới sẽ gây trở ngại cho bản thân mình cũng như tha nhân. Chẳng hạn, tỳ kheo ni không thể bảo vệ an ninh cho chính mình. Do đó, ni chúng không có quyền sống biệt lập, mà phải luôn luôn đặt dưới sự giáo huấn và giám hộ của tỳ kheo tăng. Sự liên đới trách nhiệm này là một trở ngại lớn cho cả hai giới.

Tuy nhiên, trong hoàn cảnh bất khả kháng, Đức Thế Tôn cũng hoan hỉ chấp thuận với những điều kiện trên. Qua Pháp Bát Kính, chúng ta phải nhận rằng, tôn ý Đức Phật cho phép nữ giới

xuất gia nhưng chế định giới luật vô cùng khó khăn để ni giới không phát triển được và cuối cùng giáo đoàn ni bộ không còn nữa. Sự kiện đã xảy ra như dự liệu. Nghĩa là sau khi Đức Phật tịch diệt, không có đoàn kinh nào đề cập đến ni giới. Mãi cho đến triều đại A-Dục vương (1), giáo đoàn ni bộ mới tái xuất hiện.

Một điều quan trọng khác, tưởng cũng nên biết, đó là nghi thức và cung cách cho nữ giới xuất gia. Theo luật định, một vị tể độ chỉ có quyền cho một giới tử ni xuất gia và sau đó phải nghỉ một năm. Nghĩa là cách năm mới được phép cho xuất gia. Với điều kiện này, dù muốn dù không, giáo đoàn ni bộ cũng phải đi đến chỗ tự diệt.

Và lại tôn ý Đức Phật chỉ muốn nữ giới giữ vai trò tiếp liệu, tỳ kheo tăng là chiến sĩ, mà Đức Phật là vị Tổng tư lệnh tối cao.

Phần 2

Yêu là khổ

Ngoài bản chất từ bi hay thương người và sẵn sàng cảm thông giúp đỡ, Đại đức Ananda rất khiêm nhã, phong cách uy nghi, lại thêm sắc diện sáng tươi khả ái đã vô tình khiến cho một thiếu nữ say mê cuồng nhiệt. Câu chuyện như vậy:

Có một hôm mùa hè nóng bức, Đại đức hữu sự đi đường xa, lúc trở về Kỳ viên tịnh xá ánh nắng gay gắt như đốt cháy thịt da, khiến Đại đức khát nước khô cổ, mồ hôi nhễ nhại. Vừa lúc ấy, một thiếu nữ đang xách nước xuất hiện như một cứu tinh. Quá vui mừng, Đại đức đến gần và lên tiếng:

- Này tín nữ, bản đạo đi đường xa nên khát nước, nếu không thấy phiền xin tín nữ vui lòng cho bản đạo ít nước giải khát.

Nghe lời nói vô cùng lịch sự tao nhã, thiếu nữ ngược lên nhìn, nàng giựt mình mất bình tĩnh, vừa bước lui vừa nói:

- Thưa Đại đức, tôi không dám dâng nước cho Đại đức đâu. Đại đức cũng không nên uống nước này vì Đại đức là dòng dõi quý tộc, còn tôi là dòng nô lệ thấp hèn.

- Tín nữ không nên nghĩ như vậy. Bản đạo là người vô giai cấp. Bản đạo là Thích tử Sa môn chứ không phải vua chúa, bà la môn, thương gia hay lao động, mà chỉ là một con người như tín nữ vậy.

- Tôi chỉ sợ làm hoen ố đến Đại đức vì Đại đức nhận nước từ tay người khác giai cấp, mà kẻ ấy lại là tôi, một giai cấp hèn hạ, nô tỳ và chính cá nhân tôi cũng bị đả tội. Chớ thực ra tôi đâu tiếc rẻ gì với Đại đức - Nàng trả lời với giọng nhẹ nhàng và xúc động.

- Tín nữ này, sự hoen ố và tội lỗi không bao giờ có nơi người nặng lòng từ bi và nhiều nhân ái. Sự hoen ố và tội lỗi chỉ có trong hành vi bất thiện. Như vấn đề này, bản đạo là người xin nước, tín nữ là người thí nước, tất cả đều là hành động đạo lý, mà hành động đạo lý thì không thể bị hoen ố và có tội, trái lại nó là chất nước trong sạch để tẩy rửa những vật dơ bẩn. Truyền thống

giai cấp mà Bà la môn giáo chủ xướng không tạo được sự bình đẳng mà chỉ tạo thêm sự ngăn cách, làm tổn thương nhân phẩm. Đức Tôn Sư của bản đạo có dạy rằng: không có giai cấp trong dòng máu cùng đỏ, không có sự bất bình đẳng trong giọt nước mắt cùng mặn. Tất cả sự thật, bản đạo đã giải bày, nếu tín nữ có thể cho được thì xin đổ nước vào cái bát này.

Nàng cảm thấy thâm thía, ngọt ngào qua lời nói vừa thành thật vừa hữu lý của Đại đức. Đây là lần đầu tiên trong đời bất hạnh của nàng mới được nghe, nhất là lời nói đó phát xuất từ con người, mà đời cho là thượng lưu quý tộc. Dư âm lời nói dường như cứ ngân nhẹ trong tai nàng. Bàn tay dịu dàng, trịnh trọng đổ nước vào bát Đại đức trong tư thế quì một chân, còn Đại đức Ananda thì đứng cúi xuống nhận nước và uống một cách ngon lành. Nàng ngược nhìn Đại đức uống nước mà niềm vui tràn ngập cả tâm hồn.

Uống xong Đại đức phúc chúc:

- Cầu cho tín nữ được nhiều hạnh phúc.

Nàng nghiêng thùng nước và mời:

- Bạch Đại đức, xin Đại đức uống thêm cho thật hết khát.
- Vừa đủ rồi tín nữ ạ!
- Bạch Đại đức, làm sao tôi có hân hạnh được biết quý danh Đại đức?
- Tín nữ có từng nghe Ananda, thị giả của Đức Phật bao giờ chưa?
- Dạ có.
- Có từng thấy mặt không?
- Dạ không.
- Chính tín nữ đang tiếp chuyện với Ananda đó.

Nàng bàng hoàng vì sung sướng ngập lòng. Quả thật, nàng chưa bao giờ dám mơ ước được thấy mặt con người bằng xương bằng thịt hưởng chi được hầu chuyện cùng Đại đức Thị giả của Đức Thế Tôn. Hào quang của sự sung sướng tỏa chiếu ra ngoài sắc mặt và ánh mắt. Nàng nói thật nhẹ, giọng nói hơi run:

- Bạch Đại đức, thật là một diễm phúc lớn cho tôi được gặp Đại đức, người có giới hạnh, có danh vị mà tôi cứ tưởng là mình nằm mộng.

Đại đức Ananda từ giã nàng và về Kỳ Viên tịnh xá. Được một đôi đường, Đại đức nghe tiếng chân người phía sau, bèn quay lại nhìn thì thấy thiếu nữ ban nãy. Định ninh nhà cô ta ở cùng đường, nên Đại đức cứ tiếp tục đi, không nghi ngờ chi cả. Nhưng khi đến gần cổng chùa không còn ngã rề, Đại đức quay nhìn lại, vẫn thấy nàng lẻo đẻo theo sau, cặp mắt đắm đuối nhìn mình, bèn dừng bước, chờ nàng đến gần, và hỏi:

- Tín nữ đi về đâu?
- Dạ, tôi đi về chùa Kỳ viên.
- Tín nữ vào đó để làm gì?
- Để được gặp Đại đức và trò chuyện với Đại đức.
- Tín nữ không nên vào đây nếu không có lý do chính đáng, vì đây là chỗ ở của chư tăng. Tốt

hơn, tín nữ nên về nhà.

- Tôi không về nhà nữa. Tôi thương Đại đức. Đòi tôi chưa bao giờ gặp ai khả kính, khả ái như Đại đức.

- Nay tín nữ, Đức Tôn Sư dạy rằng: muốn biết người tốt xấu phải ở chung lâu ngày, nhận xét vô tư và phải phán quyết sáng suốt. Ở đây, tín nữ mới gặp bản đạo một lần thì làm sao dám quả quyết là bản đạo khả kính, khả ái. Nếu bản đạo đã mượn danh Đại đức Ananda, thì tín nữ nghĩ sao? Thôi tín nữ hãy về nhà, đừng vào chùa bất tiện lắm.

- Dù Đại đức là ai, tôi vẫn thương Đại đức.

- Tín nữ, Đức Tôn Sư dạy rằng: yêu là khổ. Yêu sanh ra lo sợ. Yêu là nguồn gốc của mọi tội lỗi. Tín nữ không sợ khổ sao?

- Thưa Đại đức, tôi sợ khổ và không muốn bị khổ. Mọi người trên thế gian cũng như tôi. Tuy nhiên, tôi muốn được thương yêu đặc biệt là yêu thương Đại đức.

- Làm sao được hở tín nữ? Vì nhân quả lúc nào cũng liên quan mật thiết. Cái nhân thương đã gieo, thì cái quả khổ phải gặt.

- Đại đức nói vậy, chớ tôi nào thấy khổ. Tôi chỉ thấy vui sướng và hạnh phúc khi được gặp gỡ, chuyện trò với Đại đức, người mà tôi yêu thương, quý kính nhất đời.

- Nếu sau này không gặp bản đạo nữa thì tín nữ có khổ không?

- Chắc chắn là phải khổ nhiều lắm.

- Như vậy chứng tỏ yêu là khổ.

- Không phải vậy. Đó là do sự xa cách người thương, chớ không phải do bản chất sự thương yêu.

- Nếu xa cách người không thương thì có khổ không?

- Dạ không.

- Nay tín nữ, như vậy tín nữ đã tự thú nhận rằng chính sự thương yêu là nguyên nhân của đau khổ.

- Bạch Đại đức, sự đau khổ mà Đại đức vừa nói đó là sự đau khổ của người không được thương yêu, nếu được thương yêu thì đâu có khổ.

- Tín nữ đã từng được yêu thương lần nào chưa?

- Từ trước thì chưa.

- Nếu chưa từng được yêu thương thì tín nữ làm sao biết chắc là không đau khổ. Người bốc lửa dù cố ý hay vô tình cùng bị nóng phải không tín nữ?

- Dạ phải.

- Vậy thì cái khôn ngoan nhất là đừng bốc lửa thì không nóng, cũng như không yêu là không khổ.

- Bạch Đại đức, dù Đại đức có giải thích cách nào tôi cũng yêu Đại đức. Nếu Đại đức không chấp nhận tình yêu đơn phương của tôi, thì Đại đức cứ nhận tôi như một người giúp việc trung thành để tôi được phục dịch Đại đức và riêng tôi cũng cảm thấy hạnh phúc và mãn nguyện.

- Thật tội cho tín nữ quá! Tại sao tín nữ lại thương một người như bản đạo, trong khi tình thương yêu của bản đạo đã hiển dâng trọn vẹn cho Đức Tôn Sư rồi. Thú thật với tín nữ, trái tim bản đạo không còn khoảng trống. Bản đạo cũng không thể chấp nhận tín nữ như người giúp việc, vì điều này Đức Tôn Sư đã cấm chỉ. Bản đạo thông cảm nỗi lòng tín nữ, song bản đạo không thể vượt ra ngoài khuôn khổ luật định. Tín nữ hãy về đi. Không khéo chực vị tỳ kheo, sa-di thấy được thì họ sẽ chê trách bản đạo. Và lại, nơi đây rất gần hương thất Đức Bổn Sư. Tín nữ hãy nên tự trọng.

Đức Bổn Sư nghe rõ câu chuyện đối đáp giữa hai người, bèn lên tiếng hỏi:

- Chuyện gì đó Anan?
- Bạch Thế Tôn, một thiếu nữ đòi theo đệ tử vào chùa.
- Hãy cho cô ta vào, và dẫn đến đây gặp Như Lai.

Đại đức Ananda hướng dẫn thiếu nữ vào bái kiến Đức Phật. Đức Tôn sư hỏi:

- Ananda, câu chuyện xảy ra thế nào mà cô đây đòi theo người vào chùa?

Sau khi nghe Đại đức Ananda tường thuật, Đức Tôn Sư hỏi thiếu nữ:

- Nay tín nữ, tín nữ thương Ananda phải không?
- Bạch Đức Thế Tôn phải.
- Tín nữ thương chỗ nào?
- Đệ tử thương cặp mắt.
- Tín nữ này, mắt là nơi qui tụ một số thần kinh hệ và hai cục thịt mềm, chứa đựng nhiều trực chất: nước mắt, cực ghen, nước nhờn và mỡ máu. Vậy tín nữ còn thương cặp mắt của Ananda nữa không?
- Bạch Đức Thế Tôn, nếu vậy thì đệ tử thương cái mũi của Ananda.
- Nay tín nữ, cái mũi cũng là nơi liên kết một số thần kinh hệ, bên trong chứa nhiều trực chất: nước mũi, cực mũi, nước nhờn... và rất hôi hám. Vậy tín nữ còn thương cái mũi của Ananda nữa không?

Nàng mắc cỡ, dậm liêu, cứ nói thương cái này đến thương cái khác. Nàng nói thương bộ phận nào thì Đức Tôn Sư đều giải thích cái uế trực của nó. Cuối cùng nàng cúi đầu yên lặng. Đức Phật dạy:

- Tín nữ ơi, xác thân này chỉ là cái bì da, được tạo dựng lên bằng xương thịt và máu mỡ, các vật uế trực thường trực chảy theo cửu khiếu, là nhà trọ, là nghĩa trang của các loại sinh trùng, là ổ bệnh tật, là nhà vệ sinh cố định, nếu không chịu khó rửa ráy thường xuyên thì mùi hôi thúi sẽ xông ra tức khắc. Tín nữ ơi, xác thân này sở dĩ đẹp đẽ là nhờ da thịt bên ngoài che đậy các vật uế trực bên trong, cũng như quan tài được sơn phết màu mè, được trau chuốt trơn láng mà bên trong là tử thi hôi thúi. Không ai ưa thích quan tài có tử thi sinh thúi. Vậy tại sao tín nữ lại ưa thích xác thân có nhiều trực chất và sinh trùng?

Lẽ ra, giọt nước cành dương đã rửa sạch lòng trần. Nhưng tội nghiệp nàng, vì nàng quá thương yêu Đại đức Ananda, thương đắm đuối, cuồng nhiệt, quên thân phận hiện tại, quên cuộc sống cách ngăn, quên cả sự hiện diện tôn quý và pháp âm mâu nhiệm của Đức Bổn Sư. Tâm trạng nàng chỉ nghĩ đến Đại đức Ananda. Trái tim nàng chỉ có hình ảnh độc nhất của người nàng yêu. Quả thật tình yêu của nàng là tình yêu đơn phương, song nàng bất chấp, vì trong cái cay đắng ấy nàng vẫn cảm thấy thú vị ngọt ngào.

Thỉnh thoảng, ánh sáng chánh pháp lóe lên trong tâm hồn nàng, rồi vụt tắt thật nhanh như điện trời. Nàng như chiếc xe tuột dốc mà bộ phận thắng đã hư. Lửa ái dục đang bốc cháy rực trời mà nước cam lồ chưa dập tắt được. Nàng suy nghĩ lung lăm, tìm phương cách nào để được gần gũi Đại đức Ananda nhưng vấn đề hoàn toàn bế tắc. Thất vọng nàng bái biệt Đức Phật ra về. Nàng cũng không quên liếc nhìn Đại đức Ananda như trao gởi hẹn hò.

Thời gian nàng gặp gỡ Đại đức Ananda rồi theo Đại đức về chùa bá kiến Đức Phật đã hết nửa ngày. Trời chiều băng lãng. Nàng phập phồng lo sợ sự vắng mặt quá lâu của mình sẽ trở nên đại tội nếu chủ nhà cần gọi. Vì đã có lần nàng bị hành hạ tàn nhẫn chỉ vì cái lỗi này. Thật tội nghiệp cho thân phận và kiếp sống tôi đòi.

Nhưng may mắn làm sao! Suốt thời gian ấy chủ nhà tuyệt nhiên không gọi đến nàng. Một sự kiện ngoại lệ. Có lẽ đây là Phật lực.

Đêm ấy nàng Cô-ki-la trần trọc, thao thức suốt canh trường. Mở mắt thì nóng rát, mệt mỏi; nhắm mắt thì hình ảnh Đại đức Ananda hiện lên như thiên thần bất tử. Giác quan thứ sáu của nàng gần như không còn đối tượng, ngoại trừ hình ảnh của Đại đức Ananda. Nàng tâm niệm tên Đại đức liên tục không gián đoạn, như tín đồ ngoan đạo niệm hồng danh Đức Bổn Sư. Tỉnh thoảng hình ảnh từ bi thanh tịnh của Đức Bổn Sư hiện lên trong tiềm thức và nàng cũng cảm thấy yên tịnh đôi phần. Nàng cũng có cảm giác của khách lữ hành giữa trưa hè nắng gắt được núp bóng tàn cây. Nhưng cuối cùng hình ảnh từ bi, thanh tịnh của Đức Phật mờ dần, nhường cho hình ảnh khả ái của Đại đức Ananda ngự trị. Tội nghiệp, nàng hoàn toàn bất lực trước trận giặc tình, nên đã tự mâu thuẫn với nỗi niềm riêng.

Tiếng gà đã gáy sang canh. Tiếng gáy thúc dục, liên hồi báo hiệu bình minh mới. Gió mai thổi hơi sương luôn qua cửa sổ khiến nàng cảm thấy phấn khởi và tinh táo. Nàng đứng lên cởi bỏ áo choàng, chuẩn bị thức ăn sáng cho chủ. Mặc dù bận rộn, nàng vẫn không quên được hình bóng của Đại đức Ananda. Nàng thăm van vái thần linh xui khiến cho Đại đức sáng nay đi khất thực ngang qua nhà nàng đang ở.

Nắng mai khiến nàng dễ chịu. Làm xong bốn phận, nàng ra đứng trước cửa, cặp mắt mơ màng, nhìn xa xăm. Bỗng nàng trông thấy một vị tỳ kheo ni, tay ôm bình bát, mình mặc áo cà-sa đang đi khất thực và tiến tới nhà nàng. Một ý nghĩ khác thường thoáng hiện qua tâm thức, khiến nàng sung sướng như bắt được vàng.

- Tỳ kheo ni! Ta sẽ xuất gia làm tỳ kheo ni, sẽ được ở gần Kỳ viên tịnh xá, sẽ có cơ hội gặp gỡ chuyện trò với người thương.

Quyết định xong, nàng xin nghỉ việc, đến chùa bá kiến Đức Thế Tôn và xin xuất gia. Đức Thế Tôn thấy rõ thiện duyên thánh quả của nàng nên Ngài hoan hỉ chấp thuận và cho ở chung với ni chúng gần Kỳ viên tịnh xá. Sau khi xuất gia, tân ni cô tích cực học tập, lâu thông kinh luật, hạnh kiểm trang nghiêm, thu thúc lục căn, sống hòa mình, có kỷ cương và rất đẹp lòng ni chúng. Yếu tố giúp nàng thành công trong nếp sống phạm hạnh là đức tính trầm lặng.

Mặc dù tinh tiến vượt bậc nhưng nàng cũng không tránh khỏi xao xuyến khi Đại đức Ananda đến dạy đạo tại ni viện mỗi buổi chiều. Có một lần, nàng được nghe Đức Bổn Sư thuyết pháp về phiền não là tham ái, sân hận và si mê. Ngài dạy:

- Cả ba thứ phiền não đều tiêu đốt chúng sanh thường trực, nhất là hạng chúng sanh chịu dưới quyền sai sử của nó. Nhưng tính chất khinh trọng khác nhau: tham ái tội nhẹ, khó diệt. Sân hận tội nặng dễ trừ. Si mê vừa nặng tội vừa khó dứt. Người xuất gia, mặc dù cuộc sống xa cách tham

ái nhưng nếu tâm hồn còn bị sai sử thì con đường giải thoát vẫn còn ngưng trệ. Ví như khúc gỗ tươi, dù để nơi khô ráo cũng không phải là nhiên liệu phát hỏa.

Nghe xong bài pháp, nàng lãnh hội trọn vẹn và cảm nhận sâu xa. Nàng tự thẹn, vì thấy mục đích xuất gia của mình không phải để tẩy trừ phiền não hoặc để liễu ngộ Niết bàn mà chỉ vì muốn được gần gũi người yêu. Quả thật mình đã hành động liều lĩnh, thiếu sáng suốt, vì như thế có khác nào để dầu gần lửa, tránh sao cho khỏi bốc cháy một sớm một chiều.

Càng suy nghĩ càng xao xuyến, hoang mang. Và lại, nàng cũng chưa thấy Đại đức Ananda có một cử chỉ đặc biệt nào đối với nàng. Đành rằng sự gặp gỡ người yêu là hạnh phúc, song hạnh phúc ấy quá nhỏ nhoi nếu đem so sánh với nỗi buồn cô đơn đầy xót, và nỗi khổ đọa đầy của kiếp sống cách ngăn. Chiếc áo cà-sa là bức tường ngăn cách giữa nàng và Đại đức. Một sự ngăn cách hữu hình, nhưng không thể san bằng vượt thoát. Nàng cảm tưởng như bất thân bị tạt nước đá vào mặt. Tâm trạng nàng chán chường tuyệt vọng.

Nàng cố quên Đại đức Ananda bằng cách tích cực trau dồi kinh luật. Nàng rất sợ sự gián đoạn của thời gian và khoảng trống của không gian. Tuy đã cố gắng và phấn đấu nhưng hình ảnh Đại đức Ananda cứ hiện lên như thiên thần đối diện. Nàng hoàn toàn bất lực trong ý niệm chạy trốn tình yêu. Vì tình yêu là nam châm mà trái tim nàng là một loại kim khí.

Một hôm, nàng đưa một cô ni bạn đến gặp Đại đức. Vốn bẩm tánh nhã nhặn lịch sự, Đại đức tiếp nàng rất niềm nở, đạo tình. Nàng sung sướng và vui mừng chi xiết. Nàng cảm thấy cuộc đời sáng tươi, đáng yêu, đáng sống. Tâm trạng nàng như hoa xuân đang nở rộ, như lúa háp gặp mưa. Nhưng trước khi nàng ra về, Đại đức nhắc khéo:

- Nay cô, từ nay, nếu không có lý do chính đáng thì cô đừng nên đến đây. Còn nếu có điều chi thắc mắc liên quan đến giáo lý, thì nên hỏi, khi tôi đến dạy đạo tại quý viện.

Đêm ấy nàng đã khóc rất nhiều. Có lẽ, nước mắt đã chảy ra suốt đêm trường. Nàng cảm thấy vừa buồn khô, vừa tủi hờn, vừa đau đớn. Sự đau khổ trào dâng, nàng uất nghẹn nói một mình đứt quãng:

- Phải mà, ông ta có bao giờ nghĩ đến mình đâu. Lòng dạ gì mà như sắt đá!

Một ni cô ngủ gần nghe tiếng nấc giữa đêm khuya, bèn lật đật đến hỏi:

- Kokilà, có sao không?

- À, không có sao, Sumitra. Tôi vừa trải qua cơn ác mộng khủng khiếp quá. Thành thật cảm ơn Sumitrà đã thương tình lo lắng cho tôi.

- Đức Phật dạy, người rãi lòng từ bi sẽ không nằm thấy ác mộng. Kokilà có nhập từ bi quán trước khi ngủ không?

- À, vậy là trước khi ngủ phải rãi lòng từ bi thì sẽ không nằm mơ thấy ác mộng phải không?

- Phải.

- Đêm nay, trước khi ngủ tôi đã quên, không nhập từ bi quán. Tôi thành thật xin lỗi vì đã vô tình làm kinh động giấc ngủ Sumitrà.

Sau khi Sumitrà đi rồi, Kokilà nghĩ đến thân phận bèo bọt của mình. Quả thật đời nàng là một chuỗi dài bất hạnh. Lúc chưa xuất gia thì nàng là một kẻ nô tỳ bằng thẻ xác, đến khi được xuất gia thì nô lệ bằng tâm hồn. Thật vậy, người bị mắc bẫy tình thì tha nhân không gỡ được mà phải tự lực giải thoát. Nàng chớp mắt trong tình trạng uể oải, mọi mồn khi trời gần sáng.

Chạy trốn tình yêu

Cuối cùng, nàng không đủ can đảm chịu đựng nhiều hơn vì sức người có hạn. Nàng dứt khoát xin phép Đức Bồn Sư và Đại đức Ananda, từ giã ni chúng đồng đạo, ra đi sang xứ Cô-sâm-bi (Kosambi) và tạm ngụ tại chùa Khô-si-ta-ra-má (Ghositarama) với ý niệm, sự xa cách là phương thuốc nhiệm màu để xoa dịu niềm đau tình ái. Trước phút ra đi, nàng cảm thấy xao xuyến bồi hồi.

Nàng an cư kiết hạ tại một ni viện gần chùa Khô-si-tà-rà-ma do ông Bá hộ Khô-si-ta cúng dường Đức Bồn Sư. Suốt ba tháng sống xa Đại đức Ananda, tâm hồn nàng tương đối yên tịnh. Đạo hạnh tăng tiến khả quan. Nàng tin tưởng rồi đây sự nhớ thương sẽ có cơ giảm thiểu.

Tuy nhiên, tình yêu lúc nào cũng có cái lẩn quẩn của nó, trừ phi, tự nó tan biến hay bị thời gian đào thải. Đời sống lấm rứt rồi, đầy chàm bầy và nhiều mâu thuẫn. Chẳng hạn như, ta chạy theo vật sở thích thì nó lánh xa; ta không cần thì nó đến.

Cũng như bóng với hình; hình tìm bóng thì bóng lẩn trốn; hình lẩn trốn thì bóng không rời.

Chính cái thông lệ ấy đã đến với Cô-ki-là khi hay tin Đức Bồn Sư sẽ quang lâm Cô-sâm-bi và Đại đức Ananda sẽ là thị giả.

Tin này được loan truyền vô cùng nhanh chóng. Từ thành thị đến thôn quê, đâu đâu cũng nghe bàn tán và ai ai cũng sốt ruột mong cho mau đến ngày hội ngộ cùng Đức Bồn Sư. Đức vua U-đê-na mặc dù chưa được diện kiến Đức Bồn Sư, cũng vui mừng ra mặt.

Nhóm Lục sư ngoại đạo thì chuẩn bị vắn nạn. Có vị quyết ăn thua, có vị muốn tìm hiểu để so sánh, có vị muốn phô trương, có vị chỉ muốn tiêu khiển. Chư vị phàm tăng thì hy vọng được gột nhuần mưa pháp.

Trong lúc đó, nào ai biết được tâm trạng Cô-ki-là khi một cô ni bạn đến báo tin mừng:

- Cô-ki-là, cô có hay tin Đức Bồn Sư sẽ quang lâm đến đây không?
- Thật vậy hả cô, chắc Đức Bồn Sư quang lâm một mình?
- Đức Bồn Sư đâu có quang lâm một mình. Ai ai cũng biết Đức Bồn Sư quang lâm đến đâu thì cũng có số đông tỳ kheo tháp tùng đến đó và vị thị giả là Đại đức Ananda.
- Đại đức Ananda! - Nàng la lớn và lấy tay đè ngực.
- Có chuyện gì hờ Cô-ki-là. Tại sao cô hoảng hốt?
- Không. Đâu có chuyện gì. Tại tôi quá vui mừng, quá xúc động nên mất bình tĩnh.
- Mọi người đều vui mừng như vậy. Chúng ta chắc chắn sẽ được lãnh hội giáo lý cao siêu màu nhiệm từ kim khẩu Đức Bồn Sư hoặc do chư Đại đức Xá Lợi Phất, Đại đức Ca Diếp hoặc Đại đức Ananda phụ trách thuyết giảng.

Ngày chờ đợi đã đến. Đức Tôn Sư và số chư vị thánh tăng tháp tùng đã đến Cô- sâm- bi. Đức vua, văn quan, võ tướng, thân hào, nhân sĩ, Sa-môn, Bà la môn, đón rước Đức Bổn Sư vô cùng trọng thể. Riêng dân chúng thì tự động đứng làm hàng rào danh dự, tay cầm hoa thơm và các thứ hương liệu cúng dường Đức Bổn Sư trên khoảng đường dài nhiều dặm. Hoa tươi đầy đường. Hương thơm ngào ngạt. Đức Bổn Sư và chư thánh tăng gần như đi trên lớp hoa mềm.

Từ ngoài công chùa, tỳ kheo, tỳ kheo ni đã vân tập qui đảnh lễ Đức Bổn Sư vô cùng trang trọng. Nổi vui mừng gần như phi lạc. Toàn thể đều hướng nhìn về phía Đức Bổn Sư và Đại đức Ananda để chiêm ngưỡng. Trong số ấy, người chiêm ngưỡng Đại đức nhiều nhất là Cô-ki-là.

Vừa gặp lại Đại đức Ananda, sự yêu thương tự nhiên bùng sống dậy như cỏ héo gặp mưa. Vì đã ba tháng rồi, ba tháng dài vắng bóng người thương - Giờ thì người thương bằng xương bằng thịt đang ở trước mắt. Và trong khung cảnh tung bùng, khắp khởi ấy, mọi người đều chiêm ngưỡng người thương, thì bảo sao nàng không vừa hãnh diện vừa ghen tức cho được.

Nàng tách khỏi đám đông về tư phòng, tim nàng đau nhói như bị kim châm, muối xát. Nàng thầm nghĩ: "Trên thế gian này, không lửa nào nóng bằng lửa dục ái! "

Thật vậy, tiếng gọi của tình yêu lúc nào cũng thúc dục liên hồi như tiếng kèn xung trận. Sức mạnh của tình yêu là vô địch. Không có sự chinh phục nào tốc chiến, tốc thắng bằng cuộc chinh phục của tình yêu. Đạo binh tình yêu chỉ có thể bại trận trước đạo binh Thánh đạo. Ngoài đạo binh thiện chiến này ra, không một đạo binh nào đủ sức chiến đấu, chớ đừng nói đến vấn đề thủ thắng. Trận giặc tình yêu không có chiến tuyến. Đúng hơn là một cuộc nổi loạn, một cuộc đột kích bất thần, một trận bão lòng thần tốc.

Có hai yếu tố thúc đẩy hành động: một là trách nhiệm, hai là tiếng lòng. Yếu tố trước nếu bất thành, người ta đau khổ, nhưng tương đối nhẹ nhàng. Còn yếu tố thứ hai, nếu bất thành thì hậu quả của nó là thất vọng, tuyệt tình, quyền sinh, tự ái.

Tội nghiệp Cô-ki-là! Nàng phải chiến đấu một lúc trong hai trận tuyến. Trách nhiệm của nàng hiện tại là học đạo, hành đạo và thành tựu cứu cánh của đạo. Nàng không còn là một thiếu nữ tầm thường, mà là một ni cô xuất gia đầu Phật. Nếp sống thiền môn cũng đã giúp nàng quen mùi thiền vị. Sự luyện ái nam nữ sẽ phá hủy toàn bộ yếu tố trách nhiệm. Nhưng tội cho nàng! Tiếng gọi tình yêu lại thúc dục liên hồi như nhịp khúc hành quân, và cũng thiết tha mê hồn như khúc nhạc tình liêu trai thần thoại. Nàng không còn đủ sáng suốt để phân tích lợi hại. Quả thật trong thâm tâm nàng không muốn có sự thắng bại giữa trách nhiệm và tiếng lòng. Vì nếu trách nhiệm thắng thì nàng sẽ tuyệt tình, còn tiếng lòng thắng thì nàng sẽ mất đạo.

Tâm lý nữ giới thường hay hướng ngoại. Một khi đã yêu thì không phân biệt địa vị, hoàn cảnh. Mặc dù biết rằng tình yêu đơn phương của mình là tuyệt vọng nhưng nàng không lùi bước.

Ngày Đức Phật quang lâm đến, chính đêm ấy nàng xót xa và hờn tủi nhiều. Vì nàng thấy vua, quan, thân hào, nhân sĩ, bá hộ, thương gia, đủ thành phần giai cấp xã hội kéo nhau đến bái kiến Đức Phật như giòng suối chảy, trong số ấy nhiều nhất là nữ giới, mà nàng biết chắc rằng họ sẽ chuyện trò với Đại đức Ananda trước khi vào bái kiến Đức Phật. Và Đại đức có bao giờ nghĩ đến nàng đâu.

Suối lệ tuôn rơi lúc nào nàng cũng không hay biết. Đến khi nước mắt chảy thật nhiều nàng mới cảm thấy dễ chịu, ngực bớt nặng và tim bớt nhói. Có lẽ, nước mắt là người bạn trung thành nhất của nữ giới. Gần như ngoài nước mắt, không còn người bạn nào thân thiết, chung tình và cảm thông hơn.

Sở dĩ có hiện tượng này là vì nữ giới quan niệm tình yêu là cốt tủy của cuộc sống trong khi nam giới chỉ xem tình yêu như là một trong những yếu tố của cuộc sống. Do đó khi đã yêu thì nữ giới sẵn sàng hy sinh thể xác, linh hồn và sẵn sàng nô lệ cho tình yêu không cần cân nhắc.

Chiều hôm sau, nàng bách bộ quanh chùa ngắm cảnh, để tâm hồn được phần nào nhẹ nhàng. Đứng nhìn cảnh muôn hoa đua nở, lòng nàng đắm đuối, say mê. Đây hoa thảo đường khoe nhụy đua hương cợt đùa lũ ong, kia nàng dạ lý lăng lơ đưa tình với bướm; nọ là đóa sen trắng áp ủ hương trinh, biểu tượng một vẻ đẹp thanh kỳ, quý phái. Mỗi loài có một vẻ đẹp khác nhau; một đàng thì phóng đảng kiêu sa; một đàng lại dịu dàng thanh nhã. Chung quanh ao sen có băng đá dài để ngồi hóng mát, ngắm cảnh. Nàng thường ra đây ngồi, nhìn những con bướm lượn. Gió chiều thổi nhẹ, đưa hương sen vào bờ, một mùi thơm nhẹ nhàng tinh khiết. Trước cảnh hữu tình ấy nàng cảm thấy phấn khởi. Cảnh vật thiên nhiên lúc nào cũng có giá trị đối với cuộc sống. Nó là người bạn trung thành trong những giây phút vui, buồn. Nếu được sống gần gũi thiên nhiên chúng ta sẽ cảm thấy vô cùng hạnh phúc. Càng sống xa thiên nhiên càng bị phủ phàng, nghiệt ngã.

Trong lúc nàng mãi thả hồn theo ngoại cảnh, bỗng có tiếng chân người phía sau đi tới. Vội quay đầu nhìn lại, nàng bắt gặp Đại đức Ananda và ông chủ chùa. Hình ảnh ấy làm tan biến không khí yên tịnh thân tiên của nàng. Trong giây phút bàng hoàng, nửa mơ, nửa tỉnh, không biết nàng mừng hay lo mà bàn tay và vành môi run lên nhẹ nhẹ. Khi Đại đức Ananda đến gần thì nàng bước lùi, nàng không còn nhớ được rằng phía sau lưng là ao nước. Nàng cứ tiếp tục lùi và vô tình vấp phải cục đất cứng, mất thăng bằng, nàng ngã xuống.

Cả Đại đức Ananda và ông bá hộ đều không ai dám đỡ nàng vì nàng là một tỳ kheo ni. Nàng tự gượng đứng lên, quì gối, đầu cúi xuống.

- Này cô, - giọng nói của Đại đức Ananda vừa lo lắng vừa thương hại - tôi thành thật xin lỗi vì đã làm kinh động, khiến cô phải khổ sở. Cô có đau lắm không?

Những lời hỏi han đầy lo lắng và nhiệt tình của Đại đức Ananda như món thần dược giúp nàng hết cơn đau nhức. Thật vậy, không có gì khiến cho người nữ vui mừng bằng, khi biết người yêu lo lắng và tưởng nhớ đến mình. Họ quên tất cả lỗi lầm quá khứ của người yêu, và rất dễ tha thứ, như trẻ thơ quên khóc, quên la khi được bú sữa mẹ.

Nàng rất cảm động muốn thốt lời cảm tạ, nhưng nghẹn ngào vì quá xúc động. Cuối cùng nàng đành yên lặng.

Đại đức Ananda hỏi tiếp:

- Cô có đau lắm không? Tôi cảm thấy ái ngại quá!
- Bạch Đại đức, không sao.

- Cô đến ở đây có an vui không?
- Bạch Đại đức, tạm an.

Ông bá hộ xen lời:

- Thưa sư cô, nếu sư cô cần chi trong tứ sự, tôi xin tình nguyện cúng dường.

Nói xong, Đại đức và ông bá hộ lại tiếp tục đi. Nàng nhìn theo Đại đức Ananda mà tâm hồn như chết lặng. Nhưng sức nhớ cứ chi lo lắng vừa rồi của Đại đức, nàng cảm thấy vô cùng sung sướng và ước gì được té năm mươi lần trong một ngày. Mất tự chủ, nàng tự động bước theo Đại đức. Đi được một khoảng đường nàng dừng bước. Động tác nàng lúc ấy trông thật đáng thương. Cuối cùng, nàng quay về tư phòng với tâm hồn u ầu. Nàng thêm gập gờ, chuyện trò với Đại đức Ananda, như người chết khát thêm nước. Khi muốn gặp nhau, thì người ta dùng đủ phương cách, kể cả thủ đoạn bất chánh để đạt sở nguyện, vì yêu là mù quáng.

Nàng đóng cửa nằm như người bịnh nặng. Sú-nan-đa, một cô ni ở gần, gõ cửa hỏi:

- Có sao không Cô-ki-là?
- Cám ơn Sú-nan-đa, tôi chỉ hơi nhức đầu và cảm thấy khó chịu trong người.
- Có uống thuốc chưa?
- Dạ có.
- Có cần tôi giúp chi cứ nói, đừng ngại nhé!
- Vâng. Cám ơn Sú-nan-đa. Cô có quen biết Đại đức Ananda không?
- Biết chớ, ai mà không biết Đại đức, họa chẳng người ấy không biết Đức Phật. Bộ cô có chuyện gì liên hệ với Đại đức phải không?
- Vâng, tôi muốn nhờ cô hoan hi thỉnh cầu Đại đức quang lâm đến đây để tôi được nghe lời chỉ giáo sau cùng. Vì tôi cảm thấy mạng sống không bảo đảm. Đức Phật có dạy: sanh, bệnh, thời giờ, địa điểm và cảnh giới là những điều bất định. Do đó, xin cô thương tình đến thỉnh cầu Đại đức theo lời khẩn thiết của tôi như vậy: Cô-ki-là tỳ kheo ni, xin đề đầu đánh lễ Đại đức, giờ đây nàng đau rất nặng, không ngồi dậy được, xin Đại đức mở lòng từ bi đến thăm bệnh nhân lần cuối. Sự quang lâm của Đại đức sẽ là một điều rất hạnh phúc cho nàng.

Trời đã về chiều. Bóng chùa và những bóng cô thụ nghiêng mình ngã dài khiến vị trí quanh chùa trở nên mát mẻ u nhàn. Trên cành, chim hót líu lo. Có cặp thì đứng sát gần nhau, vừa rĩa lông vừa chuyện trò ríu rít. Loài phi cầm tuy không đủ khôn ngoan như loài người, nhưng đời sống vô cùng hạnh phúc, trong khi loài người mệnh danh là thông minh, tài trí, nhưng đã có mấy ai hạnh phúc, thanh nhàn. Sự thật, hạnh phúc là do sự an phận, mà loài người vì quá thông minh nên quá nhiều dục vọng. Hậu quả dục vọng là khổ sở, lo phiền. Tìm hạnh phúc trong ái nhiễm chẳng khác gì tìm dầu trong đá sỏi. Hãy ra khỏi nhà lửa tham dục thì lập tức có sự mát mẻ, an lạc. Đi tìm hạnh phúc ngoại giới cũng như người khát tìm nước ở sa mạc. Cái triết lý tìm hạnh phúc là tìm ở nội tâm. Trước hết phải nhìn thẳng sự thật khổ đau và truy tìm nguyên lý khổ đau là hạnh phúc. Ví như bệnh nhân muốn được sống an vui, lạc thú thì trước hết phải truy tầm bịnh căn phục dục. Sự hoàn toàn bình phục là điều hạnh phúc.

Lời khẩn cầu của Cô-ki-là được chuyển đến Đại đức Ananda khiến Ngài lấy làm bàng khuâng, thâm nghĩ:

- Có lẽ nàng bị té ban chiều mà sanh ra bệnh? Thật là tội! Nàng yêu mình trong khi mình không thể yêu nàng. Tình yêu của nàng ví như trẻ thơ thấy mẹ nằm chết, cứ kêu réo bảo trả lời. Bản tánh nữ nhi vốn yếu mềm hơn nam giới, nhưng có một điều là nam nhi phải đầu hàng vô điều kiện đó là sự chịu đựng đau khổ.

Đại đức Ananda nhờ một vị tỳ kheo đi với mình đến chỗ ở Cô-ki-là để thăm bệnh. Nhưng khi trông thấy bệnh tình Cô-ki-là thì Đại đức bốt lo lắng một phần lớn. Trí tuệ bén nhạy của Đại đức đã soi thấu được bệnh căn của nàng. Nhưng Đại đức tự nhủ: đây là cơ hội tốt nhất để mình giác ngộ nàng.

Đoạn lia phiền não

Chủ đích đã có, Đại đức Ananda an ủi và khích lệ:

- Nay Cô-ki-là, đời sống bắt đầu từ những yếu tố đáng nhòm góm và hổ thẹn. Hiện hữu của nó là sự tập hợp của tứ đại. Chung cuộc của nó là tiêu tán khổ đau. Mở mắt chào đời ta khóc. Nhắm mắt lia đời ta cũng khóc. Nếu lúc chào đời trẻ thơ nắm chặt đôi tay biểu hiện cho khả năng chiếm hữu thì khi nhắm mắt lia đời người ta xòe tay cảnh tỉnh thể nhân hầy hồi quang tu tỉnh. Nay cô, tôi xin phép kể cô nghe cuộc đời của tôi. Tôi là em họ Đức Tôn Sư, được sinh trưởng trong dòng Thích Ca quý tộc và xuất gia lúc 36 tuổi. Một công tử tuổi đời như vậy thì tránh sao khỏi vương dây tình ái. Chính nhờ sự từng trải, lịch kinh nên tôi khẳng định được rằng: Yêu là khổ. Tình yêu hành hạ thể xác, đày đọa linh hồn. Mọi người đều muốn được như ý nguyện trong địa hạt tình yêu, nhưng chính tình yêu thì chưa cho ai được toại nguyện. Nó là độc chất phá hoại toàn bộ cơ cấu nội tâm. Hạnh phúc của tình yêu cũng giống như bệnh nhân muốn mau bình phục rồi uống mã tiền. Cô không nên chạy theo tiếng gọi của tình yêu vì khi tình yêu ngự trị, sai sử thì tâm hồn đâm ra loạn động, càng loạn động càng khổ sở. Tình yêu trông xa đẹp như núi tuyết, nhưng đến gần chỉ có lạnh lẽo, hoang liêu. Cô hãy nhìn thẳng vào cuộc sống, đừng nuối tiếc những gì đã qua, đừng mong cầu những gì chưa đến. Cuộc sống tuy có hiện thành nhưng mau tiêu tán, như lượn hải triều trườn mình lên bãi cát. Cô-ki-là ơi, tình yêu sẽ làm mờ tối lương tri như áng mây trôi che vầng trăng sáng. Bẩm tánh nữ giới hay mắc cở, xấu hổ nhưng khi đã yêu thì không còn biết xấu hổ nữa. Do đó, rất dễ đi sâu vào con đường tối tăm, tội lỗi, như trẻ thơ bị lạc ở trong rừng. Lúc bấy giờ cái cô đơn nguy hiểm của rừng sâu, không còn là vấn đề, mà chính sự cô đơn, hoang mang, lo sợ của đứa trẻ mới đáng ngại. Có những người, trông hình thức bên ngoài thật là ấm êm, hạnh phúc, nhưng nội tâm là trận cuồng phong bão tố. Cái cô đơn của người đầu phải vì thiếu bạn, thiếu tình mà vì thiếu lý tưởng để tôn thờ, thiếu hải đảo chánh pháp để nương tựa. Còn riêng cô thì đã có tất cả. Vậy cô hãy tiếp tục tôn thờ và nương tựa. Hãy chấp nhận dần thân cho mục đích cao đẹp đó. Còn tình yêu thì như chiếc thuyền lũng đáy, bám vào nó là tự trầm mình.

Chánh pháp là thuyền từ cứu độ, là đuốc tuệ soi đường. Khách trầm luân hầy bám vào thuyền Từ, còn kẻ lạc lối, hầy cầm lấy đuốc Tuệ. Bất cứ hành động nào đưa đến hậu quả đắng cay, ân hận, Đức Tôn Sư khuyên chúng ta tuyệt đối không nên làm. Do đó, dù thể xác héo hon, dù cuộc đời cay đắng, cô không nên bỏ quên chánh pháp. Nếu phải chết thà chết vì chánh pháp chớ không nên chết vì tình yêu. Làm người ai cũng có lúc quên mình, lầm lỗi, nhưng một khi đã hồi quang phản tỉnh thì đài sen giác ngộ cũng gần. Biển cả bao la nhưng quay đầu sẽ thấy bến. Hơn nữa cô là bậc xuất gia, một phẩm hạnh thanh cao, một tâm hồn ly tục, một ý chí kiên cường, thì cô hầy tích cực và xứng đáng.

Các loài trầm, kỳ dù khô vẫn giữ được mùi vị; tượng chiến lâm trận dù chết không lùi, mía dù bị ép, bị nấu vẫn ngọt; bậc trí tuệ dù gặp khổ đau thà chết vẫn không bỏ đạo. Cô đã từ bỏ cuộc sống của một thiếu nữ tầm thường, đã từ bỏ hình thức thế nhân, đã đem thân nương nhờ cửa Phật thì cô hãy cố gắng từ bỏ những liên hệ về tư tưởng khác phái, vì nó là kẻ thù nguy hiểm của phạm hạnh. Chắc cô cũng biết: trong năm người mới có một người anh dũng, ngàn người mới có một người nói thật, nhưng trong loài người khó tìm được một kẻ thoát ly.

Đức Tôn Sư có dạy, nhờ ái dục để dứt ái dục, nhờ kiêu mạng để lia kiêu mạng, nhờ vật thực để ngăn vật thực, nhưng vấn đề tình dục thì không thể như vậy được.

Câu nói: "Nhờ ái dục để dứt ái dục", nghĩa là khi ta được nghe có vị tỳ kheo, tỳ kheo ni, u-bà-tắc, u-bà-di đắc đạo chứng quả, rồi ta cố gắng tu hành để được thành đạt như những người đó, gọi là nhờ ái dục để dứt ái dục.

Câu nói: "Nhờ kiêu mạng để lia kiêu mạng", nghĩa là khi nghe có người đắc đạo chứng quả thì tự ái nổi lên, nghĩ rằng người ta làm được tại sao mình không làm được rồi cố gắng tu hành để thành đạt đạo quả. Ấy gọi là nhờ kiêu mạng để lia kiêu mạng.

Câu nói: "Nhờ vật thực để ngăn vật thực", nghĩa là các bậc chân tu thường quán tưởng: vật thực chỉ để nuôi mạng sống như người lạc giữa sa mạc bắt buộc phải ăn xác chết để tự cứu. Nhờ đó các Ngài không bị dính trong vị ngon và cố gắng công phu hành đạo. Gọi là nhờ vật thực để ngăn vật thực.

Này Cô-ki-là, riêng tình dục thì không thể nhờ chính nó để dứt được, trừ phi tích cực hành đạo để đoạn lia. Đức Phật dạy: ngũ dục là vô thường, vui ít khổ nhiều, đầy đầy tội lỗi, cực nhọc là nhân, khổ sở là quả. Tình dục là mẹ đẻ của luân hồi.

Giảng xong, Đại đức chờ xem phản ứng. Quả thật, thời giảng có kết quả. Nàng ngồi dậy, đắp y chỉnh tề, quì đánh lễ gần chân Đại đức, tức tử, nói chẳng nên lời.

Trên thế gian này, nếu sự đau khổ và sự nhục nhã không tác động song hành thì hậu quả không đáng kể. Nhưng nếu cả hai cùng lúc phát khởi thì tác hại của nó sẽ vô cùng khủng khiếp nhất là đối với phái nữ.

Nàng tủi thẹn và hờn tức vì tình yêu không được đáp ứng. Lời nói của Đại đức Ananda như mũi lao nhọn đâm vào tim nàng. Càng xấu hổ hơn nữa, khi nàng nhận thấy Đại đức không tin thái độ và tư cách của mình. Nàng cảm thấy như bị tát nước vào mặt. Nàng quì im lặng, nghẹn ngào. Giây phút trôi qua, Đại đức Ananda lên tiếng:

- Cô-ki-là hãy nín đi, đừng khóc nữa. Vì khóc lóc không giải quyết được gì và cũng không làm voi cạn sự khổ đau ngập lòng. Tội nghiệp cho nàng, vì Đại đức Ananda chỉ nói toàn những lời của bậc thánh nhân thoát tục.

Vị tỳ kheo phải quay mặt nơi khác vì không đủ can đảm nhìn cảnh đoạn trường của người khác phái.

- Bạch Đại đức - nàng nói qua tiếng nấc - tôi sẽ quyết tâm phụng hành lời dạy của Đại đức dù phải đắng cay cùng cực. Tôi không tự trọng nên phải khổ lụy đến mức này. Thân phận tôi chỉ là một kẻ nô tỳ hèn hạ. Tình yêu đã làm tôi mù quáng, quên giai cấp, dòng dõi, đi yêu một người thượng lưu quý tộc. Bạch Đại đức, thân nghiệp và khẩu nghiệp của tôi hoàn toàn vô tội, nhưng ý nghiệp chắc chắn là đã bợn nhơ. Tôi yêu Đại đức, một tình yêu chân thành tuyệt đối, nếu hành động ấy có lỗi, xin Đại đức từ bi hi xá.

Nói xong nàng cúi xuống, nước mắt đầm đề làm ướt một phần chiếc áo cà-sa.

Nhìn gương mặt bơ phờ ủ dột của nàng, Đại đức an ủi:

- Nay Cô-ki-là, cô không nên đề cập đến vấn đề giai cấp, vì tôi đã quên nghĩ đến lâu rồi. Sở dĩ tôi không yêu cô không phải vì sự dị biệt giai cấp, mà vì tôi nhận chân được cái tội lỗi và hậu quả đắng cay của tình yêu. Hiện tại, tôi có bốn phận phụng dịch Đức Bổn Sư và cố gắng thành đạt đạo quả để đoạn trừ phiền não. Bao giờ phiền não còn, là bấy giờ luân hồi còn. Đức Bổn Sư dạy rằng: hiện hữu là nguyên nhân của thống khổ. Nếu dễ duôi để bị đọa vào khổ cảnh thì con đường giải thoát sẽ bị trì trệ lâu dài. Cô đừng bận tâm về việc bất đồng giai cấp. Mọi người sinh ra để rồi chịu chung định luật già, đau, chết. Tất cả đều bất lực và cô đơn. Và lại, con người máu đều đỏ, nước mắt đều mặn, biết tham sống, sợ chết, ghét khổ ưa vui cũng như các loài cây khi bị đốt cháy thì màu than vẫn đen, màu tro vẫn xám và màu lửa vẫn hồng. Hòa mình chung lo hạnh phúc an bình cho chúng sanh là một hành động thức thời, hữu ích. Còn giai cấp cao thấp không thành vấn đề. Vì bất cứ giai cấp nào một khi đã hành động bất thiện thì tội ác như nhau, còn nếu hành động thánh thiện thì phước đức cũng như nhau.

Tôi ước mong cô đừng nghĩ tới vấn đề giai cấp làm chi cho thêm tội phiền, mà hãy cố gắng, tích cực hành đạo cho mau giải thoát.

Cô-ki-là ơi! Bản chất tình yêu vốn đau khổ, lại càng đau khổ hơn nếu yêu không đúng chỗ. Chẳng hạn như cô yêu tôi, hay tôi yêu cô, gọi là yêu không đúng chỗ. Vậy xin cô hãy tự dứt khoát, đừng vương vấn mà chuốc lấy lụy phiền. Nếu làm được như vậy, là cô sẽ đạt đến một hạnh phúc tuyệt vời, vừa an lạc, vừa thanh tịnh.

Trên đường về Đại đức Ananda đi thẳng đến ao sen và ngồi nghỉ trên một tảng đá. Đại đức thờ dài, nặng nhọc như muốn trút bỏ những nỗi u hoài. Đại đức bảo vị tỳ kheo đi chung về trước và dặn:

- Khi nào Đức Bổn Sư gọi, hãy ra đây tìm tôi.

Hồi tưởng những chuyện đã qua, Đại đức cảm nhận có một thứ tình cảm nhẹ nhàng đối với Cô-ki-là. Nhưng nhờ đại duyên, đại hạnh trong tiền kiếp yểm trợ, nên Đại đức tự ngăn được sóng lòng. Đại đức tự giáo hóa: này Ananda, người mới đắc Tu đà hườn, tham ái, sân hận, si mê vẫn còn. Người không nên dễ duôi, gần gũi và gặp gỡ Cô-ki-là, vì ý căn rất khó uốn nắn, chế ngự như voi nổi cơn tà dục.

Ananda, người hãy huy động chánh niệm để án ngự ý căn, không nên để nó tự do phóng túng mà phải nắm thế chủ động. Người mà Đức Tôn Sư ban khen là chiến sĩ là người có khả năng chế ngự và tự thắng.

Sau khi tự giáo hóa, Đại đức vào bái kiến Đức Phật và tường thuật đầy đủ diễn tiến của sự việc vì Đại đức không bao giờ dấu diếm Đức Phật bất cứ điều gì. Đức Tôn Sư dạy:

- Nay Ananda, người quên rằng bậc tu đà hườn không bao giờ đọa vào hạ cảnh và chắc chắn sẽ đắc Alahán trong một hoàn cảnh thuận duyên. Người chớ khá nghĩ suy, phiền não. Lời dạy vừa chí tình, vừa khích lệ ấy khiến Đại đức Ananda vô cùng hoan hỉ.

Chiều hôm sau, tại giảng đường chùa Khô-si-ta, khi Phật tử tập trung đông đảo, Đức Tôn Sư đang lâm pháp tòa, uy nghiêm như Đức Thiên Vương Đế Thích nơi thiên điện. Ngài phóng hào quang rực rỡ như ánh thái dương. Hội trường im lặng. Ngài nhìn tứ chúng với đôi mắt từ bi. Đức Tôn Sư nghĩ: đại chúng quả thật nghiêm trang, xứng đáng, chân tay không cử động, không một tiếng ho hen đặng háng, chứng tỏ một sự tôn kính tuyệt đối. Nếu Như Lai không lên tiếng trước chắc hẳn họ sẽ tiếp tục thính lặng.

Qua huệ nhãn, Ngài thấy rõ thiện duyên thánh quả của tỳ kheo ni Cô-ki-là đã đến thời kỳ liễu chứng. Đề chuyên hóa và tiếp độ, Ngài đề cập đến bài pháp Chuyển Pháp Luân:

- Nay tứ chúng, có hai cực đoan mà các người không nên hành trì. Một là lợi dưỡng hưởng lạc. Hai là khổ hạnh ép xác. Cả hai đều không phải thánh đạo, là con đường hèn hạ, tầm thường, phàm tục, bất thiện và vô bổ. Trái lại, này tứ chúng, có một con đường trung dung cao thượng, thánh thiện, hữu ích, giác ngộ, đó là con đường thánh đạo có tám chi: thấy đúng, nghĩ đúng, nói đúng, nghề nghiệp đúng, nuôi mạng đúng, tinh tiến đúng, niệm tưởng đúng, và định tâm đúng.

- Nay tứ chúng, khổ là sự thật. Hiện hữu là sự tập thành của ngũ uẩn và tứ đại. Do đó, hiện hữu khai nguồn cho thống khổ: sanh khổ, già khổ, đau khổ, chết khổ, ái biệt ly khổ, oán tắng hội khổ, cầu bất đắc khổ... Tóm lại, những gì liên hệ đến ngũ uẩn là khổ, khổ thường trực, khổ lớn lao.

- Nay tứ chúng, khổ là sự thật. Nguyên nhân khổ cũng là sự thật. Nguyên nhân ấy là ái dục, tức sự khao khát, mắc dính trong cảnh giới vừa lòng, trong sự hiện hữu và trong những vật sở hữu. Những sự mắc dính khao khát vừa kể là nguyên nhân của mọi thống khổ.

- Nay tứ chúng, cảnh giới an lạc tuyệt đối không còn bị chi phối bởi phiền não và các sự thống khổ, chính là sự đoạn diệt, ly tham, không còn dư tàn khát ái, là sự khai trừ, quăng bỏ, giải thoát, không còn chấp trước là một sự thật.

- Nay tứ chúng, con đường hành trình đến cảnh giới Niết bàn cũng là một sự thật. Con đường có 8 chi này Như Lai đã đề cập nơi phần Trung đạo.

- Các người hãy nương nhờ chánh pháp. Như Lai chỉ là người hướng đạo. Phần tinh tiến thiêu hủy phiền não là nhiệm vụ của các người. Con đường giải thoát Như Lai đã chỉ dạy, vậy các người hãy tự hành trình.

Thời pháp hôm ấy, kết quả vô cùng khích lệ. Riêng tỳ kheo ni Cô-ki-là thì như người chết đuối vớ được phao, như lũ hành sa mạc gặp nước. Nổi vui mừng biến thành phỉ lạc. Năng lực định tâm chuyển thành minh sát. Những vi tế phiền não đã bị đoạn lìa. Tâm trạng Cô-ki-là vô ưu, vô nhiễm, và chứng ngộ Thánh đạo Alahán. Từ đây tỳ kheo ni Cô-ki-là được dự phần trong đại gia đình Thánh nhơn vô lậu.

Phần 3

Tể tướng Bandhula và Nhà vua

Một sáng mùa xuân. Lá non xanh mướt, đều đặn theo cành như phô trương sức sống, như đùa giỡn gió xuân, khiến tao nhân mặc khách như quyến luyến sanh tình.

Mùa xuân không phải chỉ dành riêng cho cây cỏ mà dành chung cho loài người. Thật vậy, khi gió xuân mát và nắng xuân ấm báo hiệu mùa xuân đến thì loài người cũng cảm thấy tâm hồn phơi phới và tứ đại điều hòa. Do đó, thiếu bệnh, thiếu tật, cuộc sống có nhiều khởi sắc. Loài chim cũng nô đùa trên cành líu lo gọi bạn. Tiếng ríu rít hữu tình, hồn nhiên và đều rộ của chúng cũng báo hiệu một bình minh mới.

Đại đức Ananda kinh hành trong không khí tươi mát của mùa xuân, suy nghiệm: "Quạ và tu hú đều đen. Cái gì khiến chúng khác nhau. Xuân đến quạ cũng là quạ, tu hú cũng vẫn là tu hú. Người hiền người dữ cũng là người. Vậy lấy tiêu chuẩn nào để phân biệt?". Và Đại đức tự chọn một tiêu chuẩn, đó là tiếng kêu, là lời nói.

Đại đức liên tưởng đến Phật ngôn: *"Nơi nào không có thức giả, nơi đó không có hội trường. Người nói những lời bất chánh không gọi là người trí"*.

Ngay lúc ấy, hình ảnh một thiếu phụ hiện ra. Khi đến gần, Đại đức mới nhận ra là tín nữ Mallikà phu nhơn của Tể tướng Bandhula, một Phật tử rất ngoan đạo và có nhiều thiện cảm với Đại đức.

Đại đức hỏi:

- Hôm nay có chuyện chi mà Đạo hữu đi chùa sớm vậy?
- Bạch Đại đức, đệ tử đến bái biệt Đức Bôn Sur trở về Kusinàrà, quê nội của Tể tướng. Đệ tử định sau khi bái biệt Đức Bôn Sur, sẽ đến từ biệt Đại đức. Không ngờ được gặp Đại đức ở đây.
- Có chuyện chi quan hệ không Đạo hữu?
- Bạch Đại đức, Tể tướng bảo đệ tử như vậy.

Khi nàng vào bái biệt, Đức Tôn Sur phán hỏi:

- Có chuyện chi, Mallikà ?
- Bạch Thế Tôn, đệ tử đến bái biệt Đức Thế Tôn để trở về Kusinàrà.
- Tại sao vậy ?
- Tể tướng bảo đệ tử như vậy.

- Có chuyện gì quan hệ lắm không?
- Bạch Đức Thế Tôn, câu chuyện xảy ra chỉ vì đệ tử không có con để nối dõi tông đường.
- Câu chuyện chỉ có bấy nhiêu sao?
- Bạch Đức Thế Tôn, đúng vậy.
- Nay Mallikà, nếu đúng vậy thì người cứ ở lại và hãy nói cho Tể tướng biết đây là lời dạy của Như Lai.

Mallikà chi xiết vui mừng. Nàng có cảm giác của một tử tội được ân xá trước giờ hành quyết. Nàng đánh lễ Đức Bổn Sư và trở về đường củ. Được gặp Đại đức Ananda vẫn còn kính hành, nàng bèn thuật tất cả cho Đại đức nghe. Đại đức khích lệ:

- Đạo hữu thật là người hữu phước. Từ nay, đạo hữu ước mong điều chi sẽ được toại nguyện. Vì lời dạy của Đức Tôn Sư lúc nào cũng hội đủ yếu tố nhân duyên. Nay Ngài can như vậy chắc chắn phải có điều hạnh phúc lớn cho Đạo hữu. Đạo hữu hãy vững niềm tin.

Nàng Mallikà vợ của Tể tướng Bandhula là một trong ba tín nữ đại phước, có những món đồ trang sức có giá trị liên thành. Ngoài nàng ra, còn có hai người nữa là Đại tín nữ Visakhà và ái nữ ông bá hộ tại Bārānasi.

Với tâm trạng vô cùng cởi mở, hân hoan, nàng đem lời dạy của Đức Tôn Sư thuật lại cho chồng nghe. Tể tướng lấy làm hoan hỉ và nghĩ rằng, chắc chắn phải có một nhân duyên đại sự thế nào đó, nên Đức Tôn Sư mới khuyên Mallikà ở lại. Hơn nữa, tuệ giác Đức Tôn Sư thông thiên đạt địa, không một việc thâm kín nào vượt ngoài tầm lưới thiên nhãn của Ngài. Tể tướng triu mến nhìn vợ:

- Nay em, sở dĩ anh bảo em trở về quê không phải vì anh không yêu em mà chính vì tục lệ đã có từ ngàn xưa. Người vợ không sanh con, phải nhường quyền cho chồng cưới vợ lẽ để có con nối dõi tông đường. Anh chỉ hành động theo tục lệ cổ truyền chứ trong thâm tâm anh lúc nào cũng yêu em.

Mallikà sung sướng ngã đầu vào ngực chồng, nước mắt chảy dài theo má. Tâm trạng nàng vui buồn lẫn lộn. Vui là sẽ được tiếp tục sống bên chồng và có cơ hội phục dịch. Buồn vì thân phận hiếm hoi bạc phước của mình. Nàng cũng thông cảm sự thiệt thòi lớn lao của chồng trong vấn đề tuyệt tự. Nàng nói qua nước mắt:

- Anh, em hiểu lòng anh và sẵn sàng tuân lời anh dạy. Em đã hiến dâng tất cả cho anh. Em hằng tâm nguyện là sẽ làm hết sức mình để anh được vui lòng, dù gian nguy, cực khổ. Nhưng vấn đề bất lực của em hôm nay thật vượt ngoài khả năng hữu hạn của em. Em tự an ủi, trên đời đã có mấy ai toại nguyện. Cuộc sống là sự lẫn lộn giữa mật đắng và mật ong, giữa ngọt ngào và cay đắng. Chúng ta không phải là chủ nhân của vạn hữu, mà chỉ là nô lệ, nô lệ thường trực và liên tục cho đến ngày xuôi tay nhắm mắt.

Tể tướng nói thật nhẹ nhàng:

- Tại sao em tự chuốc lấy lụy phiền bằng tự ti mặc cảm. Cuộc sống không có gì đến đời phải quá khổ sở, đắng cay. Những sự kiện bất như ý xảy ra bất thường ấy cũng phần nào nói lên giá trị của

những sự kiện như nguyện. Nếu không có vị đắng thì vị ngọt sẽ trở thành vô nghĩa. Nếu không có cái nóng cháy mùa hè thì cái tươi mát của mùa xuân sẽ không còn thú vị. Em hãy nhìn thẳng vào sự thật cuộc đời trong khái niệm lạc quan, để hy vọng đẹp được tràn đầy, để cuộc sống được vươn lên.

Nàng ngược nhìn thẳng đôi mắt chồng và nói:

- Thưa anh, nếu mình cố gắng lạc quan trong khi tâm hồn ray rứt thì chẳng hóa ra mình tự dối lòng sao?

- Nếu lạc quan để đạt mục đích thiện, mỹ thì hành động ấy đâu có hại. Vấn đề đáng ngại, là người đời thường dối lòng trong mục đích xấu xa tội lỗi. Vậy tại sao không hướng tâm theo một kích thích lạc quan để phụng hành chánh pháp. Người phụng hành chánh pháp sẽ được an vui trong hiện tại và được sanh về nhàn cảnh trong vị lai.

Cũng có thể em không đồng quan điểm với anh. Trên thế gian này, bất cứ quan điểm nào cũng có kẻ tán đồng có người chống đối. Chẳng hạn như em thương anh cũng có nhiều người ghét anh. Nhưng ai ghét anh cũng được miễn em thương anh là đủ lắm rồi.

Mallikà nhìn thẳng mắt chồng mà lòng ngập tràn sung sướng. Trên cao, mảnh trăng thượng tuần treo lơ lửng, chiếu ánh sáng ngà ngọc xuống trần gian, xua đuổi bóng đen tối tăm buồn nản, đem lại cho hai tâm hồn nguồn hy vọng mới.

Nơi cửa sổ từng lầu thứ ba, Tể tướng đứng choàng tay trên vai mảnh dẻ của vợ như bảo vệ chở che, còn Mallikà đứng nép mình bên chồng như chờ đợi âu yếm.

Mới đầu hôm mà gió đưa trăng đã thổi nhẹ từ chân trời. Mùi thơm hoa viên theo gió quyện vào thoang thoảng. Tể tướng nhìn vợ:

- Này em, trong gió mát, dưới trăng ngà được gần bên em quả thật đời anh sung sướng. Anh có cảm tưởng như ngày đầu mình mới yêu nhau. Anh xin xác nhận một lần nữa với em rằng anh yêu em chân thành, tha thiết.

Sau đêm ấy, Mallikà thọ thai và đến ngày khai hoa, nàng song sanh 16 lần, tất cả được 32 đứa trai vô cùng kháu khỉnh và giống cha như khuôn đúc. Tể tướng mừng như bắt được vàng. Các cậu được cha mẹ cưng như trứng mỏng.

Nhưng cuối triều đại vua Pasênađi cái hung tin Tể tướng và 32 đứa con trai bị ám sát đã khiến dân chúng và chư vị Tỳ kheo bàn tán xôn xao. Vị thì nói, Tể tướng là người đức độ, liêm chính, tài ba xuất chúng, tại sao lại chết một cách oan uổng; vị thì bảo, Tể tướng và 32 đứa con trai là cột trụ triều đình tại sao lại bị sát hại một cách tức tử. Lúc ấy Đại đức Ananda đi ngang qua. Các vị Tỳ kheo đứng lên cung kính mời ngồi. Sau khi an tọa Đại đức lên tiếng:

- Chư vị đang bàn chuyện chi vậy?

- Bạch Đại đức, chúng tôi đang bàn về cái chết vô cùng thâm thảm của Tể tướng và 32 đứa con trai của ông.

Đại đức Ananda cũng tỏ ra xúc động thật sự. Thoáng phút giây, Đại đức tiếp lời:

- Quả thật cái chết của Tể tướng khiến tôi vô cùng xúc động. Mặc dù sinh quán của Tể tướng ở Kusinàrà, nhưng gia đình cũng như cá nhân Tể tướng đối với tôi thì mỗi cảm tình rất sâu đậm. Do đó, cái chết của Tể tướng làm tôi chua xót không ít.

Các vị Tỳ kheo đâm ra thắc mắc khi Đại đức bảo rằng Tể tướng là người sanh trưởng ở Kusinàrà.

Một vị Tỳ kheo đặt câu hỏi:

- Bạch Đại đức, tôi lấy làm thắc mắc vì Đại đức bảo rằng Tể tướng không phải người bản xứ thì làm sao làm đến chức Tể tướng, một chức vụ mà tôi cho là vô cùng quan trọng đối với triều đình, ngoại nhân không khi nào được giao phó. Lại nữa, dân chúng xứ Kôsala này rất quý mến Tể tướng và chính tôi cũng chưa bao giờ nghe ai đề cập đến vấn đề sinh quán của vị văn quan khả kính ấy.

Đại đức Ananda trình bày:

- Chư vị còn nhỏ tuổi nên chưa tận tường những vấn đề xa xưa có liên quan đến Tể tướng. Nếu các vị muốn, tôi sẽ tóm lược để các vị nghe:

- Ngược giòng thời gian cách đây hơn 30 năm. Lúc bấy giờ Tể tướng là một vị hoàng tử nổi tiếng tài ba, văn võ kiêm toàn, nhất là kiếm pháp thì vô cùng trác tuyệt. Sau khi thành tài từ trung tâm võ đường Takasilà trở về, Tể tướng được Hoàng gia đón rước trọng thể. Theo tục lệ, khi một hoàng tử thành tài phải thi triển sở học của mình trước hoàng gia và dân chúng. Võ học sở trường của Tể tướng là kiếm pháp và cung pháp.

Trong cuộc thi triển kiếm pháp lần này thì tất cả các bó tre chất cao khỏi đầu đều bị Tể tướng chặt đứt thật liền như chém chuối. Nhưng đến bó cuối cùng thì bỗng nghe tiếng rắc. Truy nguyên thì được biết trong hoàng tộc có người lén đứt sắt vào bó tre ganh tài. Tể tướng quá tức giận vì nghĩ rằng trong hàng hoàng tộc đối xử quá tệ bạc với mình. Phải chi có một cá nhân nào cho mình biết trước, mình sẽ chặt đứt thật ngọt, không hề nghe tiếng rắc.

Tể tướng ngộ ý trả thù nhưng song thân chàng dùng lời an ủi và khuyên ngăn không được hành động táo bạo.

Vâng lời song thân Tể tướng không dám có hành động tàn sát nhưng trong thâm tâm thì đã dứt nghĩa đoạn tình. Tể tướng xin phép song thân bỏ xứ ra đi mặc cảm vì tự thẹn:

"Chặt tre còn nghe tiếng rắc !"

Này chư hiền đệ, theo thông lệ, tự ái nam nhi rất lớn, nhất là nam nhi tài ba xuất chúng thì tự ái nam nhi rất lớn hơn. Do đó, Tể tướng không bao giờ chấp nhận một cuộc sống mà danh dự bị tổn thương, dù sự tổn thương ấy do âm mưu thâm độc của tiêu nhân.

Nhưng đi đâu bây giờ, Tể tướng nhớ đến người bạn học hiện làm vua tại kinh đô Sàvatthi - tức đức vua đương kim- bèn gửi thơ ngỏ ý xin được sống nhờ bạn. Đức vua Pásênáđi Kôsalá thông cảm và thương bạn vô cùng. Hơn nữa, sự có mặt của một cộng sự viên tài ba xuất chúng vừa là tinh bằng hữu chi giao thì quả thật là điềm lành báo hiệu cho một triều đại vàng son cực thịnh.

Đức vua hạ lệnh tổ chức tiếp rước thật trang trọng và phong chức Tể tướng kiêm Tổng tham mưu trưởng quân lực. Tể tướng vô cùng cảm kích và tận tụy gánh vác công việc triều đình một cách có sách lược.

Một hôm, hữu sự đi ngang qua pháp đình dân chúng trông thấy bèn hoan hô vang dội và yêu cầu Tể tướng xử lại vụ án bất công mà người ngay bị kết tội oan uổng. Sở dĩ có sự bất công vừa kể chỉ vì người có tiền hối lộ thì được kiện. Dân chúng đã oán hận ngập lòng vì nỗi oan ức gần thấu đến chín tầng mây. Không còn chịu đựng được nữa vì sức người có hạn. Tức nước vỡ bờ. Người cầm cân công lý mà không công bằng chính trực thì dân chúng sống cuộc đời khổ sở bất an. Không có sự khổ sở, bất an nào bằng sự bất công. Nó còn độc ác, nguy hiểm và đáng sợ hơn loài rắn độc. Người giữ cân công lý phải có lương tâm, biết hổ thẹn và ghê sợ sự bất công và hậu quả của nó thì mới không dám hành động bất lương. Đức Phật gọi sự hổ thẹn và sự ghê sợ là trợ-thể-pháp. Nghĩa là hai pháp này có năng lực bảo trợ hạnh phúc và an lạc của thế nhân. Đức Tôn Sư cũng dạy thêm nghệ thuật lãnh đạo phải công bằng và liêm chính. Ví như đàn bò lội nước, nếu con đầu đàn lội ngay thì đàn bò cũng ngay, ngược lại cũng vậy.

Trong cuộc sống cộng đồng người lãnh đạo công bằng minh chánh, thì dân chúng an cư lạc nghiệp, nếu ngược lại thượng bất chánh, hạ tắc loạn. Khi dân chúng không còn tin tưởng thì hậu quả khó mà lường được.

Hôm ấy, vì phẫn uất và oán hận người cầm cân công lý, nên dân chúng mới hoan hô và thỉnh cầu Tể tướng tái xử vụ án. Thật không hổ danh là vị Tể tướng đạo đức, liêm chính, tất cả những nghị án mà Tể tướng phán quyết đều công minh, khiến dân chúng vô cùng hoan hỉ. Họ tiếp tục hoan hô Tể tướng làm chấn động cả khu vực pháp đình. Đức vua biết chuyện lấy làm hoan hỉ bèn phong Tể tướng kiêm nhiệm chức vụ Hình bộ Thượng thư.

Để trong sạch hóa guồng máy pháp đình Tể tướng thanh lọc nội bộ và loại trừ những phần tử bất hảo, khiến cho không khí pháp đình trở nên nghiêm minh, là nơi nương tựa của người cô thế. Nhưng chính sóng gió cũng bắt đầu mạnh nha từ đây.

Thế rồi những phần tử bất hảo cấu kết và phao tin Tể tướng âm mưu thí chúa. Thoạt tiên, đức vua không tin nhưng hết người này đến người khác họ nói rất giống nhau khiến cho đức vua tin lời.

Ngừng một lúc, Đại đức Ananda kể tiếp:

- Nay chư hiền đệ, có những sự kiện khó thể kham nhẫn được, đó là:

- 1- Người nữ biết chồng san sẻ tình yêu.
- 2- Người nam bị chà đạp danh dự.
- 3- Loài rắn bị cắn trúng.

- 4- Loài voi thấy vợ mình bị cưỡng ái.
- 5- Nhà vua biết người khác muốn cướp ngôi.

Vì mất sáng suốt, đức vua nghĩ kế loại trừ Tể tướng bằng cách phao tin nơi biên thùy có loạn. Cướp bóc nổi lên sát hại lương dân gây xáo trộn nên an ninh biên phòng và hạ lệnh cho Tể tướng cùng 32 đứa con hỏa tốc đem binh ra biên thùy dẹp loạn.

Trong khi Tể tướng và 32 đứa con chuẩn bị lên đường thì phu nhân Mallikà linh cảm có chuyện chẳng lành, thỏ thẻ với chồng:

- Thưa phu quân, ngoài phu quân ra không có người nào đủ sức dẹp loạn hay sao mà đức vua phải cần đến một vị Tể tướng như phu quân?
- Em ạ, đừng nói là đức vua sai anh dẹp loạn mà ngay như bảo anh chết anh cũng không từ nan. Em nên nhớ rằng, đức vua là chúa của thần dân và chính sự sống của chúng ta đều do người thanh toán. Do đó, bất cứ lúc nào người cần đến là chúng ta phải hy sinh.
- Nhưng em linh cảm có chuyện chẳng lành. Phu quân cũng đã nhiều lần ra đi vì công vụ nhưng em có khi nào dám cản trở. Tuy nhiên, lần ra đi này của phu quân khiến em đau lòng như ai cắt ruột và run sợ như người chèo thuyền giữa đêm tối mông lung. Phu quân đừng đi có được không?
- Anh đã bảo với em rằng, bổn phận thần tử là phải tuyệt đối tận trung dù phải hy sinh.
- Nhưng tại sao lại phải đem các con theo. Để chúng nó ở nhà có được không?
- Lệnh truyền như vậy. Anh không dám di mạng.

Tể tướng hơi chột dạ, thoáng buồn khi nghe vợ đề cập đến các con. Ông cố gắng giữ nét mặt bình thản để trấn an vợ hiền.

- Phu quân không đem cháu Đikhácaradáná cùng theo cho có bạn?
- Không có lệnh em ạ!
- Cho em theo với có được không?
- Không nên đâu em ạ. Vì đây là nhiệm vụ của anh và các con. Em chớ quá lo ngại.

Trên thực tế giác quan thứ sáu của phái nữ nhạy cảm hơn nam giới trên mặt tình cảm. Do sự nhạy cảm của ý căn nên sự linh cảm của người nữ về mặt này thường thường là đúng.

Trên đường về, Tể tướng và các con đều bị phục binh của đức vua hạ sát.

- Bạch Đại đức - một vị tỳ kheo lên tiếng- thật khó tin quá. Không lẽ một người như Tể tướng mà không tiên liệu được những âm mưu tày trời như vậy hay sao. Theo tôi nghĩ, Tể tướng là người tự trọng, bỏ xứ đến sống nhờ với bạn, nay bạn sanh tâm hại mình thì thà chết còn hơn. Và

lại, Tể tướng là người trung hậu, trọng nghĩa, khinh tài nên bị thiệt thân. Mọi người đều biết đức vua nhẹ dạ và hay nghe lời tôi nịnh. Do đó, tôi cả quyết là Tể tướng có thể biết được âm mưu của nhà vua.

Đại đức Ananda lặng nhìn về phía xa xăm. Mọi người đều im lặng. Cảnh vật như biểu đồng tình. Không gian như bất động.

Để phá tan bầu không khí bất động ấy, Đại đức tiếp lời:

- Khi biết được sự thật, đức vua hối hận vô cùng nhưng tìm đâu ra người bạn hiền như Tể tướng. Sự ân hận cứ ám ảnh, khiến đức vua không an tâm. Nổi tiếc thương như tê tái cả tâm hồn, nhất là mỗi khi quốc gia hữu sự mà khả năng và thông tuệ hữu hạn của Ngài khó bề giải quyết.

Này chư hiền đệ, "Người nhẹ dạ, thiếu sáng suốt hay tin lời nịnh hót không phải chỉ làm khổ bản thân mà còn gây đau khổ cho người thân yêu trung hậu. Còn hạn người ác thì nhiều như cỏ cú. Thế nhân dễ bị chúng đầu độc và, một khi đã tin chúng thì vô phương cứu vãn. Trước mặt thì ngọt như mật ong nhưng sau lưng là rắn độc. Thân ác, khẩu ác, ý ác là tướng người ác. Thân cận người ác là tự sát. Vì ảnh hưởng tội ác của họ sẽ giết chết đời sống thuần lương đạo đức của ta".

Kể đến đây, Đại đức Ananda cáo biệt chư vị tỳ kheo vì đã đến giờ phục dịch Đức Tôn Sư.

Nơi rừng Xu-xi

Thời gian lặng lẽ trôi qua, tuổi đời của cũng già theo năm tháng. Màu tóc đen đã ngã sang màu bạc. Nhất là sau ngày Đức Tôn Sư nhập diệt, nỗi buồn cô đơn lại càng in rõ những nếp nhăn trên gương mặt phong trần.

Một hình bóng, tiếp nối công hạnh độ đời, từ cao nguyên rừng núi đến bình nguyên sông Hằng, từ thành thị đến thôn quê, không nơi nào là không có dấu chân Đại đức. Khi cần thanh vắng thì vào rừng sâu, lúc cần giảng đạo thì tìm nơi đô hội. Sứ mạng truyền trì chánh pháp không cho phép Đại đức an phận hưởng nhàn. Suốt 40 năm tiếp nối trọng trách của một sứ giả Như Lai, Đại đức Ananda đã tỏ ra vô cùng xứng đáng.

Một hôm, Đại đức rời kinh đô Sà-vát-thi, xứ Kô-sá-lá trực chỉ con sông lớn Dá-mú-na (Yamuna) và di hành xuống lưu vực hướng nam dẫn đến kinh đô Kô-sâm-bi xứ Vãn-sá, một đô thị nổi tiếng về kỹ nghệ, một trung tâm thương mại và cũng là trục lộ giao tiếp giữa các xứ Kô-sá-lá, Má-gá-dhá và các quốc gia thuộc phương nam và phương đông.

Giòng nước Dá-mú-na trong nhìn thấy đáy. Bên kia bờ sông nhà cửa san sát, tường cao kiên cố. Những lâu đài thoáng nhìn như cung điện đức vua Ú-đê-ná. Những buổi chiều về, ánh thái dương phản chiếu trên những nóc nhà tròn thếp vàng óng ánh như có hàng trăm mặt trời. Dưới sông, thuyền bè tấp nập, cờ xí đủ màu quả là một đô thị vô cùng phồn thịnh.

Đại đức di hành đến đây thì hoàng hôn đã xuống. Ánh sáng chạy dài trên ngọn lúa chín như trải đềm vàng. Gió chiều nhẹ nhàng như mon trớn, khiến Đại đức như cảm thấy sinh lực dồi dào, khang kiện.

Những áng mây chiều băng lãng như phiêu bạt về chân trời vô định. Thỉnh thoảng chúng cũng tụ lại thành bức tranh vân cầu gợi hứng nguồn thơ.

Đại đức không có ý định vào thăm thành mà mục đích muốn tìm nơi thanh vắng để tịnh thân. Do đó, Đại đức tiến sâu vào rừng.

Đêm xuống. Vàng trắng lấp ló ẩn hiện sau những tàn cây phía đông như e thẹn, rụt rè. Ánh sáng chệch Hăng trải mình xuống trần gian, tỏ vàng nhân thế nhưng cũng không đủ xô đuổi bóng tối của rừng đêm. Sự vắng lặng của núi rừng rất phù hợp với tâm hồn của những bậc chân tu hành đạo. Do đó thỉnh thoảng cũng có các bậc Sa môn hành giả đến đây tạm ngụ. Đại đức chọn một tịnh thất, quét dọn sạch sẽ, trải tọa cụ ngồi thiền cho mãi tới canh hai mới chỉ tịnh.

Bình minh vừa xuất hiện. Ánh thái dương chiếu xuống trần gian còn mờ sương khói. Gió thổi sương mai lung linh trên ngọn cỏ như những hạt kim cương lóng lánh. Tiếng quạ vỗ cánh tung bay kiếm mồi kêu chát tai nhưng không đủ làm náo động núi rừng yên lặng. Tiếng lá cây va chạm từng hồi xào xạt và tiếng lá khô lia cành chậm chạp.

Khi trời thật sáng tỏ, Đại đức đắp y mang bát vào thành Kô-sâm-bi khát thực.

Phật tử trông thấy Đại đức, họ vừa vui mừng vừa xúc động. Vui mừng vì đã lâu lắm rồi họ mới gặp Đại đức. Xúc động vì Đại đức còn đó mà Đức Tôn Sư vắng bóng đâu rồi. Thấy vật thực vừa đủ, Đại đức trở vào rừng dùng ngụ.

Chiều hôm ấy, sau khi xả thiền, Đại đức trông thấy một vị tỷ kheo dáng người cao lớn, phong cách nghiêm trang từ ngoài đi vào rừng. Khi thấy Đại đức Ananda có hình thức y phục giống mình, vị tỷ kheo đến gần làm quen:

- Thưa hiền hữu, tôi nghĩ là sẽ không bao giờ được gặp ai trong cảnh núi rừng vắng vẻ này. Có lẽ hiền hữu cũng là một tịnh giả, nên mới một mình tìm đến nơi này.

Đại đức Ananda giao thân:

- Nay hiền hữu, tôi cũng đoán được hiền hữu là một vị Samôn xuất gia đúng theo chánh pháp mà Đức Tôn Sư là giáo chủ. Đức Tôn Sư dạy rằng: sự vắng lặng là người bạn quý nhất.

Thưa hiền hữu, câu nói mang tính chất Phật ngôn vừa rồi của hiền hữu, nếu tôi đoán không lầm thì hiền hữu là một vị trưởng lão tôn túc có nhiều tuổi đạo. Riêng tôi mới phát tâm xuất gia sau khi Đức Tôn Sư tịch diệt.

- Nay hiền đệ - Đại đức Ananda thay đổi cách xưng hô- tôi xuất gia thuở Đức Tôn Sư tại tiền, và hữu phước được hầu cận Ngài.

- Thưa Đại đức - vị tỷ kheo cũng thay lối xưng hô, khi biết Đại đức Ananda có nhiều tuổi đạo - đệ tử hằng khát vọng được nghe những giai thoại về Phật hạnh, nhất là được nghe kể lại từ một nhân vật sống gần gũi Đức Tôn Sư. Nhưng trước hết, đệ xin Đại đức hoan hỉ cho biết tôn danh

để trang điểm cho sự hiểu biết của đệ. Riêng đệ thì tên là Kâm-bô-ja, trùng tên với sinh quán của đệ ở về mạn bắc, nổi tiếng về giống ngựa quý.

Đại đức Ananda tự nghĩ: vị tỳ kheo đại diện quả thật là người chân tu có đạo tâm, ngưỡng mộ Đức Tôn Sư và nhất là nguyện ước được nghe Phật hạnh. Rất có thể khi được nghe sẽ phát sanh phỉ lạc và cũng có thể đắc được pháp nhãn.

Đại đức nói:

- Nay hiền đệ, tôi xin lược thuật một ít công hạnh của Đức Tôn Sư để đệ được mãn nguyện. Tuy nhiên, tôi tưởng cũng nên nhấn mạnh rằng, có những vấn đề chính tôi được mục kích, và cũng có những vấn đề do Đức Tôn Sư vì lời khẩn cầu của tôi thuật lại. Còn tên họ tôi, khi còn tại gia thì bà con gọi tôi là công tử Ananda. Đến khi xuất gia thì đồng đạo gọi tôi là thầy Ananda. Và Đức Tôn Sư thường gọi tôi là "Ananda, Ananda".

Nghe xong, vị tỳ kheo Kô-sâm-bi khôn xiết vui mừng vì thầy không ngờ được gặp Đại đức Ananda. Một luồng điện phỉ lạc chạy tỏa khắp châu thân. Thầy quỳ lạy dưới chân Đại đức thật lâu, chứng tỏ một sự kính trọng tuyệt đối, một sự vui mừng tột độ. Khi thầy ngẩng đầu lên, Đại đức mới biết vị tỳ kheo đang khóc vì hoan hỉ.

- Bạch Đại đức, thật là diễm phúc lớn cho đệ được bái kiến Đại đức, một vị đại diện tôn quý của Đức Tôn Sư. Đệ đi bộ vô cùng cực khổ qua nhiều thị trấn với mục đích được diện kiến và thỉnh giáo Đại đức, không ngờ đột nhiên lại được như nguyện. Đệ mừng quá. Tâm trạng đệ như bò con lạc đường được gặp lại bò mẹ.

Nói đến đây, vị tỳ kheo cúi đầu đảnh lễ dưới chân Đại đức một lần nữa.

- Thôi hãy bỏ qua chuyện này. Vấn đề cá nhân không có chi đáng nói. Chuyện đáng nói và có giá trị là chuyện Đức Phật. Nay hiền đệ, thử Đức Tôn Sư tại thế, cũng tại rừng Xu Xi này, trước số đông chư vị tỳ kheo, Ngài bốc một nắm lá và hỏi:

- Nay các tỳ kheo, lá trong rừng và lá trong tay Như Lai, phần nào nhiều hơn?

- Bạch Thế Tôn, lá trong rừng quá nhiều, còn lá trong tay quá ít.

- Nay các tỳ kheo, cũng như thế ấy, giáo lý mà Như Lai chứng tri nhiều như lá trong rừng, còn những giáo lý mà Như Lai đã truyền dạy thì ít như lá trong nắm tay. Nay các tỳ kheo, tại sao Như Lai không truyền dạy toàn bộ cho các thầy. Nay các tỳ kheo, giáo lý Như Lai truyền dạy chỉ nhắm mục đích diệt khổ. Những phần khác, nếu có biết, thì cũng chẳng ích lợi cụ thể gì.

Một lần, có một tỳ kheo đến hỏi Như Lai một lúc 10 câu hỏi với điều kiện Như Lai phải thỏa mãn, bằng không ông ta sẽ trả y hoàn tục. Mười câu hỏi hoàn toàn vô bổ. Chẳng hạn như thế giới này hữu cùng hay vô cùng, thường hay vô thường, chết rồi có tái sanh nữa hay không v.v... Như Lai nói với tỳ kheo ấy như vậy:

- Nay thầy, dù thầy có bỏ y hoàn tục hay thầy có ý niệm ấy, Như Lai cũng không thể thỏa mãn câu hỏi của thầy được.

- Nay các tỳ kheo, những vấn đề cần phải đặt ra cho mọi người là sự khổ và làm thế nào cho hết khổ. Như người bị trúng tên độc không chịu cho thầy nhổ tên rịt thuốc, mà cứ đòi điều tra cho ra thủ phạm thì các thầy nghĩ thế nào về thái độ ấy.

- Bạch Thế Tôn, chắc người ấy phải chết.

Một thí dụ khác:

- Một người bị lửa cháy đầu nhưng không chịu dập lửa mà cứ khăng khăng đòi điều tra cho ra hư thực. Hành động như vậy các người cho là khôn ngoan hay dốt nát.

- Bạch Thế Tôn, ấy là hành động dốt nát.

- Nay các tỳ kheo, tam giới là lò lửa: lửa phiền, lửa não. Chúng sanh chạy loanh quanh trong lò lửa thì bảo sao không nóng. Hoặc cũng như người cầm đuốc chạy ngược gió thì bảo sao không bị phỏng tay, cháy mặt. Vậy, hành động khôn ngoan nhất là hãy ra khỏi nhà lửa, hãy quăng bỏ cây đuốc, thì lập tức sẽ có sự mát mẻ, an lạc.

- Nay các tỳ kheo, Như lai đã quăng bỏ cây đuốc và kêu gọi các thầy quăng bỏ.

- Nay các tỳ kheo, cây đuốc ấy là gì?

- Cây đuốc ấy là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và tâm tiếp xúc với sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, khơi nguồn cho lửa tham ái, lửa sân hận, lửa si mê.

Như Lai chưa thấy một năng lực ngoại giới nào làm cho người nam phải đứng như sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp của người nữ và ngược lại.

- Nay các tỳ kheo, Như Lai gọi ngũ dục là cạm bẫy ma vương, là loài hoa độc, là sức mạnh vạn năng. Người muốn cầm thắng ma vương phải phá bỏ cạm bẫy, phải đập nát loài hoa độc, phải chế phục sức mạnh vạn năng của nó.

- Nay các tỳ kheo, dưới cội bồ đề, trước giờ thành Phật, Như Lai đã khám phá được ngũ dục và thắng thắng khai trừ: Nay ngũ dục, Như Lai đã truy nguyên được nguoi. Chính tư duy bất chánh là nguyên động lực hình thành ra nguoi. Như Lai đã tận diệt nó rồi. Do đó, duyên sanh của nguoi đã bị phá vỡ toàn bộ.

- Nay hiền đệ, nghe xong thời pháp một số đông tỳ kheo đắc đạo chứng quả. Quả thật, Đức Tôn Sư như tay thợ chuyên môn, kiên tạo nền móng chánh pháp kiên cố rồi mới xây dựng lâu đài thánh đạo, thật đúng với tôn hiệu Pháp vương.

Một công hạnh khác. Lần nọ, cũng tại Kô-sâm-bi này, Đức Tôn Sư ngự với một số đông tỳ kheo tại chùa Khô-sí-ta-ra-má. Một buổi sáng Đức Tôn Sư vào thành khất thực. Thiện nam tín nữ phát

tâm cúng dường, gieo duyên lành trong mãnh ruộng phước. Cùng lúc ấy, một số đông kéo đến mắng nhiếc, chửi rủa Đức Tôn Sư chẳng tiếc lời. Họ chửi ngay tại thành thị và kéo vô chùa chửi nữa. Nguyên nhân sự kiện chửi mắng ấy như vậy:

Trước đó không lâu, Đức Tôn Sư ngụ tại xứ Kú-rú. Nơi đây có một thiếu nữ dòng Bà la môn tên Ma-gã-đí-da nổi tiếng hoa khôi trong vùng. Không biết bao nhiêu vương tôn công tử, bá hộ thương gia cầu thân nhưng đều bị phụ thân nàng từ khước. Nàng đẹp đến nỗi mọi người chiêm ngưỡng không biết chán và cái đẹp của nàng đã tự động trở nên thành ngữ. Nghĩa là mỗi khi có một thiếu nữ đẹp thì mọi người đều bảo rằng: Nó đẹp như Magãđida. Các vị bô lão cũng hằng cầu nguyện và chúc tụng con cháu mình được đẹp như nàng.

Nhưng, hiền đệ cũng đừng quên rằng: hồng nhan đa truân. Và lại, cái đẹp thường đi đôi với cái hại. Cái đẹp là động lực thúc đẩy cá nhân người đẹp cũng như những người liên hệ đến khổ lụy tai ương.

Một buổi sáng đẹp trời, Đức Tôn Sư ngự ngang nhà cô, trong khi cả gia đình đang chuẩn bị tế Thần lửa. Vừa nhìn thấy Đức Tôn Sư, thân phụ cô ngẩn ngơ như người mất hồn vì sắc tướng phi thường của Ngài. Sau khi lấy lại bình tĩnh, ông bèn đến gần làm quen:

- Nay chú em, thú thật từ trước nay, tôi chưa thấy người trai nào đẹp như chú em. Chú em biết không, con gái nhà tôi cũng ít nhiều hương sắc. Không biết bao nhiêu vương tôn, công tử, bá hộ, thương gia đến xin cầu thân nhưng tôi đều từ chối. Có lẽ duyên trời xui khiến nên tôi mới được gặp chú em. Chú em chịu khó nán đợi một chút, tôi sẽ dẫn nó đến ra mắt. Nếu chú em bằng lòng, tôi sẽ gả nó cho chú em.

Đức Tôn Sư im lặng. Ông bá hộ lật đật về nhà. Đức Tôn Sư dùng ngón lực ghi lại dấu chân dưới đất thật rõ và di chuyển đến đứng dưới một tàng cổ thụ.

Nói về ông Bà la môn bươn bả về nhà thuật chuyện cho vợ nghe và hỏi bà trang điểm cho con gái thật đẹp để đến ra mắt chú rể tương lai. Nhưng khi ông đến nơi thì hình bóng chàng trai hào hoa đã biến đâu mất. Trong khi ông nhìn quanh ngó quất tìm kiếm thì bà vợ nhìn thấy dấu chân Đức Phật. Bà rất giỏi về tướng pháp, nên nói ngay với chồng:

- Nay ông, tôi xin ông đừng đeo đuổi vô ích, vì người có dấu chân này là bậc vĩ nhân có một tâm hồn ly dục. Ông biết không, người nhiều ái nhiễm thì bàn chân khuyết giữa, người nhiều sân nhiễm thì nặng ngón chân, người nhiều si nhiễm thì nặng gót chân. Cho nên, tôi dám quả quyết người này là người thoát tục phi phạm.

Ông chồng không mấy tin, cho rằng vợ mình ý biết chút ít tướng pháp rồi lên mặt. Chớ thật ra kiến thức đàn bà hẹp hòi như cá sấu bị nhốt trong lu. Ông không bỏ cuộc và tiếp tục tìm Phật. Khi nhìn thấy Đức Tôn Sư đứng dưới tàng cổ thụ, ông mừng không tưởng được. Tay dắt con gái bươn bả đến gần và thương trách:

- Nay chú em, tôi bảo chú em chịu khó nán chờ chốc lát, tôi sẽ dẫn con gái đến ra mắt. Thế mà, chú em đành lòng bỏ đi đến đây khiến tôi tìm mệt cả người. Tôi có cảm tưởng chú em không

bằng lòng con gái của tôi. Nhưng thôi, nay tôi và nhà tôi đã dẫn nó đến để cho nó được trao thân gởi phận với chú em, mong chú em thương tình che chở.

Nói xong, ông bảo con gái lạy ra mắt vị hôn phu bất đắc dĩ. Đức Tôn Sư im lặng giây phút, suy tư: vợ chồng bà la môn này có cảm tình thật nhiều với mình. Vậy mình cũng nên tiếp độ ông bà. Hơn nữa, hai người đều có duyên lành thánh đạo. Qua giây phút im lặng, Đức Tôn Sư nghiêm từ:

- Nay ông bà, nếu Như Lai kể chuyện, ông bà có vui lòng nghe không?

- Kể đi chú em, tôi nóng lòng muốn biết chú em đã có gia đình hay chưa.

Trong khi ấy, Ma-gã-n-đi-da đứng nhìn sắc tướng Đức Tôn Sư trần trời, nhìn không biết chán, như trẻ thơ nhìn búp bê đẹp. Cô đã cố gắng chinh phục Đức Tôn Sư bằng ánh mắt đẹp tuyệt vời, bằng vành môi đỏ mọng và bằng tất cả cử chỉ gợi tình của người con gái mà nàng tự tin sẽ chinh phục cảm tình Đức Tôn Sư.

Đức Tôn Sư thấy rõ dục nhiễm trầm trọng qua tư duy bất chánh của nàng, và nhận thấy không tiếp độ trực tiếp được nên Ngài dụng ý tiếp độ gián tiếp. Ngài nói với song thân cô về ý nghĩa thoát ly, dù biết rằng sự thật ấy đụng chạm tự ái cô ta:

- Nay ông bà, khi Như Lai còn xuân thời, vui hưởng ngai vàng, có nhiều cung nữ diễm lệ hầu hạ, thế mà Như Lai đâm ra chán nản, liả bỏ ngai vàng vợ đẹp và cung tần, ra đi tầm đạo giải thoát, sống cuộc đời cô độc gió sương, nhưng vô cùng tiêu dao nhàn nhã, như tù được thả, như bệnh được lành. Như Lai tiếp tục khổ hạnh ép xác, công phu hành đạo suốt 6 năm dài, cuối cùng Như Lai là chiến sĩ thắng trận: trận giặc tình ái, trận giặc sân hận, và trận giặc si mê. Ma vương đã tìm cách cản trở công trình giác ngộ của Như Lai nhưng bất thành. Cuối cùng, Ma vương nghĩ cách dùng mỹ nhân kế chế ngự Như Lai. Nhưng thú thật ông bà Như Lai không mảy may động tâm, mặc dù ba cô gái của Ma vương là Tan-ha, Ra-ga, và Á-rá-tí rất đẹp, một nét đẹp tiên phong kiêu diễm, người trần tục chỉ nhìn thấy là mê mẩn tâm hồn.

Ngừng một phút, Đức Tôn Sư kết luận:

- Nay ông bà, ba cô tiên nữ đã dùng đủ tuyệt kỹ gợi tình mà Như Lai còn không khởi động dục niệm, huống chi là xác thân ô trược của cô đây thì làm sao Như Lai động tâm cho được. Thú thật với ông bà chẳng những bằng tay mà dù bằng chân, Như Lai cũng không bao giờ đụng đến.

Bản chất Ái dục

- Nay hiền đệ - Đại đức Ananda kể tiếp: Lời kết luận Đức Tôn Sư như sét đánh ngang mày: nàng cảm thấy nóng ran cả người. Người con gái cảm thấy thù nhất là khi mình sẵn sàng hiến dâng mà bị từ chối. Cặp mắt long lanh như sao trời và trong suốt như mặt nước hồ thu đã đỏ lên vì lửa sân hận. Khuôn mặt diễm lệ như tiên nga và sáng như trăng rằm đã tối sầm lại vì áng mây oán hận.

Đức Tôn Sư đọc được tâm trạng nàng, nhưng Ngài không quan tâm. Ngài tiếp tục giảng đạo cho ông bà nghe về hạnh bố thí, đức tri giới, phúc lạc cõi trời, tội ngũ trần, phước ly dục. Đến khi

nhận thấy chân tâm ông bà đã hướng theo chánh đạo, Ngài bèn đề cập đến Tứ đế. Dứt thời pháp, ông bà đều đắc được pháp nhãn.

- Nay hiền đệ, gái đẹp như gai nhọn hai đầu, bóc vào là nhức. Sắc đẹp kiều nữ cũng như mật ong trên lưỡi dao bén. Người háo sắc như đuôi bóc gai, như trẻ liếm mật. Kinh nghiệm cho thấy, chính cá nhân người đẹp, vui ít khổ nhiều. Người đẹp ít khi có được đời sống thanh nhàn. Sự gian truân, bạc mệnh và tội ác lúc nào cũng vây quanh người đẹp như hình với bóng. Điển hình là cuộc đời của Ma-gã-đi-da mà tôi sẽ kể tiếp đây:

Khí giới độc nhất mà nàng có thể trả thù Đức Tôn Sư là sắc đẹp. Ý chí phục thù mà có sắc đẹp hậu thuẫn thì quả thật đáng sợ. Thật vậy, sau đó không lâu, nàng được tiến cung và được đức vua Ú-đê-ná phong chức thứ phi. Trong tư thế này, Ma-gã-đi-da có đủ điều kiện phục thù. Một hôm, nghe tin Đức Tôn Sư ngự đến Kô-sâm-bi, nàng mừng biết mấy. Bụng bảo dạ: "Được rồi phen này ông Sa môn vô duyên sẽ biết tay ta". Càng nghĩ, ý chí phục thù càng sôi sục. Nàng mua chuộc tay chân bộ hạ và một số người nghèo tham tiền, chửi mắng Đức Thế Tôn như đã lược kể.

Hiền đệ biết không, họ chửi mắng thô tục đến nỗi tôi chịu không nổi. Tôi hoang mang xao xuyến vì thương kính Đức Tôn Sư, và không đành lòng nghe những lời chửi bới. Thế mà, Đức Tôn Sư vẫn bình thản và im lặng.

Quả thật không có hạnh phúc nào bằng giữ được tâm hồn bình thản trước lời khen chê và tiếng thị phi của thiên hạ. Tâm hồn Đức Tôn Sư như mặt đất không từ chối hoa thơm cũng như vật thúi. Nhưng tôi thì chịu hết nổi. Tôi bạch:

- Bạch Đức Thế Tôn đừng ở đây nữa, họ chửi mắng quá.
- Đi đâu, Ananda?
- Đi xứ khác: Sà-vất-thì, Ra-já-gá-há, Sa-kê-tá... xứ nào cũng được miễn không phải là Kô-sâm-bi.
- Nếu dân xứ đó cũng chửi mình thì sao?
- Tiếp tục đi nữa.
- Không được đâu Ananda. Người không nên khuyến khích Như Lai làm vậy. Vì nếu phản ứng như người, thì chúng ta không còn đất sống. Loài người ở đâu lại không có thương có ghét. Nhân ở đâu phải diệt ở đó. Bất cứ sự kiện nào xảy đến cho Như Lai, tự nó sẽ lắng dịu và chấm dứt trong vòng 7 ngày.

Này Ananda, Như Lai là voi trận, khi lâm chiến không ngại lằn tên, tức lời phỉ báng nguyên rủa của kẻ khác. Vì đa số phàm nhơn là người phá giới. Họ thích tìm lỗi kẻ khác mà không bao giờ tự xét lỗi mình. Đức vua chỉ ngự trên lưng voi đã được huấn luyện thuần thục. Người tự giáo hoá là bậc vĩ nhân và quý hơn các loài tuần mã.

Này Ananda, nhường nhịn kẻ trên vì sợ và người ngang hàng vì đủ sức đối phó, không gọi là nhẫn nại. Trái lại, sự nhường nhịn kẻ dưới mới gọi là nhẫn nại.

Người nhẫn nại là người có lòng từ bi; đời sống hạnh phúc, trời người hằng cảm mến, mở được cánh cửa an lạc; đào bứng được gốc rễ sự tranh chấp; các thiện pháp nhất là giới và định sẽ được tăng tiến vượt bậc.

Cuối cùng, nhóm người mắng chửi Đức Tôn Sư tự động giải tán, vì tự thẹn cũng có, vì cảm tưởng như nguyên rủa tượng đá cũng có. Thế là bao nhiêu tâm huyết công lao của Ma-gã-đi-da trở thành công dã tràng.

Thất bại không trả thù trực tiếp được, thứ phi đổ trút tất cả hận thù lên đầu chánh cung Sa-ma-vá-ti chỉ vì Lệnh bà là một phật tử ngoan đạo. Thứ phi tìm đủ mưu sâu kế độc để hãm hại chánh cung về hai phương diện: danh dự và mạng sống. Nhưng rồi thứ phi lại chuốc thêm một lần nữa sự thất bại chua cay, mặc dù sát hại được chánh cung. Vì sau đó, đức vua Ú-đê-ná biết rõ sự thật và lòng trung hậu tuyệt đối của chánh cung nên hạ lệnh hành quyết thứ phi, thuộc hạ, và thân tộc bằng cách chôn sống tới cổ, dùng cày sắt cày nhiều lượt cho đến khi thịt xương nát thành mảnh vụn, rồi chắt củi, bỏ rơm lên đốt. Ma-gã-đi-da chết, nhưng không phải chết vì thù nhân hãm hại mà chết vì vọng niệm bất chánh và hành động tội ác của chính nàng.

Này hiền đệ, hành động hãm hại người hiền cũng như phun nước miếng lên trời, như quăng bụi ngược gió.

Đại đức Ananda kể tiếp:

- Này hiền đệ, Đức Tôn Sư ngụ tại Kô-sâm-bi một thời gian, Ngài bèn chu du khắp nẻo đường để hoàn thành sứ mạng độ sanh. Lần hồi, Ngài trở về Sà-vất-thi kinh đô xứ Kô-sá-lá gần chân núi Hy mã lạp. Kinh đô Sà-vất-thi là nơi có dấu chân Đức Tôn Sư nhiều nhất. Suốt 45 năm truyền đạo, Ngài ngụ tại Sà-vất-thi 25 năm mặc dù không liên tục. Ngụ tại chùa Pú-ba-ra-mà của đại tín nữ Vi-sà-khà 6 năm, và ngụ tại Kỳ viên tịnh xá của ông Cấp cô độc 19 năm.

Kinh đô Sà-vất-thi xứ Kô-sá-lá nằm về hướng tây bắc xứ Kasi châu vi rộng đến núi Himàlaya. Hướng bắc của núi này là xứ Sak-yà, hướng đông là xứ Kô-li-yá.

Xứ Kô-sá-lá có tất cả 3 thị trấn lớn là Sa-vất-thi, A-yô-dya và Sa-kê-tá. Thị trấn A-yô-dya nằm cạnh con sông Sárayú là một thị trấn sầm uất, quan trọng trước Phật thời, về sau bị sáp nhập vào thị trấn Kô-sá-lá. Thị trấn Sa-kê-tá nằm về hướng nam sát nách A-yô-dya nổi tiếng phồn hoa đô hội ngay sau khi thị trấn A-yô-dya bị sáp nhập vào Kô-sá-lá. Sa-kê-tá cũng là sinh quán của tín nữ Ví-sa-kha, một đại thí chủ hộ pháp đặc lực mà tôi sẽ nói đến sau này. Phương tiện di chuyển giữa Sa-vất-thi và Sa-kê-tá là xe song mã. Có tất cả 7 trạm cho hành khách tạm nghỉ và thay ngựa. Chính Đại đức Pun-ná-măn-ta-ni, ân sư của tôi, trong khi luận đạo với Đại đức Xá lợi phát về thất giác chi đã đem ví với cỗ xe song mã thay ngựa 7 lần qua 7 trạm nghỉ.

Lần đầu tiên mà Đức Tôn Sư đặt chân phúc đức đến Sa-vất-thi là do lời thỉnh cầu của ông bá hộ Cấp cô độc, khi ông chưa có cái tên (1) vô cùng danh dự này. Câu chuyện như vậy:

Sau khi chứng quả Vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, Đức Tôn Sư tạm ngụ tại rừng Sita xứ Ra-já-gá-há với số đông chư vị tỳ kheo. Lúc bấy giờ, ông bá hộ Cấp cô độc vẫn chưa được bài kiến Đức Tôn Sư. Có một lần, ông hữu sự đi buôn, luôn tiện thăm bạn tại Ra-já-gá-há. Gặp cố tri, ông bá hộ xứ Ra-já-gá-há vô cùng mừng rỡ và đón tiếp thật niềm nở. Nhưng sau đó, ông xin lỗi vì bận việc quan trọng. Ông Cấp cô độc lấy làm ngạc nhiên vì thái độ vội vàng gần như miễn cưỡng của bạn, ông lựa dịp hỏi:

- Nay bạn, mấy lần trước tôi sang thăm thì bạn sốt sắng, nồng nhiệt, bỏ hết việc nhà để chúng ta tâm sự. Lần này tôi lấy làm ngạc nhiên vì thái độ hấp tấp, vội vàng và sự rộn rịp chuẩn bị của bạn. Vậy bạn vui lòng cho tôi biết có phải đức vua Bim-bi-sa-ra sẽ ngự đến đây hay không?

- Nay bạn, xin bạn bỏ lỗi cho tôi. Sự thật tôi quý thương bạn thế nào chắc bạn đã biết. Tuy nhiên, ngày mai này là ngày vô cùng quan trọng vì tôi có cung thỉnh Đức Phật và số đông tỳ kheo đến đây ngộ trai. Do đó, tôi mới hấp tấp vội vàng như vậy.

Chú thích: (1) Tên thật của ông là Sú-đát-tá (Sudatta)

- Nay bạn, bạn vừa nói Đức Phật phải không? À! Đức Phật đã ra đời thật sự rồi sao?

- Phải. Đức Phật đã ra đời. Ngài là dòng Thích Ca quý phái đã từ bỏ ngai vàng, đế nghiệp, để xuất gia tìm đạo và đã thành Phật, bậc Alahán, bậc Chánh Đẳng Chánh Giác, bậc tròn đầy Minh và Hạnh, bậc Thiện Thệ, bậc Thế gian giải, bậc Vô thượng sĩ, bậc Điều ngự trượng phu, bậc Thiên nhơn sư, bậc Giác ngộ, bậc Như Lai. Ngài ngự đến đâu là phúc lạc đến đó. Ngài có rất nhiều lòng từ đối với tất cả chúng sanh, đã đào bứng được gốc rễ tham, sân, si và tất cả pháp bất thiện. Ngài thuyết pháp sơ thiện, trung thiện và hậu thiện.

- Nay bạn, bạn không biết sự ra đời của Đức Phật thật sao?

- Nay hiền đệ - Đại đức Ananda nói tiếp - danh từ Phật đã thay đổi toàn diện nội tâm ông Cấp cô độc, như bệnh nhân bị chứng nan trị gặp được danh y. Ông Cấp cô độc đề nghị:

- Nay bạn, cuộc lễ trai tăng ngày mai tốn kém bao nhiêu tôi xin đài thọ.

- Không được đâu bạn. Thú thật nếu bạn có đem cả sự nghiệp tặng tôi để đổi lấy tư cách chủ thí ngày mai cũng không được. Bạn ơi, xin bạn đừng phiền. Tôi đã chờ đợi lâu lắm rồi để có ngày hôm nay. Ngài vàng tôi cũng thích, nhưng ít hơn là được cúng dường Đức Tôn Sư suốt 7 ngày này.

Ông Cấp cô độc năn nỉ xin đài thọ phân nữa, ông bá hộ bạn vẫn một mực khước từ.

- Nay hiền đệ, Đức Tôn Sư là bậc đại phúc đức, công hạnh của Ngài tích lũy trong nhiều kiếp ứ động và khơi nguồn chảy tràn trề không ngăn được. Cho nên Ngài ngự đến đâu là vua quan, bá hộ, thương gia tranh nhau cúng dường nhiều vô số.

Ông Cấp cô độc là người có nhiều thiện duyên, nên khi nghe đến danh từ "Phật tổ" thì phi lạc phát sanh, chạy rần khắp cả châu thân, chỉ muốn bái kiến Đức Tôn Sư ngay. Nhưng giờ đó đã quá chiều, các cửa thành đều đóng. Đêm ấy, ông ngủ không yên, giựt mình thức giấc ba bốn lần vì lầm tưởng là sáng.

Cuối cùng tiếng gà gáy sáng đã rộ lên theo gió. Ông Cấp cô độc thức thật sớm đến đứng chờ tại cửa thành nhưng vẫn chưa mở. Ông năn nỉ hết lời, người giữ cửa thương tình mới chịu cho đi. Thuở ấy, con đường từ thành nội dẫn đến nơi Đức Tôn Sư đang ngự là đường rừng, người lạ không làm sao đi được. Tội nghiệp ông Cấp cô độc! Vì quá nóng lòng muốn bái kiến Đức Tôn

Sư lại thêm không biết đường mòn, nên ông cứ loanh quanh suốt buổi mà vẫn không đi đến đâu. Quá mệt và chán nản, ông ngồi nghỉ và định tìm lối trở về. Nhưng mỗi lần ông có ý định trở về, thì lại nghe như có tiếng ai từ không trung vọng xuống mòn mòn: Này ông bá hộ, nếu ông trở về mà có được ngai vàng cũng không quý bằng sự đi tới, dù chỉ một lần thôi. Hãy tiến lên đừng lùi bước. Sự tiến lên của ông sẽ là một đạo nghiệp lớn lao, cho tự thân và tha nhân. Ông Cấp cô độc đứng lên, hăng hái như có một sức mạnh phi thường thúc đẩy, ông đi tới và tiếp tục đi tới.

Lúc ấy, Đức Tôn Sư đã thấy được duyên lành thánh đạo của ông, nên Ngài đi kinh hành lui tới xung quanh tịnh thất. Vừa trông thấy ông bá hộ, Đức Tôn Sư lên tiếng:

- Này Sứ-đất-tá, hãy vào. Như Lai đang ở đây.

Lời gọi đích danh của Đức Tôn Sư khiến ông vô cùng ngạc nhiên và sung sướng. Vì giữa Phật và ông chưa hề quen biết thế mà Đức Tôn Sư đã gọi đúng tên ông một cách thân thiện, thì bảo sao ông không hoan hỉ cho được. Ông bá hộ qui đảnh lễ bên chân Ngài:

- Bạch Đức Thế Tôn, thật là đại phúc, đại duyên cho đệ tử được bái kiến Đức Thế Tôn. Đệ tử đến nhà bạn chiều qua, được biết Đức Thế Tôn và chư tăng sẽ ngộ trai hôm nay tại đó. Nhưng đệ tử không đủ can đảm chờ đợi. Đệ tử đã cố gắng đến đây ngay nhưng cửa thành đã đóng. Đệ tử thao thức ngủ không yên giấc. Đêm rồi, đệ tử cảm tưởng lâu như một tháng.

- Này Sứ-đất-tá, kẻ mắt ngủ mới thấy đêm dài, người lữ hành kiệt sức mới thấy đường xa, nhưng người không chứng ngộ chánh pháp thì con đường luân hồi mới thật là vô tận.

- Này Sứ-đất-tá, con đường luân hồi vô thủy vô chung đã khơi nguồn cho hiện hữu. Hiện hữu khơi nguồn cho duyên sanh mà hậu quả là các sự khổ: già, đau, chết, ái biệt ly, oán tắng hội, cầu bất đắc.v.v... Tất cả sự khổ vừa kể đều manh nha từ duyên sanh.

Này Sứ-đất-tá, gốc rễ còn là thân, cành lá, trái còn. Ái nhiễm còn là sanh, già, bệnh, chết còn.

Sứ-đất-tá ơi, nước mắt của chúng sanh chảy ra trong suốt tiến trình luân hồi nhiều hơn nước bốn biển. Không có một khoảng trống nào trên trái đất mà không có xương của mỗi một chúng sanh, cũng như không có giọt nước nào là không có nước mắt của mỗi một con người. Do đó, chúng ta là những người đang bước đi và đạp lên xương tàn của kẻ khác, cũng như đang uống nước mắt của đồng loại chúng sanh.

Tất cả chúng sinh đang bị lửa khổ thiêu đốt thường trực và đang chạy quanh trong lò lửa khổ, như con rùa bò quanh chảo nóng.

-oOo-

Phần 4

Ngôi chùa Kỳ-viên

Đức Tôn Sư thuyết tứ đế một cách khái lược vừa đủ độ ông bá hộ đặc pháp nhãn, có chánh tín Tam Bảo bất chuyển Đức Tôn sư nhân mạnh phần kết luận:

- Nay Sứ-đất-tá, được thân người là điều khó, được cuộc sống tiện nghi là điều khó, được nghe chánh pháp là điều khó và được gặp Phật ra đời là điều khó. Do đó, sự được nghe chánh pháp và được gặp Phật ra đời là đại phúc.

Đại đức Ananda kể tiếp:

- Nay hiền đệ, thời pháp hôm ấy kết quả vô cùng lợi lạc. Để nói lên sự sung sướng và thâm nhuần ấy, ông Sứ-đất-tá cần bạch:

- Bạch Đức Thế Tôn, thật là vi diệu, thật là hi hữu, thật là sáng tỏ như lật ngửa chậu úp, như mở cánh cửa kín, như chỉ lối kẻ lạc đường, như soi sáng đêm tối để cho người có mắt được trông thấy.

Sau khi chứng quả tu đà hườn, ông bá hộ Sứ-đất-tá cung thỉnh Đức Tôn sư quang lâm Sa-vất-thi. Đức Tôn sư nhận lời. Ông lập tức trở về nhà bắt kể ngày đêm. Về đến Sa-vất-thi, việc đầu tiên là ông bỏ công đi tìm địa điểm kang trang, thanh tịnh để thiết lập một ngôi chùa xứng đáng cúng dường Đức Phật. Nhận thấy miếng vườn của thái tử Kỳ đà hội được những yếu tố thích nghi, nghĩa là không quá xa, quá gần hàng xóm, có đường giao thông dễ dàng, ban ngày không ồn ào, ban đêm yên tĩnh.

Ông xin yết kiến thái tử và ngỏ ý xin thái tử nhường lại miếng vườn để cất chùa. Thoạt tiên thái tử từ chối. Ông bá hộ hết lời năn nỉ. Cuối cùng Thái tử đưa điều kiện gần như thách thức là phải trải vàng lên đất vườn. Thái tử hy vọng điều kiện quá đáng này sẽ khiến ông bá hộ lùi bước. Nhưng Thái tử lầm. Vì ông bá hộ chấp nhận ngay điều kiện này. Ông trải vàng đến đâu là bắt đầu đo đạc và xây cất đến đó. Nhưng miếng vườn còn thừa một chỗ vì thiếu vàng. Chính chỗ thiếu này theo dự án là cổng chùa. Túng thế, ông bá hộ đành phải chạy mượn nơi những người bạn thân. Nghe chuyện này, thái tử Kỳ đà cảm động, bèn xin hiến cúng phần còn lại.

Trong khi cho xây công Tam quan ông bá hộ nghĩ: thái tử Kỳ đà là người uy tín, chính phần đất này cũng do thái tử hiến cúng. Vậy mình nên lấy tên thái tử đặt tên chùa. Do đó, ngôi chùa mang tên Kỳ viên tự. Tuy nhiên, danh từ phổ thông thì quen gọi là "chùa ông Cấp cô độc".

Tại thị trấn Sa-vất-thi, chùa Kỳ viên là một thắng cảnh, một công trình vĩ đại và nguy nga nhất. Nhìn từ xa tưởng như một ngôi chùa nổi nhờ vị trí ngôi chùa cao hơn các nơi khác. Những ngôi chánh điện, giảng đường, tăng xá, nhà trù, trai đường, hương thất v.v... như ẩn, như hiện trong những tầng cổ thụ. Phía trước là một ao [sen](#) to đủ loại: bạch liên, hồng liên, huỳnh liên, tô điem cho ngôi Kỳ viên một cảnh trí vô cùng thiên vị.

Tóm lại, Kỳ viên tự hội được bốn yếu tố của an lạc pháp:

- 1- Senàsanasappàya: Tịnh thất an lạc.
- 2- Puggalasappàya: Pháp lữ an lạc.

- 3- Ahàrasappàya: Thực phẩm an lạc.
- 4- Dhammasappàya: Đạo hạnh an lạc.

Yếu tố thứ tư có nghĩa là ngoại duyên, nội cảnh phù hợp với công trình tích cực thành đạt đạo quả theo phương pháp Tứ chánh cần (1).

Ông bá hộ nổi tiếng mộ đạo và hết dạ quý kính Đức Tôn sư. Mỗi ngày, ông đến chùa hai lần: sáng và chiều. Và tất nhiên là không bao giờ ông đi tay không. Riêng đối với Đức Tôn sư thì ông chưa bao giờ dám hỏi dù một câu đạo vì nghĩ rằng: Đức Tôn sư vốn là bậc đế vương nhân lạc, nay là bậc pháp vương tịnh lạc. Nếu ta vấn đạo, thì Đức Tôn sư sẽ vì lòng từ bi giảng đạo cho ta và do đó Ngài sẽ lao nhọc.

Chú thích: (1) Ngăn ngừa và diệt trừ ác pháp, tích lũy và tăng trưởng thiện pháp.

- Nay hiền đệ, Đức Tôn sư biết được ý nghĩ thầm kín ấy, Ngài tự nghĩ: ông bá hộ này quả thật lo ngại những điều quá đáng. Như Lai đã từng hành trì Ba la mật trong vô số lượng kiếp. Từng thí mắt, thí đầu, thí tay chân, thí mạng sống nhằm mục đích cứu vớt chúng sanh ra khỏi biển trầm luân, đưa đến bờ tịnh lạc thì công việc giảng đạo cũng chỉ là hạt cát trong sa mạc công hạnh mà thôi. Do đó, để bồi đắp đức tin, Đức Tôn sư đều giảng đạo mỗi khi ông vào bái kiến.

Nay hiền đệ, ngoài ông Cấp cô độc còn có những nhân vật quan trọng khác đã đóng góp rất nhiều cho công cuộc hoằng dương chánh pháp. Như Đức vua Pá-sê-ná-đí, các nữ đạo hữu Ví-sa-kha, Súp-pá-va-sa, Súp-đí-da, chánh hậu Mallika v.v... Các nhân vật này ngoài tư cách Phật tử còn là những cán bộ trung kiên cơ hữu.

Thầy Kâm-bô-cha khẩn khoản:

- Bạch Đại đức, đệ tử cũng từng được nghe khái quát về những nhân vật này, nhưng chưa biết rõ công đức đặc thù của các vị. Nếu Đại đức hoan hỷ kể cho nghe, thì đệ sung sướng biết mấy.

Năm mỹ tướng

- Nay hiền đệ, có nhiều giai thoại liên hệ đến đời sống, gia thế, sự nghiệp của nàng Visakha. Nàng là một nữ hộ pháp đặc lực và cũng là một thiếu nữ đại phước. Nàng đẹp từ thời xuân sắc cho đến tuổi lão thành. Nàng có nhiều mỹ tướng nhưng có 5 quý tướng chính là:

- 1- Tóc đẹp: Suối tóc đen huyền chảy xuống đôi bờ vai mảnh dẽ, chạy dài đến nửa thân mình và tự động cong lên vô cùng khéo léo như có bàn tay của chuyên viên thẩm mỹ uốn sậy.
- 2- Răng đẹp: Hàm răng đều đặn, trắng và trong như ngà như ngọc.
- 3- Miệng đẹp: Làn môi đỏ hồng như son và rất dịu dàng khả ái.
- 4- Da đẹp: Màu da hồng thắm đẹp như hoa sen và mịn màng như tơ lụa, sức mịn của da cơ hồ bụi không bám được.
- 5- Tác người đẹp: Bất cứ trong lứa tuổi nào nàng cũng đẹp. Trẻ thì đẹp theo trẻ, già thì đẹp theo già. Nghĩa là ngắm nhìn nàng bất cứ lúc nào cũng đẹp. Đi đứng, nói cười, ẩm thực, ngủ, nghỉ đều đẹp, một nét đẹp hồn nhiên và đài các.

Sinh quán nàng tại thị trấn Sa-kê-tá. Còn Sa-vất-thi chỉ là trú quán. Riêng tổ phụ thì nguyên quán ở Ra-já-gá-há. Thuở đức vua Pa-sê-ná-đi trị vì xứ Kô-sá-lá, nhận thấy trong nước không có một nhân vật nào nổi tiếng Tài hoặc Đức.

Được biết xứ Ra-já-gá-há có nhiều nhân vật tài đức, nhà vua hạ mình yêu cầu vờ một người qua xứ Ngài. Vua quan xứ Ra-já-gá-há đồng ý cho vờ ông bá hộ Thá-năn-cha-da phụ thân nàng Visakha nổi tiếng thông thiên văn, rành địa lý và đại phú quý.

Trên đường về gần tới Sa-vất-thi, ông bá hộ quan sát địa thế, thấy một chu vi đất vừa rộng vừa đẹp lại thêm màu mỡ, sông nước hữu tình, ông bèn tâu đức vua ban chỉ cho ông được lập làng dựng nghiệp tại đây. Đức vua hạ chỉ chấp thuận. Về sau, nơi này trở thành thị trấn Sa-kê-tá. Nàng Visakhà sanh trưởng tại đây. Càng lớn, nàng càng đẹp. Có thể nói khó tìm được một thiếu nữ nào thùy mị, đoan trang như nàng. Theo thông lệ, cô gái đẹp nào cũng hách dịch, kiêu ngạo, nhưng trường hợp nàng Visakhà thì ngoại lệ. Nàng nói năng lễ độ, cử chỉ khiêm cung, đời sống bình dị, đi đứng đài các, phong cách quý phái nhất là rất thương người và có nhiều đạo tâm. Nàng chứng quả tu đà hườn lúc vừa lên 7 tuổi. Đến tuổi trưởng thành, ông bá hộ Mi-ga-rá xin hỏi cưới nàng cho con trai ông là công tử Pun-ná-vất-tha-ná (Punnavaddhana).

Hôn lễ được cử hành vô cùng trọng thể. Thân phụ nàng đặt thợ kim hoàn may áo cưới. Chiếc áo này được kết bằng vàng và nam ngọc. Số lượng phải dùng là 4 cân xoàn, 11 cân mã não, 20 cân ngọc pha lê, 33 cân ngọc lưu ly. Những phần còn lại của thân áo là vàng. Chiếc áo dài trùm từ đầu xuống đến gót. Trên đầu là hình con công đang múa. Cái mỏ bằng mã não. Mỗi cánh có 500 cái lông bằng vàng. Cặp mắt là hai viên ngọc Ma ni. Cọng lông bằng bạc. Thoạt trông, ai cũng tưởng con công sông đang đứng múa trên đầu nàng. Chiếc áo trị giá 90 triệu nén vàng. Thời gian hoàn tất là 4 tháng, với hàng trăm thợ kim hoàn chuyên nghiệp.

Đêm cuối cùng hôn lễ, và để trang bị hành trang tinh thần cho cuộc sống lứa đôi và bổn phận của người dâu hiền, thân phụ nàng dặn dò:

- Nay con, hôm nay con phải xuất giá theo chồng. Cha muốn dặn dò con những điều cần thiết. Con hãy khắc cốt ghi lòng, xem như có cha hiện diện bên con. Cha cũng tự tin những điều cha sắp nói, sẽ là áo giáp phòng thân, giúp con tránh được những điều tai biến:

- 1- Không đem lửa trong ra ngoài.
- 2- Không đem lửa ngoài vào trong.
- 3- Giúp người đáng giúp.
- 4- Người không xứng, không giúp.
- 5- Dù xứng hay bất xứng, cũng phải giúp.
- 6- Ngồi phải chỗ.
- 7- Ngủ đúng lúc.
- 8- Ăn hợp thời.
- 9- Phụng cúng chư thiên.
- 10- Tôn thờ thần lửa.

Ngày vu qui của nàng Visakhà là ngày tung bồng và hãnh diện nhất trong cuộc đời người con gái. Nhà trai đã tổ chức rước dâu vô cùng long trọng. Định luật bất toàn vẫn là cổ lệ. Cho nên xui

khiến nhà chồng bất đồng tín ngưỡng. Nàng đạo Phật, nhà chồng đạo hỏa thê. Giáo chủ đạo này là thầy Ní-gãn-thá Na-đá-pút-tá. Cũng gọi là Jain. Nàng khổ sở và xấu hổ mỗi khi các vị hỏa thê đến nhà hành lễ, thọ trai. Do đó, giữa nàng và nhà chồng đã có một áng mây đen thành kiến.

Một buổi sáng, có vị tỳ kheo khát thực ngang nhà, trong khi nàng đang đứng hầu cha chồng ăn sáng. Ông bá hộ nhìn thấy Đại đức nhưng giả bộ tảng lờ quay lưng ngồi ăn vô tích sự.

Thấy vậy, nàng bèn thưa với vị tỳ kheo:

- Bạch Đại đức, xin Đại đức quá bước đến phía trước. Ở đây, thân phụ của đệ tử đang dùng thực phẩm củ.

Câu nói có ngụ ý này đã khiến ông bá hộ ùng ùng nổi giận. Ông nói:

- Này Visàkhà, cô ý lại cái gì mà dám nhục mạ tôi là người ăn bản. Cha con cô đã có nhiều hành động bất xứng. Bắt đầu từ giờ này, tôi không nhìn nhận cô là dâu con nữa. Cô hãy ra khỏi nhà tôi ngay.

Để dành phần phải, ông bá hộ cho người mời 8 vị bô lão đỡ đầu của nàng và áp lực họ nhận đem nàng trở về quê ngoại.

Tám vị bô lão đến gặp nàng và hỏi:

- Thưa cô, có chuyện chi quan trọng mà ông bá hộ mời chúng tôi đến và bảo đưa cô về quê ngoại?

- Thưa quý bác - nàng nói thật ôn tồn và tự nhiên- khi cháu đến đây danh dự ra sau, thì lúc ra đi cũng phải như vậy. Tuy nhiên, cháu yêu cầu được xét xử công minh rằng cháu có tội hay vô tội và sau đó, dù có hay không có, cháu cũng xin được ra đi, nhưng đi trong danh dự.

Tám vị bô lão dẫn nàng Visàkhà vào gặp ông bá hộ để xác nhận tội trạng hoặc tư cách vô tội của nàng.

Ông bá hộ sùng sộ:

- Quý vị còn chuyện gì nữa?

- Thưa ông bá hộ, cháu Visàkhà vẫn chưa biết mình đã làm chi nên tội mà bị đưa về nguyên quán.

- Tội của cô ấy thì quả khó dung tình. Tôi đang ăn cơm mà cô ta dám bảo là tôi đang ăn bản.

Vẫn với giọng ôn tồn và tự nhiên, nàng giải thích:

- Thưa cha, con nào dám loạn ngôn vô lễ như vậy. Câu nói của con có ngụ ý rằng, cha đang ăn phước cũ. Vì con nghĩ, sở dĩ cha giàu có sang trọng như thế này là nhờ kiếp trước cha khéo bồi đức lập công. Nếu kiếp này cha không vun trồng thêm phước mới, thì một ngày gần đây phước cũ sẽ hết. Con ngụ ý như vậy mới nói cha dùng thực phẩm cũ.

- Thưa ông bá hộ- các vị bô lão đồng loạt nói- như vậy thì cháu nó đâu có lỗi. Xin ông xét lại cho cháu nhờ.

- Thôi thì chuyện này bỏ qua nhưng còn hành động đem qua của cô ấy thì không thể tha thứ được. Đó là đem khuya, cô ta tự động rời tư phòng đi xuống chuồng lừa, điều mà một cô gái đức hạnh không bao giờ làm.

- Thưa cha, đem qua, một con lừa sanh khó sắp chết. Con hay tin liền lập tức đốt đèn và rủ một số đồng gia nhân đến chuồng lừa để giúp nó sinh nở và nhờ đó nó đã thoát chết.

-Thưa ông bá hộ. trong câu chuyện này, chúng tôi tưởng cháu nó vô tội.

- Thôi thì tạm bỏ qua, nhưng còn nhiều vấn đề khác không kém quan trọng. Đó là, đêm trước khi cô ta về đây, cha con cô ấy đã nhỏ to với nhau nhiều điều thật vô lý. Chẳng hạn, cha cô ấy dặn dò: đừng đem lửa trong ra ngoài, đừng đem lửa ngoài vào trong v.v... Các ông nghĩ xem, một cô dâu trong nhà mà khi xóm giềng tối lửa tắt đèn đến nhờ mình hoặc khi mình hữu sự nhờ họ mà nó không cho lửa ra hoặc đem lửa vào thì liệu có sống nổi hay không?

- Thưa cha- nàng giải thích với nét mặt thật tươi- điều này phụ thân con ngụ ý dạy con rằng: không nên đem chuyện nhà nói ra ngoài và cũng không nên đem chuyện ngoài vào nhà, gây sự phiền lòng trong gia đạo.

- Nhưng còn nhiều chuyện khác nữa - ông bá hộ nói mà không cần ngắt đầu lên.

Nàng Visàkhà xin phép được tuần tự giải thích.

- Câu nói: "Giúp người đáng giúp" nghĩa là đối với người biết điều, một khi vay mượn biết đem hoàn trả lại, thì mình nên tiếp tục giúp đỡ.

- Câu nói: "Người không xứng đáng không giúp" nghĩa là đối với những người không biết điều, mượn không trả, thì không nên giúp.

- Câu nói: "Dù xứng hay bất xứng cũng phải giúp" nghĩa là đối với thân quyến nhà chồng, dù họ xứng hay bất xứng, bổn phận của mình là phải giúp đỡ.

- Câu nói: "Ngồi phải chỗ" nghĩa là khi cha mẹ chồng hoặc các bậc trưởng thượng ngồi thấp mình không có quyền ngồi cao. Vì cử chỉ ấy vừa thiếu lễ độ vừa thiếu tư cách.

- Câu nói: "Ngủ đúng lúc" ngụ ý rằng khi cha mẹ chồng còn thức thì không nên đi ngủ trước. Phải tuyệt đối ngủ sau. Trong lúc ngủ phải nằm ngay ngắn, trang nghiêm, không nên bạ đâu nằm đó. Phải thức trước, chần bị nước, khăn rửa mặt và lo làm thức ăn sáng.

- Câu nói: "Ăn hợp thời" ngụ ý phải hầu cha mẹ chồng và chồng ăn trước rồi sẽ ăn sau hoặc có thể ăn chung nếu được cha mẹ cho phép. Trong lúc ngồi ăn cũng phải giữ gìn hạnh kiểm, không được vừa ăn vừa chấp hoặc làm đổ tháo thức ăn như vịt, như heo.

- Câu nói: "Phụng cúng chư thiên" ngụ ý phải thờ chồng trọn đạo, một dạ thủy chung, nhất là tuyệt đối kính yêu, hiền thực.

- Câu nói: "Tôn thờ thần lửa" ngụ ý phải kính thờ cha mẹ chồng cho trọn đạo dâu hiền.

Đại tín nữ Visàkhà

- Nay hiền đệ - Đại đức Ananda nói tiếp - khi nàng Visàkhà trình bày tất cả sự thật liên quan đến sự hiểu lầm, thì cha chồng không biết phải phản ứng ra sao, chỉ ngồi cúi đầu im lặng. Các vị bồ lão lựa lời giải hòa:

- Thưa ông bá hộ, sự thật đã quá rõ ràng và cũng chứng tỏ cháu Visàkhà chẳng những vô tội, mà còn là một dâu hiền, đáng quý.

Ông bá hộ xin lỗi con dâu về sự hiểu lầm của mình. Nàng nói:

- Thưa cha, giờ thì con được chứng minh là vô tội. Do đó, con xin phép được trở về quê cha mẹ của con.

Ông bá hộ năn nỉ:

- Thôi, con đừng buồn phiền nữa. Chẳng qua là sự hiểu lầm. Con chớ để tâm hờn trách.

- Thưa cha - nàng Visàkhà nói - lúc con còn ở nhà, thì có cơ hội làm phước, nghe pháp. Từ ngày con về đây thì mọi thiện sự và truyền thống tín ngưỡng đều bị đình chỉ. Con cảm thấy buồn thối thía. Nếu cha cho phép con được tiếp tục những thiện sự để thể hiện đạo tâm và truyền thống tín ngưỡng thì con xin được ở lại hầu cha mẹ và chồng yêu quý của con, bằng không thì con xin trở về nguyên quán.

- Con của cha, con cứ tiếp tục làm phước, thể hiện đạo tâm và tín ngưỡng của con một cách tự do. Cha hứa sẽ không trở ngại, mà chồng của con chắc chắn cũng tán đồng.

Khi được cha chồng cho phép, nàng Visàkhà vô cùng sung sướng, như cỏ héo gặp mưa. Thật vậy, không có gì khiến người thiện hoan hỉ bằng khi được tự do hành thiện. Có lẽ, họ mừng hơn đào được vàng.

Sáng hôm sau, nàng Visàkhà cung thỉnh Đức Tôn Sư và chư tăng về nhà thọ trai. Sau phần thọ trai là phần phúc chúc và nói kinh hoan hỉ. Nàng Visàkhà kính mời cha chồng đến diện kiến Đức Tôn sư để nghe phúc chúc. Nề lời con dâu, ông có mặt. Nhưng trong thâm tâm thì chưa có thiện cảm.

Đức Tôn sư thấy rõ căn duyên ông bá hộ, nên Ngài đề cập đến vấn đề nhân quả liên quan đến hai phương diện Lý và Sự. Ngài dạy:

- Những gia tài, sự nghiệp, người thương đều giả tạm. Người đời phải bị chia lìa, bỏ lại tất cả và ra đi với hai bàn tay trắng. Chung cuộc là sự tiêu tán, khổ đau. Nhưng những việc làm của thân,

khẩu, ý thì theo ta như bóng với hình. Do đó, các bậc trí thức rất quý trọng thiện nghiệp và gia tâm tu đạo để dành hầu làm nơi nương nhờ và thọ dụng trong các kiếp sau. Người keo kiệt là người không thức thời, như nông phu làm hư hạt giống. Do đó, giống cũ mất, giống mới thì không có. Gieo một hạt giống, sẽ hái một chùm bông. Cũng vậy, gieo một nhân thiện sẽ gặt một chùm phúc. Tài vật không biết sử dụng cho việc công ích sẽ vô bổ, vô dụng như khi được dũa, như ao sen giữa rừng hoang vắng.

Người trí thức, thì trái lại, sử dụng tài vật như một phương tiện, sẵn sàng phục vụ công ích hoặc tối thiểu phụng dưỡng mẹ cha, vợ con, thân quyến, người giúp việc, hoặc cúng dường các bậc chân tu thì sẽ vô cùng lợi lạc như khi được xoài chín, như ao sen giữa chốn thị thành. Người lập vườn ăn trái chỉ tưới nước vun phân dưới gốc nhưng cành, ngọn được hưởng, trổ hoa kết trái. Sông nào nước lưu thông thì trong sạch, ích lợi lớn, công dụng nhiều, năng lực rộng. Sông nào nước ứ đọng, thì đục dơ, lợi ích nhỏ, công dụng ít, năng lực kém. Người ngu không dùng tài vật phục vụ công ích sẽ không có hiệu năng như nước đọng ao tù. Người trí dùng tài vật phục vụ công ích sẽ có nhiều hiệu năng như giòng sông nước chảy. Cung cách bố thí có lợi ích lớn, phúc quả rộng phải hội đủ 6 yếu tố:

- 1- Chuẩn bị chu đáo.
- 2- Hành động tích cực.
- 3- Hoàn tất hoan hỷ.
- 4- Người nhận đã hoặc đang tiêu trừ tham ái.
- 5- Người nhận đã hoặc đang chế phục sân hận.
- 6- Người nhận đã hoặc đang tận diệt si mê.

Cung cách bố thí như trên sẽ có phúc quả vô lượng như nước biển.

Này các Phật tử, một hôm đức vua Pa-sê-ná-đí hỏi Như Lai:

- Bạch Thế Tôn, đệ tử nên bố thí cho ai?

Như Lai dạy:

- Nên bố thí đến cá nhân hoặc đoàn thể trong sạch.

- Bố thí đến người có giới đức. Người thọ thí ví như ruộng, người bố thí và vật thí ví như hạt giống. Hạt giống tốt nhưng ruộng không tốt thì vẫn thất mùa.

Đức Tôn sư kết luận:

- Cho nên, người trí không bao giờ dám khinh thường cho rằng tội, phước chút ít không đáng là bao. Hãy xem những giọt nước ròi rạc nhưng cuối cùng đầy tràn miệng chậu. Người tích lũy thiện hoặc ác chung qui rồi cũng phải có quả.

Lời chúc tụng hôm ấy như ánh sáng nhiệm màu chiếu vào tâm thức ông bá hộ. Ông quỳ lạy dưới chân Đức Tôn sư, bày tỏ sự hoan hỷ và tán thán:

- Bạch Đức Thế Tôn, thật là vi diệu, thật là sáng tỏ, như lật ngửa chậu úp, như mở cánh cửa đóng, như chỉ lối kẻ lạc đường, như soi sáng chỗ tối để người có mắt trông thấy. Đệ tử phát nguyện trọn đời qui y Phật, qui y Pháp, qui y Tăng và tình nguyện sống cuộc đời lý tưởng đạo đức.

Đại đức Ananda kể tiếp:

- Nay hiền đệ, bắt đầu từ hôm ấy, ông bá hộ thương quý nàng Visàkhà trên hai phương diện, vừa là dâu hiền, vừa là mẹ đạo. Ông công khai gọi Visàkhà là "Mẹ Mí-gà-rá" trong hầu hết các cuộc nói chuyện. Do đó, danh từ Migàramàtà (Mẹ Mí-gà-rá) trở nên phổ thông trong quần chúng.

Để làm loãng danh từ Mẹ Mí-gà-rá, nàng lấy tên ông nội đặt tên đứa con trai đầu lòng. Nhờ gia đình đồng tín ngưỡng nên nàng Visàkhà rất lấy làm mãn nguyện. Nàng cung thỉnh Đức Phật và chư tăng hàng trăm vị mỗi ngày đến nhà ngọ trai. Biển không chê nước, bậc hiền trí không chán nghe lời lành, người chánh tín không no công đức.

Suốt thời gian Đức Tôn sư ngụ tại Sà-vất-thi, nàng đi chùa mỗi sáng và chiều. Nàng rất thông cảm tâm lý các vị thanh niên tăng, nhất là các vị sadi nhỏ tuổi, nên mỗi khi đến chùa đều có mang theo thức ăn sáng hoặc nước uống chiều để cúng dường. Công đức của nàng phổ cập rộng sâu. Hai giới xuất gia và tại gia đều gọi nàng là Đại tín nữ. Danh từ này thật xứng với đạo tâm và công trình hộ pháp của nàng.

Một lần, sau khi dự lễ trở về, nàng Visàkhà ghé chùa lễ Phật. Nhưng sức nhớ mình đang trang điểm quá lộng lẫy, sang trọng, nàng cởi áo choàng trao cho cô gái giúp việc. Nhưng xui khiến, cô giúp việc bỏ quên áo trong chùa. Đức Tôn sư dạy tôi đem cất áo ấy, chờ sáng hôm sau sẽ trao trả cho nàng. Nhưng một chập sau, cô giúp việc trở lại, thái độ vô cùng hốt hoảng. Tôi bảo cô ta hãy mang về cho chủ. Nhưng cô ta cứ quỳ trước mặt tôi giọng nói run run như muốn khóc:

- Bạch Đại đức, cô chủ con có dặn, nếu Đại đức đã đem cất thì đệ tử không được mang về, vì cô chủ con rất kính trọng Đại đức. Do đó, cô chủ con không dám mặc món đồ mà Đại đức đã đựng đến.

Tôi nói, đây là món đồ nữ trang quý giá, tôi cất giữ sao tiện. Cô cứ nhận đem về và nói bần đạo bảo làm như vậy. Chắc cô chủ không nỡ la rầy cô đâu.

- Bạch Đại đức, cô chủ con dặn cúng dường Đại đức tùy nghi sử dụng.
- Bần đạo nhận để làm gì?

Cô giúp việc buộc lòng phải nhận lại món đồ vừa đi vừa khóc vì sợ cô chủ bắt tội. Nàng Visàkhà thấy tình cảnh ấy thì đoán được nội vụ:

- Nay em, Đại đức Ananda cất đồ nữ trang của chị phải không?
- Thưa cô, dạ phải.
- Nhưng tại sao em khóc?
- Con tự thấy không xứng đáng với lòng tin yêu của cô. Con biết món đồ ấy đắt giá hơn sinh mạng của con, cả gia đình và giòng họ nhà con. Cô ta vừa nói vừa khóc nức nở.

- Nay Sứ-sí-ma, em đừng khóc nữa. Chuyện em quên, chị đâu có bắt lỗi. Thỉnh thoảng chị cũng quên như em vậy. Còn món đồ nữ trang tuy quý giá nhưng nó đâu quý bằng sinh mạng của em. Nó mất, ta có thể làm mới hoặc đôi khi còn tìm lại được. Nhưng sinh mạng của em, một khi đã mất, thì không thể làm mới hoặc tìm lại được. Em tin yêu của chị, điều em dám đem sinh mạng đánh đổi món đồ đã mất làm chị xúc động. Em hãy an lòng. Vả lại, ánh sáng chánh pháp đã cho chị thấy rằng mạng sống con người là vật có giá trị tuyệt đối, không thể lấy ngoại vật so sánh. Hơn nữa, em là người tin yêu của chị, giỏi dẫn, đảm đang, thành thật với chị trước mặt cũng như vắng mặt. Tóm lại, em có nhiều đức tánh cao đẹp đáng quý. Sự làm lỗi nhỏ mọn này, nếu đem so với những đức tánh cao đẹp của em thì quả thật không đáng để em bận lòng.

- Nay hiền đệ, nàng Visàkhà vừa dứt lời, cô giúp việc khóc thét lên vì quá cảm động. Hai tay ôm chân nàng Visàkhà vừa úp mặt vừa khóc, để nói lên sự vô vàn biết ơn và sự tuyệt đối thương kính chủ. Nàng Visàkhà đỡ cô ta đứng lên, cô ta ngược nhìn chủ cười trong nước mắt.

Đêm ấy, nàng Visàkhà suy nghĩ thật nhiều. Cuối cùng nàng quyết định đem bán lấy tiền làm phước. Nhưng không ai đủ tiền mua. Nàng phải xuất tiền mua lại với giá 9 triệu nén vàng. Với số tiền này, chỉ đủ cất chùa. Nàng phải thêm 9 triệu nữa để tổ chức khánh thành.

Vị trí ngôi chùa nằm về hướng đông của Kỳ viên tịnh xá nên được mang tên là Pubbàrama (Đông phương tự). Đức Tôn sư đã từng an cư kiết hạ tại đây 6 lần.

Nàng rất kính và thương chư tăng. Tám điều thỉnh nguyện sau đây đủ chứng minh tánh tình quảng đại và đạo tâm kiên cố ấy:

- 1- Xin dâng y tắm mưa đến chư tăng.
- 2- Đề bát những vị mới đến.
- 3- Đề bát những vị sắp đi xa.
- 4- Cúng dường thực phẩm đến những vị sư bệnh.
- 5- Cúng dường thực phẩm đến những vị nuôi bệnh.
- 6- Cúng dường thuốc men.
- 7- Cúng dường lúa mạch.
- 8- Dâng y tắm mưa đến tỳ khuru ni.

Tám thỉnh nguyện này đều được Đức Tôn sư chấp thuận.

Do đức độ bao dung, phẩm hạnh trang nghiêm, đạo tâm đồng mãnh, nàng được xem như một công trình đóng góp quan trọng trong các lãnh vực Phật sự, và cũng là một Đại thí chủ hộ pháp đắc lực của phái nữ thời Đức Phật. Đôi khi Đức Phật dạy nàng đi giảng hòa những mối bất đồng trong ni chúng.

Phật lực

Cũng tại ngôi Đông phương tự này, một buổi chiều, đức vua Pa-sê-na-đi vào bái kiến Đức Tôn sư. Lúc bấy giờ có một số du sĩ các hệ phái khoảng 30 vị đi ngang qua, lông lá đầy mình, tóc tai dài thướt.

Thấy các vị ấy, nhà vua bạch Phật:

- Bạch Đức Thế Tôn, các vị ấy có phải là những bậc Alahán?

- Tâu Đại vương, người phàm còn ham thích khoái lạc vật chất thì khó mà nhận diện được ai đã đắc quả Alahán, ai chưa. Vì rằng, qua đàm thoại ta biết được trí tuệ, qua hành động ta biết được liêm chính, qua nguy biến ta biết được can trường. Để bảo đảm cho sự hiểu biết này phải dùng đến yếu tố thời gian và trí tuệ nhận xét.

- Nay hiền đệ, Đức Tôn sư quả thật khiêm tốn khi giải thích như vậy. Câu giải thích này như sen không thấm nước. Vì nếu Đức Tôn sư nói trắng, các vị ấy không phải Alahán, thì tỏ ra tự tôn, bằng cho là phải thì vừa tự ti vừa không thành thật.

Đức Tôn sư vừa dứt lời, vua Pa-sê-ná-đi vô cùng hoan hỉ. Đức vua tán thán:

- Bạch Thế Tôn, thật là phi thường, thật là vi diệu, quả thật Đức Tôn sư là bậc Toàn tri Diệu giác. Vì những vị ấy là mật thám viên của đệ tử.

Đức Tôn sư ứng khẩu:

- Người hành đạo không nên có xảo thuật, không nên sống ý lại vào kẻ khác, không nên cố gắng bóc đồng, vô ý thức. Hãy sống cuộc sống thật sự nội tâm. Không nên đoán người qua hình thức, không nên quá tin lòng người sơ kiến. Vì gỗ, đất, thau, khi được mạ vàng thì hình thức sẽ bị đồng hóa, khó phân biệt.

Đức Tôn sư cũng thường hay dạy các tỳ kheo:

- Nay các tỳ kheo, mục đích Như Lai hành đạo không phải dối đời, không phải để được tôn sùng, không phải để có lợi lộc, danh vọng, không phải để trở thành giáo chủ. Mà mục đích hành đạo là để thúc liễm (Samvara), để dứt bỏ (Pahàna), để chán nản (Viràga), để tịch tịnh (Nirodha).

- Nay hiền đệ - Đại đức Ananda kể tiếp - tôi xin trở lại câu chuyện nàng Visàkhà. Một hôm, mặt mày bơ phờ, tóc tai ướt át, vừa đi vừa khóc. Nàng đến chùa báo kiến Đức Tôn sư, báo tin buồn về cái chết đột ngột của đứa cháu gái mà nàng vô cùng thương mến vì tư chất thông minh, ngoan hiền và là một cộng sự viên đắc lực trong các công tác phước thiện. Nàng ghen ngào kể lể:

- Bạch Đức Thế Tôn, đệ tử vô cùng đau đớn. Nó chết, kể như đệ tử mất đi một cánh tay. Đệ tử không làm sao tìm được một đứa cháu hiền, một cộng sự viên giỏi, một người bạn tốt như vậy.

- Nay Visàkhà, trong thị trấn này có bao nhiêu dân số?

- Bạch Thế Tôn, có nhiều ức người.

- Nếu họ đều hiền, giỏi và tốt như Sứ-đất-ti cháu gái của ngươi thì ngươi có thương mến họ không?

- Bạch Đức Thế Tôn, có.

- Có bao nhiêu người chết trong một ngày?

- Bạch Thế Tôn có nhiều người.

- Nay Visàkhà, như vậy thì mỗi ngày người phải nhiều lần bơ phờ, ủ dột, khóc lóc tiếc thương, hai hàng lệ chảy vì cái chết của những người ấy. Visàkhà này, thương yêu là nguyên nhân khổ não. Do đó, thương yêu nhiều, khổ não nhiều. Như lửa càng tăng thì nóng càng gắt.

Lãnh hội được Phật ngôn, nàng Visàkhà vui bớt sầu khổ, tâm trạng trở lại bình thường. Nàng là bậc thánh nhập lưu nên chỉ có giới kiên cố, phần định và huệ thì chưa. Do đó, thỉnh thoảng cũng quên mình.

- Nay hiền đệ, nơi nào có thương yêu nơi đó không có an tịnh. Cũng như nơi nào có giông gió nơi đó mặt nước phải chao động. Người đời chỉ thật sự an tịnh khi bình tĩnh đón nhận nghịch cảnh và tự chế trước thuận cảnh hoặc ít ra không phủ nhận nghịch cảnh.

Nàng Visàkhà có hai nữ bằng hữu là Súp-pá-va-sa và Súp-pí-da. Sau mỗi lần nghe pháp, ba người rủ nhau đi quanh chùa vấn an và tìm hiểu nhu cầu tứ sự của chư tăng để chung lo hộ độ.

Một hôm, vấn an một vị tỷ kheo bệnh, biết được nhu cầu cần có một tô nước súp để làm phương trị liệu, nàng Súp-pí-da lật đật về nhà, nhờ người giúp việc mua thịt. Nhưng rủi hôm ấy là ngày 30, chợ không bán thịt. Phần nhớ đến hình dáng vô cùng tiều tụy của vị tỷ kheo, phần nhớ Phật ngôn, rằng phụng sự người bệnh là phụng sự Đức Phật, nàng quyết định lấy dao bén, tự tay xẻo thịt của mình nấu súp rồi sai người giúp việc đem dâng vị tỷ kheo bệnh. Còn nàng tự tay băng bó vết thương và nằm vùi trong phòng. Chồng nàng về không thấy vợ ra đón như mọi khi bèn vào phòng ân cần thăm hỏi. Khi biết rõ sự tình, thay vì giận vợ và vị tỷ kheo bệnh, chàng lại vô cùng hoan hỉ, vì thấy vợ có đức tin đồng mãnh, dám lóc thịt nấu súp cúng dường. Chàng lập tức đến Kỳ viên tịnh xá cung thỉnh Đức Tôn sư và chư tăng thọ trai ngày hôm sau tại tư gia.

Đến nhà, không thấy nàng Súp-pí-da, Đức Tôn sư phán hỏi. Được chồng nàng căn bạch là nàng đang bệnh. Đức Tôn sư dạy đỡ nàng đến diện kiến. Khi nàng cúi đầu đảnh lễ, Đức Tôn sư phúc chúc: xin cho nữ đạo hữu được an lành. Ngài phán vừa dứt, thì lạ thay, vết thương lành ngay tức khắc và toàn thân nàng, da thịt lại càng tươi thắm hồng nhuận hơn trước. Quả thật Phật lực phi thường. Nhân câu chuyện này, Đức Tôn sư chế định giới luật:

- Tỷ kheo dùng thịt không quán tưởng, phạm tác ác. Nếu là thịt người, phạm ưng phát lộ.

Phước và Tội

- Nay hiền đệ, một sự kiện khác, biểu tượng Phật lực vô cùng mầu nhiệm, đó là tín nữ Súp-pá-va-sa. Nàng mang thai 7 năm, 7 tháng, và chuyển bụng 7 ngày, đau đến tắt thở, từng hồi. Nhưng nhờ có đức tin vững chắc và lòng trong sạch tuyệt đối nơi Đức Tôn sư, nên trong giờ phút thập tử nhất sinh, mạng sống mỏng manh như sợi chỉ mảnh treo chuông ấy, nàng ngộ ý nhờ chồng đảnh lễ đôi chân hạnh phúc Đức Tôn sư và thay lời bạch hộ rằng:

- Bạch Đức Thế Tôn, nữ đạo hữu Súp-pá-va-sa mang thai 7 năm, 7 tháng và chuyển bụng 7 ngày. Nàng chịu vô vàn thống khổ đến phải ngất lịm từng hồi, mạng sống không còn bảo đảm, nàng ngưỡng vọng Đức Thế Tôn và xin cúi đầu đảnh lễ dưới chân Đức Thế Tôn.

Đức Thế Tôn phúc chúc:

- Xin cho tín nữ Súp-pá-va-sa được an lành, hết đau đớn.

Liên khi ấy, nàng hết đau đớn và sanh con rất dễ dàng. Cả mẹ con đều được vuông tròn. Chồng về tới thấy vậy vô cùng mừng rỡ. Không hẹn mà vợ chồng cùng ứng khẩu: ân Đức Phật vô lượng.

Ít lâu sau, nàng nhờ chồng cung thỉnh Đức Tôn sư và chư tăng quang lâm tư gia thọ trai 7 ngày. Nhưng Đức Tôn sư đã nhận lời mời của một gia đình có nhiều thiện cảm với Đại đức Mục kiên liên (Moggallana). Vì có sự trùng hợp, Đức Tôn sư bèn dạy Đại đức Mục kiên liên đến tận nhà thí chủ hỏi xem có thể dời đến tuần sau hay không? Nếu có sự trở ngại và không thể dời ngày được thì Đức Tôn sư không thể nhận lời mời của nàng Súp-pá-va-sa.

Vâng lời Phật dạy, Đại đức Mục kiên liên đến nhà thí chủ thuật lại tự sự. Thí chủ bạch:

- Bạch Đại đức, nếu Đại đức bảo đảm được 3 điều kiện, thì tôi sẽ vui lòng nhường. Ba điều kiện ấy là:

- 1- Gia tài, sự nghiệp của tôi sẽ không bị tiêu tán.
- 2- Tôi còn sống đến tuần tới.
- 3- Đức tin không bị sút mẻ.

Đại đức đệ nhất thần thông im lặng giây phút:

- Nay đạo hữu, hai điều kiện trước bản đạo bảo đảm được. Duy điều kiện thứ ba thì xin đạo hữu tự bảo đảm lấy.

Thí chủ bằng lòng dời đến tuần sau.

Đức Tôn sư và các bậc thánh nhơn vô lậu thọ trai tại nhà nàng Súp-pá-va-sa suốt 7 ngày. Đến ngày thứ bảy Đức Tôn sư phán hỏi:

- Nay Súp-pá-va-sa, 7 năm, 7 tháng mang thai nặng nhọc và suốt 7 ngày chuyển bụng khai hoa, đau đớn cùng cực, ngặt lịm từng hồi vậy nàng còn muốn có con nữa không?

- Bạch Đức Thế Tôn, đệ tử muốn được 7 đứa con như vậy nữa.

Đức Tôn sư dạy:

- Nay Súp-pá-va-sa, định luật là vậy. Vật không vừa lòng thì liên hệ với người mình vừa lòng. Vật không thương thì liên hệ với người mình thương. Sự khổ ải trong hình thức vui. Do đó, người đời rất dễ quên mình, thất niệm.

- Nay hiền đệ- Đại đức Ananda kể tiếp- cũng tại Sa-vất-thi này, có rất nhiều sự kiện liên quan đến Phật hạnh, nhưng tôi chỉ xin kể thêm một chuyện nữa thôi gọi là bồi đắp đức tin và sự ngưỡng vọng của đệ. Câu chuyện như vậy:

- Cuối sơ thời (1) và đầu trung thời, tính theo lịch trình khai đạo của Đức Thế Tôn. Thuở ấy là thời kỳ vàng son cực thịnh của chánh pháp, như ánh thái dương soi sáng khắp nơi, khiến quần chúng qui ngưỡng chánh pháp như trăm sông đổ về biển cả. Ngay đến đệ tử của các Hệ phái cũng bỏ đạo, qui y Tam bảo, tạo nên một phong trào đổi đạo chưa từng có trong lịch sử Ấn Độ. Do đó, giáo chủ các Hệ phái liên kết nhau mưu tìm biện pháp đối phó.

Chú thích: (1) Sơ thời là 15 năm đầu. Trung thời là 15 năm giữa. Hậu thời là 15 năm cuối của 45 năm Đức Thế Tôn khai đạo.

Giai đoạn đầu, họ phát động chiến dịch tuyên truyền bằng cách chia ra nhiều đoàn tuyên vận, đứng tại ngã ba, ngã tư đường, các trục giao thông quan trọng hoặc tại những địa điểm đông dân cư, đồng loạt kêu gọi với một luận điệu thống nhất:

- Thưa đồng bào, nếu Đức Sa môn Cồ Đàm là Phật tử thì chúng tôi cũng là Phật tử; nếu Ngài là giáo chủ thì chúng tôi cũng là giáo chủ; sự cúng dường Sa môn Cồ Đàm được phúc quả nhiều thế nào thì sự cúng dường chúng tôi cũng được phúc quả nhiều thế đó.

Chiến dịch tuyên truyền này hoàn toàn thất bại. Tiếng hô hào của họ bị lạc lõng như tiếng nói giữa sa mạc. Kết quả hoàn toàn trái ngược. Đệ tử thuộc thành phần trí thức của họ cảm thấy xấu hổ, trơ trên nên bỏ đạo. Thành phần chưa có cảm tình với họ thì trở nên chán ghét.

Thất bại trên phương diện tuyên truyền, họ họp mặt để thảo bàn kế hoạch. Một người trong nhóm tương đối sắc bén, giáo hoạt phát biểu:

- Thưa các Ngài, trên đời có trăm mưu ngàn kế. Kế hoạch này thất bại ta áp dụng kế hoạch khác: công khai không được thì âm thầm, cường dưng không được thì nhu hòa. Tôi đề nghị chúng ta nên dùng mỹ nhân kế, vừa nhẹ nhàng vừa hiệu lực, nếu không kết quả trên mặt thực chất thì chúng ta sẽ thành công trên mặt dư luận. Tôi còn nhớ, trong hàng đệ tử chúng ta, có nàng Chin-cha (Cincà) đẹp như tiên nga ngọc nữ. Nếu nàng khứng giúp thì kế hoạch chắc chắn sẽ thành công.

Đề nghị này được toàn thể tán đồng. Ngay lúc ấy, nàng Chin-cha cũng vừa đi tới. Vì có dụng ý trước, nên các vị Giáo chủ im lặng không nói một lời và cũng không buồn nhìn mặt nàng. Trước thái độ ấy, nàng hết sức kinh ngạc, khó chịu và tủi hổ. Nàng thưa:

- Thưa các Ngài, đệ tử không biết mình có hành động bất xứng thế nào khiến các Ngài xem đệ tử như người xa lạ? Xin các Ngài thương tình chỉ dạy để đệ tử ngăn ngừa về sau.

Chụp được thời cơ, một vị trong nhóm lên tiếng, giọng nói áo não:

- Này tín hữu, tín hữu thật là vô tình! Tín hữu không cần biết đến sự đau khổ của chúng tôi. Chúng tôi đang bị ông Sa môn Cồ Đàm làm cho thân bại danh liệt, và gây thảm hại toàn bộ cơ sở: vật chất lẫn tinh thần. Thế mà tín hữu có ngó ngàng gì tới.

- Thưa các Ngài, nhà nghèo thì mới hay con thảo, nước loạn thì mới biết tôi trung. Con là đệ tử thì sự đau khổ của các Ngài cũng là sự đau khổ của con. Nhưng con là phận nữ nhi thì biết liệu

phương gì để giúp các Ngài đắc lực. Xin các Ngài chỉ dạy. Nếu có thể được, thì con xin tình nguyện làm bất cứ những gì mà khả năng con cho phép.

Thấy kế hoạch có hiệu quả, các vị ấy nhờ nàng tiến hành mỹ nhân kế. Nàng bằng lòng vô điều kiện. Thoạt tiên, nàng tạo sự hoang mang, nghi ngờ trong hàng Phật tử bằng cách mỗi chiều, chờ Phật tử nghe pháp ra về thì nàng đi vào chùa. Có ai hỏi đi đâu thì nàng trả lời lấp lửng rằng: các vị tìm hiểu chuyện người khác làm gì. Hoặc sáng sớm, nàng vô chùa trước, chờ đến giờ Phật tử vào chùa, thì nàng ngược chiều đi ra. Và nếu có ai hỏi thì nàng cũng úp mở trả lời rằng: chuyện nàng ăn đâu, ngủ đâu, nào có liên hệ gì đến họ mà lý sự. Hành động này được tiếp diễn đều đặn suốt hai tháng đầu như một Phật tử ngoan đạo, chân chánh.

Giai đoạn thứ hai, nàng dùng đòn phép tinh vi hơn, táo bạo hơn, đó là lời xác nhận bán chính thức của nàng, mỗi khi được hỏi đến. Nàng nói:

- Quý vị cũng như Đức vua Pa-sê-ná-đi đi chùa sớm hôm, cúng dường, lễ bái đức Sa môn Cồ Đàm lâu nay, chắc các vị biết người yêu của ông ta chứ.

Một số người non lòng nhẹ dạ, tò mò tìm biết, thì nàng giải thích bằng luận điệu vô cùng nguy hiểm rằng: "Đức Phật là người đã từng hưởng thụ mọi thứ khoái lạc vật chất, nhất là dục lạc, thì tránh sao khỏi những giây phút yếu lòng. Chính lúc ấy, tôi là người diễm phúc được Ngài để dạ yêu thương. Sự đi đứng bất thường của tôi, cũng chỉ nhằm bảo vệ tình trạng lén lút ấy".

Câu kết luận này là chất bồi đắp vào đồng lửa dư luận đang âm ỉ cháy. Nhóm ngoại đạo muốn đốt giai đoạn bằng cách tạo thêm sức gió rì tai thổi mạnh ngọn lửa dư luận, nhằm thiêu rụi toàn bộ uy tín và đạo nghiệp của Đức Phật.

- Nay hiền đệ, chính cá nhân tôi cũng nóng lòng và chua xót. Thấy tôi phiền não, Đức Tôn sư dạy:

- Nay Ananda, người bóc phần bôi bấn mặt trắng sẽ gánh chịu hai hậu quả: một là tay họ dính phần, hai là sự thất bại ê chề khi họ bị phần đó rớt xuống đầu, cổ thế nào, người ác ý muốn hãm hại Như Lai cũng sẽ mang lấy hậu quả trầm trọng như thế đó.

Bắt đầu tháng thứ tư, nàng lấy vải cũ buộc bụng và cứ độn thêm mỗi tháng, do đó, bụng nàng cứ to dần. Đến tháng thứ tám, thứ chín, nàng tự dân bàn tay bàn chân cho sưng lên và độn bụng bằng khúc cây tròn như sắp đến ngày khai hoa nở nhụy.

Người thiện, người ác

Thế rồi ngày quyết định đã đến. Đây cũng là quyết định tồn vong của Phật giáo. Nếu nàng Chin-cha thắng thì Phật giáo sẽ bị tận diệt, bằng ngược lại Phật giáo sẽ cực thịnh, huy hoàng.

Hôm ấy, Đức Tôn sư đang ngự trên pháp tòa giảng đạo. Phong thái uy nghiêm như sư tử hồng, hiền mát như ánh trăng rằm. Ngay lúc ấy, nàng Chin-cha xuất hiện, một tay chống nạnh, một tay chỉ Đức Tôn sư đay nghiến:

- Phải mà, ông thuyết hay quá mà! Giọng nói ông thu hút quần chúng như có thôi miên. Răng ông liền lặc, đều đặn và trong sáng. Mở miệng ra là ông kêu gọi mọi người ly dục, nhưng riêng ông thì đã ly dục chưa? Những câu kinh của ông ngọt ngào, hấp dẫn như khúc hát ân tình, như tiếng nói yêu đương trên giường ngủ.

Đức Tôn sư im lặng. Phật tử hoang mang. Bầu không khí ngột ngạt. Vũ trụ như ngừng quay. Nàng tiếp tục tấn công:

- Nay ông, ông hãy nhìn tôi cho thật kỹ. Cái thai của tôi đã dư chín tháng rồi. Suốt thời gian ấy ông quá vô tình, lang bạc. Thuở mới yêu nhau thì ông hứa hẹn đủ điều, giờ thì ông ngoảnh mặt quay lưng như tuồng vô tích sự. Tuy nhiên, vì thông cảm, tôi đề nghị ông nên nhờ các đệ tử trung kiên, như nàng Visàkhà, ông Cấp cô độc, hoặc đức vua Pa-sê-ná-đi thay ông lo liệu cũng được. Ông nên nhớ, đây không phải là nhiệm vụ của ông đối với tôi mà là nghĩa vụ thiêng liêng của tình phụ tử.

Nói xong, nàng nhìn khắp giảng đường như phân trần, như khiêu khích.

Với giọng hiền hòa, trầm lặng, Đức Tôn sư nói:

- Nay Chin-cha, sự kiện này chỉ có ngươi và Như Lai mới rõ thực, giả mà thôi.

Nói xong Đức Tôn sư tiếp tục lặng thinh. Không hiểu câu nói thật ngắn này mầu nhiệm thế nào, mà khiến nàng Chin-cha kinh hoàng toát mồ hôi lạnh. Tay, chân và bờ môi run lên như bị tên độc. Cổ bình tĩnh, nàng trả đũa:

- Phải rồi, đúng rồi. Trong hương thất, giữa đêm trường thì nào ai biết được, nếu không phải là hai chúng ta. Tôi thật không ngờ ông đủ can đảm nói câu đó tại đây, mà không biết ngượng.

Đức Tôn sư phán:

- Nay Chin-cha, Như Lai xác nhận câu nói của Như Lai không thay đổi.

Không biết đây là sự ngẫu nhiên hay Phật lực, trong khi nàng Chin-cha xỉ xỏ và gân cổ thóa mạ, hạ nhục Đức Tôn sư thì vải buộc khúc cây bị đứt, hài nhi chào đời không phải bằng xương bằng thịt mà là một khúc gỗ tròn.

Nàng quính quáng như gà mắc đẻ, mặt mày xanh như bị dính chàm và đứng bất động như bị trời trồng. Phật tử thấy chuyện trơ trẽn, chướng tai gai mắt, không ai bảo ai, họ nhất tề đứng lên xô đuổi nàng ra khỏi giảng đường và đẩy luôn ra khỏi cổng Kỳ viên tịnh xá. Khi hình bóng nàng vừa khuất tầm mắt Đức Tôn sư thì nàng bị đất rút. Nàng chết vô cùng đau khổ chết trong kinh hoàng và nhục nhã.

Ngày hôm sau, chư vị tỳ kheo bàn tán xôn xao câu chuyện này. Đức Tôn sư dạy:

- Nay các tỳ kheo, các thầy không nên kết án ai nếu chưa xét xử phân minh, chưa nắm được tội trạng chắc chắn. Người thích làm ác là người hay nói láo, thiếu thành thật và bất chấp hậu quả.

Biển cổ lớn này là bài học cho những ai mưu mô hãm hại Đức Phật và tiêu diệt Phật giáo.

Mọi sự chống đối, mọi âm mưu phá hoại tự động lắng dịu và bằng đi một thời gian. Nhưng về mặt chìm, nhóm Lục sư ngoại đạo vẫn rình rập tìm cơ hội quật khởi. Sở dĩ họ mang mặc cảm đố kỵ thù ghét vì từ ngày Đức Phật ra đời và đạo Phật được phổ cập thì quần chúng đều hướng về chánh pháp. Đệ tử của các vị cũng lần lượt bỏ đạo. Do đó, uy tín họ bị sút mẻ, đệ tử giảm dần, lợi lộc không có, danh vọng tiêu tan.

Kế hoạch dùng sắc đẹp mỹ nhân bắt thành, họ xoay qua dùng xác chết mỹ nhân để triệt hạ uy tín Đức Bốn sư. Họ mượn người giết một thiếu nữ trẻ đẹp tên Sun-đà-ri đem chôn dấu dưới đồng hoa cũ phía sau hương thất. Thi hành xong thủ đoạn, họ hô hoán là Sun-đà-ri mất tích rồi rầm rộ tìm kiếm. Cuối cùng, đến nơi chôn dấu, họ bới xác nàng lên rồi kết án Đức Tôn sư lén lút ân ái với Sun-đà-ri và giết nàng để diệt khẩu. Câu chuyện này cũng gây hoang mang trong quần chúng không ít. Những kẻ nhẹ dạ yếu lòng nghe lời đồn đãi, đã chỉ trích Đức Phật thậm tệ. Nhưng chỉ ít hôm sau, kẻ giết mượn bị bắt và cung khai tất cả.

Một nghĩa cử vô cùng cảm động

Một buổi sáng. Gió thoảng hơi sương. Khí trời mát dịu. Chu vi Kỳ viên tự vẫn thiên vị u nhân. Cái u nhân của ngoại cảnh cũng ảnh hưởng phần nào đến sự an tịnh nội tâm của các bậc Sa môn hành đạo.

Tiếng đọc kinh của các vị tân thọ tỳ kheo vang nhẹ từng hồi. Một số đang đi kinh hành, một số đang giặt giũ y phục, trong khi một số khác đang quét dọn tịnh thất. Ngoài tiếng học kinh tất cả đều yên lặng.

Đức Tôn sư ngự qua, tất cả đều cúi đầu kính cẩn. Vị đang đi thì đứng lại, đang ngồi thì đứng lên, đang làm việc thì tạm ngưng để tỏ lòng tôn kính.

Đức Tôn sư để lời thăm hỏi một vài vị hoặc nhắc nhở một vài câu kinh rồi Ngài tiếp tục ngự qua. Đến một tịnh thất, Ngài dừng bước và hỏi Đại đức Ananda:

- Vị nào ở trong tịnh thất này?
- Bạch Đức Thế Tôn, thầy Tí-sá.
- Ông ấy có mặt hay đi vắng.
- Có lẽ thầy đang ở bên trong.

Đức Thế Tôn ngự vào. Bên trong một cảnh tượng vô cùng thương tâm hiện ra trước mắt Đức Từ phụ. Đó là hình ảnh một vị Tỳ kheo trung kiên, nằm trên chiếc đơn nhỏ, mình mẩy lở lói, máu mủ và nước vàng chảy ra vô cùng hôi hám. Có nơi máu mủ đã khô cứng; có nơi vẫn còn chảy ướt; có nơi đã có giòi. Thầy nằm bất động như xác chết.

Nghe tiếng động, thầy nhướng mắt lên nhìn Đức Phật. Thầy mừng quá, định chấp tay đánh lễ nhưng bất lực.

Đức Tôn sư yên lặng. Đại đức Ananda yên lặng. Thầy Tí-sá cũng yên lặng. Tuy nhiên, qua ánh mắt từ bi của Đức Tôn sư, thầy Tí-sá vô vàn cảm động. Những giọt nước mắt sung sướng, ngập ngừng, chậm chạp chảy xuống đọng lại ở hai bên má hóp.

- Này Tí-sá, thầy đau lắm không?
- Bạch Đức Thế Tôn, đau lắm. Đệ tử cảm tưởng đang nằm trên gai.
- Người không có pháp lữ, đồng đạo hoặc đệ tử chăm sóc sao?
- Bạch Đức Thế Tôn, lúc trước có, nhưng giờ họ đã bỏ đệ tử đi hết rồi.
- Tại sao vậy?
- Bạch Đức Thế Tôn, vì họ chán đệ tử đau đã lâu ngày. Hơn nữa, bệnh đệ tử thì như nhóp hói hám. Do đó, họ bỏ đệ tử một mình.

Nói đến đây thì thầy kiệt sức, không nói được nữa.

Đức Tôn sư ngự thẳng xuống nhà trù lấy nôi mức nước. Đại đức Ananda nhúm lửa. Khi nước sôi, Đức Tôn sư và Đại đức Ananda khiêng thầy Tí-sá luôn chiếc giường ra ngoài và bắt đầu rửa ráy. Một số Tỳ kheo đi ngang qua trông thấy, bèn tiếp tay thay y. Đức Tôn sư nhẹ tay rửa ghê khắp châu thân thầy Tí-sá. Nhận thấy thân hình tương đối sạch sẽ và mạng căn thầy không thể tồn tại được. Đức Tôn sư phán dạy:

- Tí-sá ơi, thân này chẳng còn bao lâu đâu, khi tâm thức đã lìa bỏ rồi thì nằm bất động trên mặt đất như đồng tro tàn vô bổ. Tí-sá hãy nhìn xác thân hôi thúi này, nó như nhóp vô cùng, các vật uế trực chảy ra thường trực. Thế mà người không giác ngộ chân lý ấy vẫn ưa thích và mê say.

Lãnh hội được lý đạo, thầy Tí-sá chứng quả Alahán. Nhưng vì bệnh tình quá trầm trọng nên thầy viên tịch. Đức Tôn sư dạy làm lễ hỏa táng và tạo tháp để tôn thờ xá lợi. Có nhiều trường hợp tương tự, Đức Tôn sư cũng tự tay rửa ráy, ẵm bồng, hoặc xê dịch bệnh nhân, hoặc tự tay cho uống thuốc. Để có điều kiện phục dịch và giúp đỡ bệnh nhân, Đức Tôn sư họp tăng và chế định giới luật:

- Này các tỳ kheo, các thầy không cha mẹ, anh em. Do đó, các thầy phải giúp đỡ nhau như tình ruột thịt. Sự chăm sóc tỳ kheo bệnh cũng đồng nghĩa với phục dịch Như Lai. Nếu thầy đau, trò chăm sóc. Trò đau, thầy chăm sóc. Vị nào không phụng hành, vị ấy phạm tác ác. Trường hợp không có trò riêng thì trò đồng sư phải được thay vào, bằng không, thì phạm tác ác. Nếu không có trò đồng sư thì tăng phải đứng ra đảm trách.

Đại đức Ananda có nhiều đức tánh cao quý, nhất là đối với tăng đồ cũng như tín đồ lúc bệnh hoạn. Điển hình như lúc hay tin Đại đức Phắc-gú-ná, Đại đức Ghí-ri-ma-nan-đa, ông bá hộ Á-ná-thá-bin-đí-cá, ông bá hộ Ma-ná-đin-ná v.v... bị bệnh, thì Đại đức lập tức vào bạch Phật để Đức Tôn sư thăm hỏi, an ủi hoặc nhắc nhở.

Sự giúp đỡ chăm sóc người trong lúc bệnh hoạn là một nghĩa cử, một ân tình khó quên giữa người bệnh và người nuôi bệnh. Bệnh là người thù của mạng sống. Sự chăm sóc bệnh nhân được mau bình phục đồng nghĩa với sự cứu mạng. Đức Tôn sư và Đại đức Ananda là bạn lành, là nơi nương tựa của mọi người.

Một tấm lòng

Một buổi bình minh rực nắng. Đại đức Ananda vào thành Sà-vất-thi khát thực. Trên đường đi, Đại đức bắt gặp ông bà-la-môn Săn-ga-rá-vá mỗi ngày tắm ba lần: sáng, trưa, và chiều dưới sông Găn-ga vì tin rằng, nước sông này bắt nguồn từ thiên đường, chảy qua đỉnh đầu thần Siva, nên có thể rửa sạch tất cả tội lỗi.

Đại đức rất muốn tiếp độ ông ta, nhưng tự thấy khả năng và công hạnh của mình chưa được thù thắng, nên bạch Phật:

- Bạch Đức Thế Tôn, ông bà-la-môn Săn-ga-ra-vá là người lão thành, nhân cách tốt, có thể đối thoại được. Nhưng vì tin chấp cổ truyền nên chưa có chánh tín. Xin Đức Thế Tôn từ bi tiếp độ.

Sáng hôm sau, Đức Phật quang lâm tư gia ông bà-la-môn. Sau những câu chào hỏi xã giao, Đức Phật gọi chuyện:

- Lúc này, ông còn tắm mỗi ngày ba lần như thường lệ chứ?

- Thưa còn.

- Xin ông vui lòng cho biết lợi ích của sự tắm và trảm mình trong sông Găn-ga. Những con sông khác có kết quả lợi lạc như sông Găn-ga không?

- Thưa Ngài Cồ Đàm, trong truyền rằng nước sông Găn-ga rất linh thiêng, có thể rửa sạch những điều tội lỗi, vì nó bắt nguồn từ thiên đàng và chảy qua đỉnh đầu thần Siva. Do đó, tôi tin tưởng và tiếp tục hành trì cho đến ngày nay.

- Như Lai muốn biết rõ hơn và mong ông thông cảm: cuộc đối thoại này chỉ nhằm mục đích làm sáng tỏ vấn đề và trang điểm cho kiến thức. Vậy, theo ông, thì tội ở trong tâm hay ở ngoài thân?

- Thưa, ở trong tâm.

- Nếu tội ở trong tâm thì khi tắm, nước có chảy qua tâm được không?

- Nước không chảy qua tâm được nhưng Ngài đừng quên rằng đây là chất nước thiêng có khả năng rửa sạch tội lỗi trong tâm.

- Ông nghĩ đức tin có thể hoán chuyển và che dấu sự thật được sao?

- Thưa Ngài Cồ Đàm, không thể được.

- Nay ông, nếu đức tin không thể che dấu và hoán chuyển sự thật thì sự tin rằng nước sông Găn-ga có thể rửa được tội lỗi trong tâm ấy có phải là sự thật hay không? Một người lạc đường, quay mặt đi về hướng tây tin rằng mình đang đi về hướng đông. Vậy sự tin tưởng ấy có thay đổi được phương hướng hay không?

- Thưa không.

- Câu chuyện này thì người tin tưởng nước sông Găn-ga có khả năng rửa sạch tội ác trong tâm cũng thế ấy. Hoặc người nọ có cái nồi bằng vàng nhưng bị dính phân toàn diện. Người ấy chỉ rửa bên ngoài, tin tưởng rằng bên trong cũng sạch. Vậy, theo ông, đức tin ấy có đúng sự thật không?

- Thưa Ngài Cồ Đàm, đức tin ấy hoàn toàn sai sự thật.

- Nay bà-la-môn, Như Lai nói, thân ác nghiệp, khẩu ác nghiệp, ý ác nghiệp là những chất dơ chỉ có thể rửa bằng nước chánh pháp chứ không thể rửa sạch bằng nước thường.

Như Lai gọi thân thiện nghiệp, khẩu thiện nghiệp, ý thiện nghiệp là chất nước tinh khiết, màu nhiệm có khả năng rửa sạch tội ác trong tâm. Nay bà-la-môn, hãy vào đây, vào tắm nước chánh

pháp của Như Lai, vừa sâu thẳm vừa trong sạch, không dơ đục, không cặn bã, có bền lâu, phẳng và đẹp, nơi mà bậc trí thức hạnh ngộ, tắm rửa, tắm xông lên bờ an vui, tự tại.

Sau khi Đức Phật phân tách lý đạo, ông bà-la-môn vô cùng hoan hỉ:

- Bạch Đức Thế Tôn, thật rõ ràng sáng tỏ như lật ngửa bàn tay, như mở cánh cửa đóng, như chỉ lối kẻ lạc đường, như soi sáng nơi tối tăm để người có mắt được trông thấy. Đệ tử xin phát nguyện trọn đời quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng. Xin Đức Thế Tôn nhận biết cho đệ tử từ nay là cận sự nam đã quy y Tam Bảo.

Đại đức Ananda là người quảng đại, là đồng sự lợi lạc của mọi người. Những đức tính cao quý khác có rất nhiều nhưng nổi bật nhất là đức khiêm cung. Đối với các bậc trưởng lão La hán được Đức Phật tuyên dương là đệ nhất, như Đại đức Ma-ha Ca-diếp (Mahà Kassapa) chẳng hạn, thì Đại đức Ananda tuyệt đối kính trọng, thậm chí không dám xung hô bằng pháp danh.

Có một lần, Đại đức Ca-diếp làm thầy tế độ cho giới tử xuất gia. Trong cuộc lễ này, Đại đức Ananda được mời làm thầy giáo thọ. Theo truyền thống tăng sự, thì thầy giáo thọ phải đọc tuyên ngôn liên hệ đến pháp danh Thầy Tế Độ. Do đó, Đại đức Ananda từ khước vì không dám tuyên đọc pháp danh Trưởng lão Ma-ha Ca-diếp. Đức Bổn sư biết rõ việc này nên Ngài cho phép đọc thế danh thay cho pháp danh cũng được.

Một lần khác, Đại đức Ananda cùng thỉnh Đại đức Ca-diếp hoan hỉ cùng sang ni viện dạy đạo, vì rằng Đại đức Ca-diếp rất nổi tiếng về đạo hạnh, lời dạy của Ngài sẽ vô cùng ích lợi cho ni chúng. Đại đức Ca-diếp hoan hỉ nhận lời nhưng vì Ngài là vị đệ nhất hạnh Đầu Đà và, thường xuyên sống ẩn cư, không lưu tâm đến vấn đề xã giao mà chỉ dạy đạo. Dạy đạo xong là cáo biệt ngay. Một cô ni phê bình rằng: đáng lý Ngài không nên dạy đạo trước một vị pháp sư lỗi lạc như Đại đức Ananda. Hành động như vậy chẳng khác gì người bán muối lẻ bán cho người lái muối.

Đại đức Ca-diếp, một hôm gặp Đại đức Ananda bèn nói:

- Nay hiền đệ, giữa đệ và tôi ai là người bán muối. Đức Thế Tôn có khen hiền đệ là người có đạo hạnh như Ngài chưa. Riêng tôi thì đã được Đức Thế Tôn ban khen công khai giữa tăng chúng là người có đạo hạnh như Ngài, cũng như ban khen Đại đức Xá lợi phất có khả năng thuyết pháp như Ngài.

- Bạch Tôn giả- Đại đức Ananda nói với sự tôn kính tuyệt đối- xin Tôn giả đừng để tâm làm gì. Nữ nhi phần đông thiên cận, bông bột, và nông nổi.

Sở dĩ Đại đức Ca-diếp nhắc lại câu chuyện người bán muối và lời khen của Đức Thế Tôn không phải vì chấp nhất câu nói của cô ni thiếu suy nghĩ mà Ngài dụng tâm qua sự quen biết và trách nhiệm dạy đạo ni chúng của Đại đức Ananda sẽ có cơ hội giúp cô ta hồi tâm. Đây là một cách cứu độ gián tiếp. Nếu không cô ta sẽ gánh lấy tội lỗi nặng nề vì thái độ phạm thượng ấy. Vả lại, đạo tình giữa hai vị quả thật vô cùng thâm thiết. Đại đức Ca-diếp thường gọi Đại đức Ananda bằng danh từ "Chú nhỏ", mặc dù tóc Đại đức Ananda đã bạc. Và Đại đức Ananda cũng lấy làm hoan hỉ với lời xưng hô thân mật này.

Phần 5

Biểu tượng Pháp bảo

Có một lần, một vị Bà-la-môn bái kiến Đức Phật:

- Bạch Đức Thế Tôn, đối với Phật bảo và Tăng bảo thì đệ tử đã từng cúng dường nhưng đối với Pháp bảo thì đệ tử phải làm cách nào mới gọi là cúng dường chân chính.

Đức Phật dạy nên cúng dường đến vị bác thông giáo lý. Và khi được bạch hỏi vị nào thì Đức Phật dạy nên hỏi các vị tỳ kheo. Tất cả đều tôn xưng Đại đức Ananda, thì giả Đức Tôn sư là bậc bác thông giáo lý. Ông bà-la-môn bèn đem y cà-sa cúng dường cho Đại đức. Sự kiện này chứng tỏ Đại đức Ananda là biểu tượng Pháp bảo.

Nói cách khác, người không dễ duôi xem thường chánh pháp, và luôn y cứ phụng hành, gọi là cúng dường chánh pháp cách cao thượng. Vì chính Đức Tôn sư cũng sùng bái chánh pháp.

Trong kinh có nhắc rằng: sau khi chứng quả Vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, tuần thứ năm, trong khi tọa thiền dưới gốc cây da, nơi mục đồng làm địa điểm họp mặt, Đức Phật tự nghĩ: đời sống không có đối tượng nương tựa, tôn sùng thì thật là bất tiện. Ngài không thấy bất cứ một đối tượng nào cao quý hơn Ngài trên phương diện giới, định, huệ, giải thoát, giải thoát tri kiến. Cuối cùng, Ngài tự quyết định chọn chánh pháp làm đối tượng.

Tóm lại, Phật, Pháp, Tăng chỉ khác nhau trên mặt danh từ và cảm giác, nhưng mặt lý giác thì đồng nhất bất khả phân. Ví như mặt ngọc tam giác.

Pháp là chân lý. Phật là vị giác ngộ chân lý. Tăng là bậc thừa kế, có nhiệm vụ truyền trì chân lý. Một buổi trưa, Đại đức Ananda ngồi nghỉ.

Đức Tôn sư từng đề cập các vấn đề liên hệ đến chư Phật quá khứ như cha mẹ, tuổi thọ, sự giác ngộ, tăng hội, đại đệ tử, thị giả v.v... chỉ riêng vấn đề Bồ-tát (1) thì Ngài chưa phán dạy. Để có sự hiểu biết rõ ràng, Đại đức bèn vào bạch Phật về vấn đề này.

Chú thích: (1) Uposatha: Ngày đọc giới và sám hối của các vị tỳ kheo trong ngày rằm và 30.

Đức Phật dạy:

- Nay Ananda, định kỳ Bồ-tát của chư Phật đều khác nhau. Riêng phần giải thoát (Ovadappàtimokkha) thì đồng nhất:

- Đức Phật Ví-pá-si (Vipassī) 7 năm bồ-tát một lần.
- Đức Phật Sí-khí (Sikhī) và Vê-sá-phu (Vessabhū) 6 năm bồ-tát một lần.
- Đức Phật Kakusandha (Cūlutō) và Konāgamana (Cāunahā) mỗi năm bồ-tát một lần.

- Đức Phật Kassapa (Ca-diếp) mỗi 6 tháng bố-tát một lần.
- Riêng Như Lai thì mỗi nửa tháng bố-tát một lần.

Định kỳ bố-tát tuy có khác nhau nhưng đại cương giải thoát giáo thì không khác.

Phần đầu Ngài dạy tổng quát:

Nhấn nại với mọi nguyên nhân phát sinh tham, sân, si, và lời phỉ báng của kẻ khác là pháp thiêu hủy phiền não. Chư Phật gọi Niết bàn là cứu cánh của phạm hạnh. Bậc xuất gia còn hãm hại kẻ khác không đáng gọi là Sa môn.

Phần hai: Ngài dạy giáo lý căn bản:

Nên dứt bỏ điều ác, tu tập hạnh lành, trau dồi tâm sạch. Lời dạy này nhằm mục đích chỉ rõ tội của ác nghiệp, phước của thiện nghiệp và sự thành công trong đạo nghiệp cách mạng tâm linh.

Phần ba: Ngài dạy đức tính người truyền giáo:

- Không nói xấu kẻ khác.
- Không khùng bố hoặc mua chuộc.
- Ẩm thực điều độ.
- Thúc liễm các căn.
- Không làm vừa lòng kẻ khác mà bỏ quên đạo đức bản thân.
- Ở nơi thanh vắng.
- Quán tu thiền định.

Công đức tri ân

Tâm từ bi vô lượng mà Đức Tôn sư đã cứu mạng qua nhiều A tăng kỳ kiếp, từ khi mới phát nguyện thành bậc Chánh Đẳng Chánh Giác nhằm mục đích cứu độ chúng sanh như một sứ mạng thiêng liêng thúc đẩy không ngừng.

Chính lòng từ ấy biện minh cho chúng sanh rằng: trình độ tu chứng tuy có thượng, trung, hạ nhưng tất cả đều có chủng tử Phật cũng như hoa sen tuy khác nhau về thời gian nở nhưng giống nhau về phương diện sắc hương.

Dùng Phật nhãn quan sát, Ngài nhận thấy chúng sanh có sự sai khác như sau:

- Nhiều phiền não, ít phiền não.
- Thượng căn, hạ căn.
- Thiện nghiệp, ác nghiệp.
- Thượng trí, hạ trí.

Ngài tuyên bố, "*cánh cửa vô sinh Như Lai đã mở, mọi người đều có quyền bước vào*". Đây là yếu tố nguyên lai khai đạo của Đức Từ phụ. Suốt giòng lịch sử truyền bá, Đức Phật chưa làm đổ

một giọt máu hồng, một giòng lệ nóng. Vì Ngài là hiện thân của tình thương rộng lớn, là cha lành của bốn loại chúng sanh, là đạo sư của khách trần lạc lõng.

Đạo của Ngài là thuyền từ cứu độ, là đuốc tuệ soi đường, là địa bàn chỉ hướng, là mạch nước giữa sa mạc muôn trùng.

Đạo của Ngài đẹp tuyệt vời, thơm tuyệt diệu, là cứ điểm tuyệt đối an toàn. Đẹp hơn trăng rằm vì tính cách sơ thiện, trung thiện, và hậu thiện. Thơm hơn các loại trầm kỳ vì bản chất giới hương, định hương, và huệ hương. Là cứ điểm tuyệt đối an toàn vì thành quả giải thoát tri kiến.

Thật vậy, trăng rằm tuy đẹp, nhưng nếu bị mây che, nhụt thực, hoặc người đui, người không thích ánh sáng, người có tâm sự buồn, người mất trí v.v... thì trăng rằm không còn đẹp, hấp dẫn và cần thiết. Sự chi phối bởi ngoại cảnh đã khiến cái đẹp của mặt trăng không còn độc đáo và hiệu năng.

Các loại trầm kỳ tuy có thơm nhưng chỉ thơm xuôi gió và thơm trong khoảng cách hữu hạn. Do đó, sự tác dụng của mùi thơm bị hạn chế tối đa. Trong trường hợp khác như người đang bệnh nặng, đang hấp hối, đang quá đói khát, đang mang tâm sự quá khổ, quá buồn, hoặc khứu giác bị hư thì mùi thơm đối với họ hoàn toàn vô nghĩa. Trái lại, mùi thơm giới, định, huệ của các bậc chân tu đắc đạo thì chẳng những loài người mà các tầng trời cũng đều ngửi thấy. Chính Đại đức Ananda có lần bạch hỏi Đức Thế Tôn về vấn đề này. Đức Tôn sư dạy:

- Nay Ananda, trong thế gian này không có hương thơm nào bằng hương thơm của giới. Người có giới hằng được trời, người, và các bậc thiện đức quý kính, yêu thương và ca tụng.

Nói cách khác, giới có khả năng rửa sạch tất cả tội lỗi trong tâm. Ngoài ra không có phương tiện nào khác hiệu lực hơn. Nước sông, nước biển chỉ rửa sạch những dơ uế bên ngoài. Sự khổ não nóng nảy thường trực của tâm hồn không thể dập tắt bằng chất nước thường mà phải dùng nước giới.

Người có giới đẹp từ nhỏ đến già, sống lợi lạc, chết an nhàn, hạnh phúc kiếp này, cực lạc kiếp sau. Người có giới dù sang, hèn, nghèo, giàu, già, trẻ, nam, nữ, sống giữa thành thị hay rừng núi hoang vu, còn sống hay đã chết hương thơm vẫn bay tỏa bốn phương ngào ngạt.

Cái đẹp của người có giới là cái đẹp thiên thu bất biến. Không một đám mây tội lỗi nào có thể che khuất ánh sáng huyền diệu của vàng trắng Giới đức. Chỉ có ánh sáng Giới đức mới đủ năng lực soi tỏ đến tận cùng nội tâm thâm kín, và là trái tim nóng hổi làm cho giòng máu tươi được lưu độ điều hòa trong mạch sống.

Người không giới là người thích sống cuộc đời phù phiếm xa hoa, ham lợi háo danh và thích hưởng thụ. Những thú vui trần tục này là cặn bã làm mờ tối lương tri và làm đình trệ con đường giải thoát.

Đạo đức là cơ quan an ninh hữu hiệu cho xã hội và loài người. Nhưng người ý thức và tích cực trì hành đạo đức thì quá ít. Do đó, loài người tự làm khổ, đầy ải, nghiệt ngã bản thân và kẻ khác.

Mục đích thanh bình, an lạc bị bóp chết. Người không đạo đức là đại họa cho gia đình, xã hội, và loài người. Người đạo đức là đại phúc cho tất cả.

Đại đức Ananda là mẫu người vừa kẻ, mẫu người biết ưu tư và thao thức đối với hạnh phúc và lợi lạc của cộng đồng. Câu chuyện điển hình như vậy:

Sơ thời, Đức Phật chỉ cho phép tỳ kheo dùng Tam y là: Y tăng-già-lê hai hoặc ba lớp để đắp lạnh. Y uất-đà-la-tăng để trùm ngoài, và y an-đà-hội để mặc trong. Ngoài ra không có quyền cất giữ y dư. Một hôm, Đại đức Ananda có một số y dư muốn cúng dường cho Đại đức Xá lợi phát đang ở tại thị trấn Sa-kê-tá nhưng không biết làm sao, bèn thỉnh tôn ý Đức Phật. Đức Tôn sư hỏi:

- Chừng bao lâu Xá-lợi-phát về?
- Bạch Đức Thế Tôn, chừng mười hôm nữa.
- Nếu vậy, Ananda cứ tạm cất chờ xem.

Nhân câu chuyện này, Đức Tôn sư chế luật:

- Nay các tỳ kheo, Như Lai cho phép các thầy giữ y tối đa 10 ngày. Quá hạn định, bị phạm ung phát lộ và y dư phải bị ung xả.

Đại đức Ananda được mãn nguyện. Vì Đại đức Xá-lợi-phát về trong hạn định.

Về điều này, Đức Phật chế định một nguyên tắc linh động hơn, danh từ chuyên môn gọi là Ví-cập-pá nghĩa là biến thành cộng hữu. Phương thức như vậy:

- Tỳ kheo có y dư đem trình trực tiếp với một vị tỳ kheo khác rằng mình sẵn lòng xả bỏ, vị nào cần thì được quyền sử dụng. Vị sau có thể nhờ vị trước cất xài chung.

Đại đức Ananda đã đóng góp phần lớn cho vấn đề này, giúp ích hữu hiệu cho hiện tiền tăng. Công đức này được bậc xuất gia và hàng cư sĩ luôn luôn nhớ ơn. Vì bậc xuất gia thì được có y phục đầy đủ rộng rãi, còn hàng cư sĩ thì có cơ hội tùy nghi cúng dường.

Đại đức cũng từng nghĩ rằng: bạn lành là nửa phần của phạm hạnh. Nhưng Đức Tôn sư dạy rằng: "Bạn lành là toàn phần của phạm hạnh".

Đại đức được Đức Tôn sư ban khen và toàn thể pháp lữ tán dương qua 5 đức tính:

- 1- Bậc thông tuệ, thuộc và nhớ nhiều Phật ngôn.
- 2- Bậc pháp sư lỗi lạc, người nghe không chán.
- 3- Có trí nhớ đặc biệt và thích nghi với mọi hoàn cảnh.
- 4- Tinh tấn không lùi.
- 5- Phục dịch Đức Tôn sư vô cùng chu đáo.

Khi có cơ hội, Đại đức thường đàm đạo với Đại đức Xá lợi phát. Trong Tăng nhất bộ có đề cập những đoạn kinh đối thoại của hai vị. Như vấn đề Niết bàn và thiên định. Vấn đề tỳ kheo không thông tuệ và thông tuệ v.v...

Trong lãnh vực luận đạo, Đại đức Xá lợi phát công nhận Đại đức Ananda có nhiều đức tính lành đáng ca tụng:

- 1- Nghe nhiều học rộng.
- 2- Có biệt tài trùng tuyên một cách đầy đủ và chính xác.
- 3- Có khả năng giải rộng những điều khó hiểu.
- 4- Thích trầm lặng.
- 5- Thích giao du, thân cận các bậc bác thông kinh luật.
- 6- Tích cực học hỏi để được thông suốt thêm.

Quả thật Đại đức Ananda xứng đáng nhận sự biết ơn, cúng dường và chiêm ngưỡng của phật tử xuất gia và tại gia.

Lần gặp gỡ sau cùng

Đại đức Ananda phục dịch Đức Tôn sư vô cùng cẩn trọng, chu đáo, bất chấp nắng mưa, ngày đêm cực khổ, hiến dâng trọn đời mình cho Đức Phật. Tâm hồn Đại đức lúc nào cũng hiền lành nhưng cương quyết, sẵn sàng hy sinh nhưng không tự phụ, quán triệt nhưng không kiêu mạn.

Công trình phục vụ Đức Tôn sư của Đại đức Ananda quả thật độc nhất vô nhị, sáng như mặt trời, mát như mặt trăng và đẹp như hoa xuân nở rộ.

Năm Đức Tôn sư 79 tuổi, tuổi đã già, như ánh hoàng hôn gượng sáng để rồi chìm hẳn vào màn đêm. Thuở ấy, Đức Tôn sư ngụ tại núi Kỳ xà quật (Gijjhakùta) gần thành Vương xá (Rajagaha). Lúc bấy giờ, đức vua A-xà-thế (Ajàtasatu) đang chuẩn bị cất quân chinh phạt xứ Vách-chi. Nhà vua sai đại thần Vá-sá-ca-rá đến bái kiến và thỉnh ý Đức Tôn sư. Tuân hành quân lệnh, đại thần đến núi bái kiến Đức Phật.

- Bạch Đức Thế Tôn, đức vua A-xà-thế đang chuẩn bị cất quân chinh phạt xứ Vách-chi (Vajji), có sai đệ tử thay người bái kiến, vẫn an sức khỏe và xin đê đầu đảnh lễ Đức Thế Tôn.

Đức Tôn sư không trả lời đại thần Vá-sá-ca-ra (Vassakàra) mà chỉ phán hỏi Đại đức Ananda, dân chúng xứ Vajji còn tích cực trì hành pháp bất hoại không?

- Bạch Thế Tôn còn.

- Này Ananda, bất hoại pháp có 7 chi:

- 1- Thường xuyên hội họp đông đảo.
- 2- Đoàn kết trong những lúc hội họp, giải tán và công tác.
- 3- Thượng tôn luật pháp. Không hủy bỏ những luật pháp cũ có tính cách nhân đạo, không ban hành những luật mới, quá khắc khe.
- 4- Tôn trọng và lãnh giáo các bậc trưởng thượng.
- 5- Cùng cố đạo đức cổ truyền nhất là không cưỡng ép đàn bà, con gái phải sống với ngoại nhân.
- 6- Duy trì nền văn hóa cổ xưa, như các ngôi danh lam, tôn miếu thờ cúng các vị anh hùng, liệt sĩ

và chư linh.

7- Đãi ngộ xứng đáng các bậc chân tài, chân tu để được cộng tác hoặc ủng hộ.

Này Ananda, khi nào dân chúng Vách-chi còn trì hành tích cực 7 pháp bất hoại này thì chẳng những không bị tiêu diệt mà còn phồn vinh, hùng mạnh.

Đức Tôn sư bèn ngỏ lời với vị đại thần:

- Này Vás-sa-ka-rá, một thời Như Lai ngụ tại tháp Sa-ranh-đá (Sàranda) gần thị trấn Vesali, có chỉ dạy 7 pháp bất hoại này cho dân chúng Vajji và Như Lai tin rằng họ sẽ không bị tiêu diệt nếu còn trì hành tích cực 7 pháp ấy.

- Bạch Đức Thế Tôn, theo ngu ý đệ tử, thì dân xứ Vách-chi dù chỉ trì hành một pháp thôi cũng đủ thắng lợi, phồn vinh, hùng mạnh và sẽ không bao giờ bị tiêu diệt.

Sau khi đại thần Vás-sá-ka-rá bái biệt, Đức Tôn sư dạy Đại đức Ananda triệu tập các hàng tỳ kheo và Ngài phán dạy:

- Này các tỳ kheo, các thầy sẽ được thăng tiến, lợi lạc không bị hoại diệt, nếu các thầy thường xuyên hội họp, đoàn kết keo sơn, nghiêm trì giới luật, tôn trọng tăng trưởng, không nô lệ ái dục, thích nơi thanh vắng và mong được tiếp kiến các bậc chân tu.

- Lại nữa, này các tỳ kheo, các thầy sẽ được tuyệt đối tiến hóa, không bị hoại diệt

nếu các thầy không quá bận rộn công tác, không thích nói chuyện tào lao, không thích ngủ nhiều, không thích cuộc sống chung chạ, không ham muốn đê hèn, không thân cận bạn ác và tích cực công phu hành đạo để chứng ngộ.

Đức Tôn sư tạm ngụ tại núi Kỳ xà quật một thời gian bèn cùng Đại đức Ananda trực chỉ nước Vê-sa-li, qua nhiều làng mạc như Âm-bá-lá-thi-ka, Na-lăn-đà, và Pataligama là những căn cứ chiến thuật do đức vua A-xà-thế thành lập nhằm bao vây và cô lập xứ Vách-chi.

Tại thị trấn Nà-lan-đà này, Đại đức Xá lợi phát từng bày tỏ sự ngưỡng mộ tuyệt đối nơi Đức Tôn sư rằng trong quá khứ, hiện tại và vị lai không có vị sa môn, bà-la-môn nào hơn Đức Phật trên phương diện chánh đẳng chánh giác.

Khi ngự đến thị trấn Pá-tá-lí-ga-má, trước số đông Phật tử bái kiến, Đức Tôn sư dạy về 5 tội phá giới:

- 1- Người phá giới sẽ bị phá sản.
- 2- Tiếng xấu đồn xa.
- 3- Không tự nhiên hiên ngang giữa đại chúng.
- 4- Sắp mạng chung bị bán loạn tinh thần,
- 5- Sau khi mạng chung bị đọa vào khổ cảnh.

Còn người có giới đức thì hưởng được 5 quả phước theo ý nghĩa tương phản.

Suốt quãng đường từ Pá-tá-lí-ga-má đến Vê-sa-li Ngài đều giảng đạo chung cho giới xuất gia, tại gia và riêng cho Đại đức Ananda. Vấn đề tứ thánh đế, vấn đề chánh pháp là gương sáng v.v... đều được Ngài chỉ dạy tận tường. Đến Vê-sa-li, Ngài ngụ tại vườn cây của cô kỹ nữ Âm-bá-pà-li. Đức vua Lic-chá-vi cung thỉnh Ngài vào ngụ trong nội thành nhưng Ngài từ khước.

Sự từ khước này mang một ý nghĩa từ bi, bình đẳng, tránh được sự mâu thuẫn chính trị giữa hai vương quốc thù nghịch. Vì vua A-xà-thế nước Ra-já-gá-há muốn chinh phạt xứ Vách-chi nước Vê-sa-li do vua Pá-sê-ná-đi cai trị. Do đó, nếu Ngài nhận lời vào ngụ trong thành nội thì sẽ mất lòng vua A-xà-thế và nhà vua có thể nghĩ quấy cho rằng Ngài về phe hoặc ủng hộ vua Pá-sê-ná-đi.

Để tiếp độ dân xứ Vách-chi và để chặn đứng mưu đồ chinh phạt của vua A-xà-thế, gần trọn năm ấy, Ngài không đi đâu xa mà chỉ quanh quẩn xứ Vách-chi. Mãi đến mùa mưa Ngài mới an cư kiết hạ tại chùa Vê-lú-vá. Quả thật lòng từ bi và sự hiện diện của Đức Tôn sư đã khiến vua A-xà-thế không nỡ cất quân chinh phạt. Thế là hàng triệu người khỏi bị hy sinh oan uổng. Hành động này chứng tỏ Đức Tôn sư chẳng những thành công trên phương diện đạo đức mà ngay trên bình diện chánh trị Ngài cũng quán triệt và diệu dụng.

Mùa hạ này là mùa cuối cùng. Đức Tôn sư bị bệnh kiết lỵ trầm trọng. Nhưng tự biết chưa đến giờ nhập diệt nên Ngài dùng năng lực định-thần-túc loại trừ bệnh tật bằng Á-thí-va-sá-ná-khan-ti (1). Đại đức Ananda, một buổi chiều mát trời vào bạch Phật:

- Bạch Đức Thế Tôn, đệ tử đã mục kích sự nhẫn nại của Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn chẳng những giảng dạy pháp nhẫn nại mà chính mình đã làm gương và làm chứng. Đúng như dư luận đã tán thán rằng Đức Thế Tôn nói sao làm vậy, làm sao nói vậy. Nhưng bạch Thế Tôn, suốt thời gian Thế Tôn ngoạ bệnh, đệ tử lo lắng, sốt ruột quá chừng. Toàn thân đệ tử như bị nhắc bổng và xoay tròn, trời đất tối tăm quay cuồng. Cảm giác của đệ tử như chim non trên cành bị giông bão. Nhìn Thế Tôn đau mà ruột gan đệ tử quặn thắt. Đệ tử cảm thấy đau đớn hơn Thế Tôn. Tuy nhiên, đệ tử không đến nổi tuyệt vọng vì Đức Thế Tôn chưa triệu tập tăng già, chưa để lời di giáo tối hậu. Do đó, đệ tử tin Thế Tôn chưa nhập Niết bàn.

- Ananda ơi, người và tăng chúng còn mong mọi gì nơi Như Lai nữa. Những điều nói, Như Lai đã nói hết rồi, Như Lai không dấu diếm điều gì. Gia tài pháp luật tuyệt hảo của chư Phật, Như Lai đã chuyển giao toàn bộ cho người và giáo hội.

- Ananda ơi, hãy nhìn Như Lai, nhìn thể chất Như Lai. Như Lai đã già rồi, răng rụng, tóc bạc, má cộp, da nhăn, thân hình tiêu tụy, như xe cũ sửa rồi sửa nữa, giai đoạn hoàn toàn bất lực chỉ là vấn đề thời gian. Thời gian phá hủy tàn bạo mọi hiện hữu. Không sức mạnh hoặc phép lạ nào có thể ngăn được giông thời gian. Các người hãy nương nhờ chánh pháp vì chỉ có hải đảo chánh pháp mới không bị hồng thủy luân hồi nhận chìm oan uổng.

Chú thích: (1) Adhivasanakhanti chịu đựng mọi sự đau đớn của cơ thể. Dhitikhanti chịu đựng mọi sự nóng lạnh cơ cực. Tìtikhakhanti chịu đựng mọi hiện tượng làm phát sanh tham sân si.

Vê-lú-ga-má thuộc xứ Vá-ji-chi cho đến mãn mùa đông, Đức Tôn sư biết rõ trong người suy yếu thật sự và sự sống chỉ là ngọn đèn trước gió. Tuy nhiên, Ngài giữ im lặng, chưa cho Đại đức

Ananda biết. Trước Niết bàn 3 tháng, chính lúc ấy, Đức Tôn sư gần như mất hẳn sức khỏe, đau ốm liên miên. Mặc dù vậy, Đức Tôn sư vì lòng đại từ bi đối với tất cả chúng sinh, nên Ngài phải chấp nhận cuộc hành trình vô cùng vất vả.

Rời Vê-lú-ga-má Đức Tôn sư ngự đến Ku-ta-ga-rá-sa-la trong rừng Đại lâm (Mahavana) do vua xứ Lích-xá-vi kiến tạo cúng dường. Đến nơi chưa hết mệt, Đức Tôn sư dạy đại đức Ananda khẩn triệu tập tăng chúng ở quanh kinh đô Vesali. Ngài giảng dạy pháp liễu ngộ là pháp đoạn lia phiền não gồm có: Tứ niệm xứ, Tứ chánh cần, Tứ thần túc, Ngũ căn, Ngũ lực, Thất giác chi, và Bát thánh đạo.

Sáng hôm sau, Ngài vào thành Vesali khất thực. Dân chúng vô cùng mừng rỡ được bái kiến cúng dường Đức Tôn sư bao nhiêu thì linh tính cũng báo cho họ biết đây là sự gặp gỡ sau cùng. Do đó, họ buồn khổ bấy nhiêu.

Đức Tôn sư an ủi và nhắc nhở:

- Nay các Phật tử, các hữu vi pháp đều vô thường, có sanh tất có diệt, đó là định luật chung cho pháp giới chúng sanh. Sự buồn khổ khóc than không kéo được mùa xuân khi thu về lá rụng.

Sau đó, Đức tôn sư đi thẳng về hướng ngoại thành. Vừa ra khỏi cổng ngoài, Đức Tôn sư quay lại nhìn Vesali lần chót, như tượng chúa quay mặt từ già núi rừng trước khi bị dẫn đem về hoàng cung làm ngự tượng. Phút giây im lặng, thiêng liêng trôi qua. Đức Tôn sư phán dạy Đại đức Ananda:

- Nay Ananda, đây là lần cuối cùng Như Lai được nhìn Vesali. Ananda ơi, các hữu vi pháp đều có sanh có diệt. Không ai có thể tránh khỏi cái định luật phủ phàng ấy. Đi Ananda, chúng ta đi đến tháp Pa-va-lá.

Đại đức Ananda đi theo sau Đức Tôn sư mà cõi lòng tan nát đau xót.

Giây phút quyết định

Khi đến tháp Pa-va-lá, Đức Tôn sư ngự dưới gốc đại thọ và phán dạy Đại đức Ananda:

- Nay Ananda, người thuần thực bốn thần lực như Như Lai, nếu muốn, có thể sống 120 tuổi.

Đức Tôn sư phán dạy như vậy ba lượt, nhưng Đại đức Ananda không có bất cứ phản ứng nào vì sự xúc động mãnh liệt đã khiến Đại đức mất hẳn sự sáng suốt cố hữu, không đoán được tôn ý Đức Tôn sư. Quả thật, Đại đức đã bỏ mất cơ hội ngàn vàng. Thấy Đại đức Ananda như kẻ mất hồn, Đức Tôn sư dạy:

- Nay Ananda, trông ngươi mệt mỏi nhiều, ngươi nên tạm nghỉ lấy sức. Như Lai cũng cần an nghỉ một chút.

Đại đức bèn tìm một gốc cây không xa ngôi tịnh dưỡng. Ngay lúc ấy Đức Tôn sư hồi tưởng quá trình truyền đạo suốt 45 năm dài từ ngày mới thành chánh quả. Nào ngại chúng sanh không lãnh

hội giáo lý giải thoát, nào ngại không đủ nhân duyên thành lập giáo hội đạo tràng, nào ngại đệ tử xuất gia và tại gia không đủ khả năng đối thoại với những chủ thuyết ngoại đạo đối nghịch, nên Ngài chưa vội Niết bàn. Nhưng nay thì số đông chúng sanh đã lãnh hội được giáo lý giải thoát, giáo hội, đạo tràng đã được thành hình, tứ chúng: tỳ kheo, tỳ kheo ni, thiện nam, tín nữ đã đủ khả năng đối thoại với những chủ thuyết ngoại đạo và đủ sức thừa kế sự nghiệp truyền trì chánh pháp. Do đó, Ngài có thể Niết bàn vì công trình độ đời đã viên mãn.

Sau giây phút hồi tưởng, Đức Tôn sư đi đến quyết định chọn ngày rằm tháng tư để tịch diệt. Sự quyết định tối hậu này đã khiến địa cầu rung chuyển, bình địa nổi phong ba, cây cối cúi đầu, đại dương gào thét, lưng trời biến thành màu đỏ, chim chóc bay tán loạn kêu lên những tiếng nào ruột vang cả núi rừng. Đại đức Ananda thấy hiện tượng kỳ lạ, lập tức vào hầu Đức Tôn sư:

- Bạch Đức Thế Tôn, địa cầu đã xảy ra hiện tượng bất thường khiến đệ tử lo quá. Xin Đức Thế Tôn từ bi cho đệ tử biết rõ nguyên nhân.

Đức Tôn sư phán:

- Ananda ơi, những trường hợp sau đây khiến cho địa cầu phải rung chuyển, đó là: ngày Phật đản sanh, Phật thành đạo, Phật chuyển Pháp luân, và ngày Phật quyết định Niết bàn.

Vừa nghe xong, Đại đức Ananda không còn bình tĩnh được nữa, liền ôm chầm đôi chân Đức Tôn sư nước mắt tuôn rơi đầm đìa. Qua tiếng nức nở quàng, Đại đức nghẹn ngào gượng bạch:

- Bạch Đức Thế Tôn, xin Đức Thế Tôn thương xót đệ tử và chúng sanh mà tiếp tục duy trì mạng căn chớ vội Niết bàn.

Sự đau đớn tột cùng đã khiến Đại đức không nói thêm được lời nào.

Với nét mặt và ánh mắt bình lặng cố hữu, Đức Tôn sư phán:

- Ananda ơi, muộn mất rồi. Đấng Như Lai không bao giờ hành động trái với điều tự hứa. Như Lai sẽ nhập Niết bàn vào ngày rằm tháng tư, nghĩa là còn đúng ba tháng nữa. Nay Ananda, Như Lai đã gợi ý cho người ít nhất là 16 lần rằng: người có bốn thân lực, nếu muốn, có thể duy trì mạng căn đến 120 tuổi, nhưng người im lặng không có phản ứng. Như Lai cũng định rằng, trong những lần ấy nếu người yêu cầu, Như Lai sẽ từ chối tối đa hai lượt và đến lần thứ ba Như Lai sẽ nhận lời. Nhưng giờ đây thì mọi việc đã an bài. Như Lai không còn đổi ý được nữa.

Im lặng một lúc Đức Tôn sư nói tiếp:

- Ananda, người nhớ chăng? Tại núi Kỳ xà quật (Gijjhakùta), tại hang đá Sú-ká-rí-kha-ta, và những lần khác: tại đại thọ Gò-tá-mí-ní-grô-dhí, tại hồ Sit-tá-păn-ná núi Vê-pha-rá, tại tảng đá đen núi Í-si-gí-lí, tại ngọn núi Síp-pí-sô-đi-ka rừng lạnh, tại chùa Tá-cô-đà-ra-má, tại chùa Trúc lâm (Veluvana), tại vườn xoài của danh y Kô-ma-rá-phắc-chá, và tại rừng Mất-tá-kút-chí-mí-gá-đa-đa. Chính tại 10 địa điểm thuộc xứ Rà-já-gá-há này, Như Lai cũng gợi ý như vậy và người cũng im lặng.

Sau đó, khi đến xứ Vesali, Như Lai cũng gợi ý tại 6 địa điểm nữa là: tại tháp Ú-đê-ná, tháp Sắt-tam-bá, tháp Gô-tá-má-ká, tháp Bá-hú-pút-tá, tháp Sa-răn-đá và tháp Pa-va-lá nhưng người vẫn tiếp tục im lặng. Đó là sự sơ sót của người, vậy người đừng khóc than nữa.

Ananda ơi, giờ đây ngũ uẩn Như Lai như cỗ xe cũ, như thuyền lủng đáy, Như Lai đã quyết bỏ rồi. Vấn đề không thể kéo lại. Theo thông lệ, chư Phật không nói hai lời, không quyết định hai lần.

Ananda này, Như Lai không phụ người đâu. Người hãy an tâm, đừng tủi thân khóc than nữa. Người đã làm tròn bổn phận một cách tốt đẹp. Vậy người có quyền hoan hỉ và niềm tự hào sẽ an ủi người.

Ananda ơi, Như Lai đã từng nói với người rằng, người đời phải bị chia lìa tất cả nhân vật yêu quý một cách vĩnh viễn. Sự cách biệt phân ly là mức đến của kiếp người.

Tiếp tục hành trình, Đức Tôn sư đến làng Phanh-đú-ga-má (Bhandugama) và từ đó Ngài thẳng qua xứ Phô-gá. Tại những nơi tạm trú, Đức Tôn sư đều dùng thì giờ ngàn vàng ấy giáo huấn các hàng tỳ kheo về xuất thế pháp là: giới, định, huệ, giải thoát, và giải thoát tri kiến.

Đức Thế Tôn giải thích thêm:

- Nay các tỳ kheo, giới là căn bản các hạnh lành, như trái đất là nơi dung thân của các loài động vật và thực vật. Người có giới sống thanh nhàn, thoải mái như ngôi nhà đã quét dọn sạch sẽ và trang trí mỹ thuật, tránh được sự phiền phức bởi rác rến và các đồ dơ uế, mất vệ sinh.

Nhờ giới sanh định. Người có định hằng sống an tịnh, trầm mặc và bình thản trước mọi chướng duyên, nghịch cảnh gây nên bởi 8 thế gian pháp (1). Lửa phiền não dù nóng bức đến đâu cũng không đốt cháy được định tâm. Như ngôi nhà kiên cố, vách phên chắc chắn, mái lợp kín đáo thì không sợ nắng tấp, mưa dầm, gió dữ.

Nhờ định phát huệ. Người có huệ là người nhận chân được sự thật của vạn hữu một cách thấu triệt, không lầm lẫn. Sự thật ấy là ba định lý bất kiến: chư hành vô thường, chư pháp vô ngã, tịch tịnh Niết bàn. Trí huệ nhận chân là ngọn gươm sắc bén vô song có thể đoạn lìa gốc rễ phiền não là ái dục, sân hận và si mê một cách diệu dụng. Chân tâm đã được giới, định, huệ xây dựng, hậu thuẫn thì kết quả là giải thoát toàn diện, vô cầu, vô nhiễm, thể nhập vào Phật tánh: thường, lạc, ngã, tịnh.

Chú thích: (1) Được lợi, mất lợi, được danh, mất danh, được khen, bị chê, gặp vui, bị khổ. Cũng gọi là Bát phong.

Nay các tỳ kheo, người giải thoát sẽ tự mình thưởng thức quả vị tuyệt vời của sự giải thoát. Họ có cảm giác của người tìm gặp kho tàng hoặc của bệnh nhân lâu ngày được bình phục. Người ấy biết được rằng các vi tế phiền não đã bị tiêu diệt toàn bộ, duyên sanh không còn, sự sanh đã dứt và gánh nặng luân hồi đã được quăng xuống.

Nhờ thấm nhuần mưa pháp, một số lớn tỳ kheo được đặc đạo chứng quả.

Tin Đức Tôn sư sắp nhập diệt gây xúc động mãnh liệt trong hàng Phật tử xuất gia và tại gia. Họ dậm năm tùm bảy bản tán xô xao, than vắn, thở dài, xót xa bi lụy. Riêng các bậc thánh nhân vô lậu thì cảm nhận sâu xa định luật vô thường của vạn hữu.

Một vị tỳ kheo tên Thăm-ma-ra-má tự nghĩ: chỉ còn ba tháng ngắn ngủi, Đức Tôn sư sẽ nhập Niết bàn. Ta được xuất gia theo chánh pháp nhưng phiền não ta vẫn còn. Vậy ta hãy tích cực công phu hành đạo và bằng mọi cách phải đạt thành quả La hán kịp lúc Đức Tôn sư còn tại thế. Quyết định xong, Đại đức tách rời hàng ngũ chúng tăng, tìm nơi thanh vắng, một mình hành đạo.

Thấy Đại đức có cử chỉ lạ, các vị tỳ kheo cho rằng Đại đức vô tình không thương tưởng Đức Phật, bèn đem câu chuyện ấy bạch Phật. Đức Tôn sư cho gọi Đại đức đến và phán hỏi:

- Như Lai nghe rằng người có hành động như vậy phải không?
- Bạch Đức Thế Tôn, phải.
- Tại sao người hành động như vậy?
- Bạch Đức Thế Tôn, đệ tử nghĩ rằng, đệ tử được xuất gia đúng theo chánh pháp nhưng phiền não vẫn còn. Cho nên đệ tử phải cố gắng hành đạo để sớm đắc quả kịp lúc Đức Thế Tôn còn tại thế. Và đệ tử cho rằng chỉ có cách cúng dường ấy mới gọi là cúng dường cao thượng.

Đức Tôn sư ban thưởng bằng tiếng "lành thay" ba lần. Đồng thời Ngài khuyên nhủ các vị tỳ kheo:

- Nay các tỳ kheo, vị nào thương tưởng kính yêu Như Lai thực sự thì vị ấy phải noi gương thầy Thăm-ma-ra-má. Hành động ấy mới đáng gọi là thờ kính cúng dường Như Lai cao thượng. Nay các tỳ kheo, người ưa thích, nhớ tưởng và thực hành chánh pháp sẽ đạt đến cứu cánh Niết bàn.

Mặc dù vậy, các tỳ kheo vẫn bao quanh Đức Tôn sư trong suốt cuộc hành trình. Thấy thế, Đức Tôn sư khuyên các vị nên tìm nơi thanh vắng để hành đạo cho mau giải thoát. Ngài nhấn mạnh:

- Nay các tỳ kheo, trong các đạo chỉ có bát chánh đạo là quý nhất; trong các đế chỉ có tứ thánh đế là quý nhất; trong các pháp chỉ có pháp ly dục là quý nhất; trong loài người chỉ có Đức Như Lai là quý nhất. Các thầy hãy hành trì theo bát chánh đạo vì chỉ có con đường độc nhất này mới đánh lạc hướng theo dõi của Ma vương. Các thầy hãy tích cực hành đạo để diệt khổ. Sự nỗ lực là nhiệm vụ của các thầy, còn Như Lai chỉ là bậc đạo sư.

Đức Tôn sư gọi Đại đức Ananda:

- Nay Ananda, chúng ta qua xứ Kú-sí-na-ra.

Đại đức tuyên bố cho chư tăng biết và cùng nhau tiếp tục hành trình. Dọc đường, Đức Tôn sư mệt nhiều, nên dạy Đại đức Ananda trải y Tăng già lê xếp thành bốn lớp cho Ngài nằm nghỉ.

- Nay Anan- Đức Tôn sư nói thật nhỏ vì mệt- Như Lai cảm thấy đuối sức. Bệnh cũ tái phát trầm trọng, Như Lai khát nước quá. Ananda tìm nước cho Như Lai uống đỡ khát.

Cõi lòng tê tái, Đại đức nói như khóc:

- Bạch Đức Thế Tôn, 500 cỗ xe bò vừa đi ngang, nước sông đục cặn và dơ quá sức. Xin Thế Tôn ráng thêm chút nữa sẽ đến con sông Cá-cú-tha (Kakudha) nước vừa trong vừa ngọt.

- Không được đâu Ananda. Như Lai khát nước lắm. Trong người nóng ran, cổ họng khô gắt. Ananda đi mau, đừng chần chờ nữa.

Đại đức Ananda thương Phật vô cùng, đành lòng ôm bát đi múc nước dơ. Nhưng Phật lực quả thật phi thường. Nước đục, lẫn lộn bùn dơ tự biến thành trong và ngọt.

Sở dĩ bệnh căn tái phát trầm trọng là vì khi Ngài ngự ngang xứ Pava, ngự tạm tại vườn xoài của người thợ bạc tên Chun-đá (Cunda), được chủ vườn mời về nhà thợ trai và sau buổi ăn này, Đức Tôn sư bị bệnh kiết lỵ. Nguyên nhân Ngài mắc bệnh là do lòng từ bi với hàng tỳ kheo. Ngài dạy thí chủ chỉ nên cúng riêng cho Ngài, còn dư ra thì đem chôn bỏ vì thức ăn ấy tương đối khó tiêu. Hành động này đã nói lên sự hy sinh tuyệt đối: thà thiệt mình nhưng lợi người. Một tâm hồn như vậy chỉ có thể tìm thấy nơi Đức Phật hoặc nơi người mẹ ruột.

Đại đức Ananda khóc kể

Thức ăn đã khiến chứng kiết lỵ tái phát đáng ngại. Mặc dù kiệt sức và đau đớn như ai bứt ruột, cắt gan, nhưng Đức Tôn sư quyết định chịu đựng không một lời rên xiết. Gương mặt yên như bàn thạch và tiếp tục cuộc hành trình bằng chân đất.

Trên đường đi, Đức Tôn sư phải dừng nghỉ nhiều lần. Tại một địa điểm, dưới gốc cổ thụ, Đức Tôn sư dùng chân tạm nghỉ thì có một thanh niên tên Búc-cú-sá từng là môn đồ của thầy A-la-rá (1) đi ngược chiều. Được gặp Đức Phật, chàng đến gần, bày tỏ sự ngưỡng mộ và lòng thán phục trước sự trầm lặng phi thường của Ngài. Sau khi nghe Phật giảng về sự an tịnh, sự không xao động và sự vắng lặng, chàng phát tâm cúng dường Ngài hai bộ y màu vàng thật đẹp.

Chú thích: (1) Những ngày đầu tìm đạo, Đức Tôn sư cũng đã từng học đạo với vị này.

Theo lời Phật dạy, chàng dâng một bộ y cho Ngài và một bộ cho Đại đức Ananda. Nhưng Đại đức đem bộ y của mình mặc luôn vào cho Đức Phật. Đại đức Ananda rất ngạc nhiên khi thấy nước da Đức Phật chiếu tỏa ánh sáng phi thường làm cho màu vàng của y bị mờ hẳn. Thấy chuyện lạ, Đại đức bạch hỏi. Đức Tôn sư dạy: có hai trường hợp mà màu da Như Lai rực sáng lạ thường, đó là đêm thành đạo và đêm Niết bàn.

Luôn tiện, Đức Tôn sư tuyên bố đêm ấy vào lúc canh ba Ngài sẽ nhập diệt giữa song long thọ (Sàlà) trong vườn của tiểu vương Malla xứ Kusinara. Công bố xong, Ngài cùng với Đại đức Ananda ngự đến sông Cá-cú-tha. Sau khi tắm rửa sạch sẽ Ngài ngự vào vườn xoài và dạy thầy Chunda, bào đệ Đức Xá lợi phát trái y Tăng già lê xếp đôi thành bốn lớp để Ngài tạm nghỉ và sau đó sẽ tiếp tục lên đường.

Lúc bấy giờ, Đức Tôn sư nghĩ đến người thợ bạc tên Cunda, một tấm lòng chí kính, chí thiện, một sự cúng dường lịch sử nhưng hậu quả có thể trái ngược. Như Lai phải làm sáng tỏ vấn đề này. Nghĩ vậy, Đức Tôn sư bèn dạy Đại đức Ananda:

- Nay Ananda, Như Lai ngại rằng, sau khi Như Lai Niết bàn, dư luận có thể đổ tội cho Cunda, khiến thí chủ phải ân hận vô ích. Nay Ananda, có hai trường hợp mà thí chủ cúng dường thực phẩm đáng Như Lai sẽ được phước quả vô lượng đó là: Ngày Như Lai thành đạo và ngày Như Lai nhập diệt. Trường hợp trước, sau khi thọ thực của nàng Sujata, Như Lai chứng được phiên não Niết bàn; trường hợp sau, khi thọ thực của Cunda xong, Như Lai đạt được ngũ uẩn Niết bàn. Nếu sau này có dư luận bất lợi xảy ra cho Cunda thì người phải giải tỏa dư luận ấy. Còn nếu chính Cunda vì thiện nghĩ mà ân hận thì người cũng phải tuyên bố trung thực lời dạy của Như Lai trong vấn đề này để thí chủ yên tâm. Vì thực phẩm của Cunda là món ăn cuối cùng trong cuộc đời Như Lai, món ăn định mạng.

Sau đó, Đức Tôn sư cùng với Đại đức Ananda và số đông tỳ kheo qua sông Hí-ranh-nhá-vá-ti (Hirannavati) thì cũng vừa đến Kúsinara. Ngài ngự vào vườn cây Sala của tiểu vương Malla, dạy Đại đức Ananda trái y Tăng già lê trên tảng đá giữa đôi cây song long thọ giao cành, rợp lá. Ngài nằm nghiêng tay phải, đầu dạy hướng bắc, mặt ngó hướng tây.

Lúc ấy từng đoàn người từ bốn phương tập nập kéo đến đông vô số, khiến một chu vi rộng khuất tâm mắt mà không đủ chỗ chứa. Trước quang cảnh ấy, Đức Tôn sư để lời xây dựng Đại đức Ananda:

- Nay Ananda, tứ chúng Phật tử cúng dường Như Lai bằng hình thức lễ vật không gọi là cúng dường cao thượng. Trái lại, người nào tích cực nghiêm trì chánh pháp, người ấy mới gọi là cúng dường Như Lai cao thượng.

Đại đức Ananda bạch Phật:

- Bạch Đức Thế Tôn, trước kia, mỗi lần mãn hạ, chư tăng tứ phương đều về bái kiến và thỉnh giáo Đức Thế Tôn, nhưng nay Thế Tôn niết bàn thì tăng chúng phải đến nơi nào để bái kiến?

- Nay Ananda, những địa điểm mà các người có thể bái kiến, chiêm ngưỡng để tưởng nhớ Như Lai là:

- 1- Lumbini, nơi Như Lai đản sanh.
- 2- Bodhimandala, nơi Như Lai thành đạo.
- 3- Isipatanamigadaya, nơi Như Lai chuyển pháp luân.
- 4- Kúsinara, nơi Như Lai niết bàn.

- Bạch Đức Thế Tôn, trong đạo tràng, hàng nữ Phật tử chiếm đa số. Vậy, chúng đệ tử phải đối xử thế nào cho hợp lẽ?

- Nay Ananda, đừng nhìn, đừng ngó là thượng sách.

- Nếu bắt buộc phải nhìn, phải ngó?

- Thì đừng đối thoại.

- Nếu buộc phải đối thoại?

- Thì nên cảnh giác cao độ, không nên dễ dãi, buông thả để cho tâm phân biệt ngự trị. Nay Ananda, sự giao du quá thân mật với nữ giới là điều tối kỵ của phạm hạnh.

- Nhưng nếu giao du thân mật mà không để tâm phân biệt thì có là điều tối kỵ hay không?

- Không, này Ananda, người còn nhớ chăng, Như Lai từng dạy rằng, ngoại cảnh đẹp, xấu không phải là điều ô nhiễm mà chính tâm phân biệt mới là điều ô nhiễm.

Đại đức Ananda bạch hỏi tiếp:

- Bạch Đức Thế Tôn, sau khi Thế Tôn tịch diệt, nghi thức cung táng Thánh thể, chúng đệ tử phải làm thế nào, xin Thế Tôn từ bi chỉ giáo.

Đức Thế Tôn ngăn cản:

- Ananda, chớ quá bận tâm về hình thức lễ nghi không cần thiết, hãy nỗ lực thiêu hủy phiền não trong mỗi oai nghi để chóng giác ngộ. Còn vấn đề tang lễ là nhiệm vụ của hàng Phật tử tại gia.
- Bạch Thế Tôn, đã đành vậy, nhưng nếu họ hỏi thì đệ tử phải trả lời ra sao?
- Này Ananda, tang lễ dành cho đức chuyển luân vương ra sao thì tang lễ dành cho Như Lai cũng vậy.
- Bạch Thế Tôn, nghi thức thế nào?
- Này Ananda, thông lệ như vậy: Lấy vải trắng bao tròn nhiều lớp, rưới nước hoa, liệm vào kim quan bằng sắt, đựng hỏa đài bằng các loại trầm kỳ rồi hỏa táng. Phần Xá lợi còn lại, thì nhập tháp công để chiêm bái cúng dường.

Nhân tiện, Đức Tôn sư đề cập bốn hạng nhân vật xứng đáng lập tháp công để tôn thờ chiêm ngưỡng, đó là: Đức Toàn giác Phật, Đức Độc giác Phật, Đức Thịnh văn giác và Đức Chuyển Luân Đại đế.

Nói xong, Đức Tôn sư yên lặng, Đại đức Ananda không còn cảm lòng được nữa, bèn lui ra đứng vịn thân cây gần đấy khóc than thảm thiết. Nước mắt chảy đầm đìa đọng lại dưới cằm và nhỏ xuống từng giọt. Lá y cà sa rung lên từng hồi theo tiếng nấc. Thân hình Đại đức mềm nhũn, không còn tự chủ nếu không nhờ vịn thân cây. Mặc dù cố gắng bình tĩnh nhưng bất lực, vì sự đau đớn cùng tột đã dồn ép khiến một vị trưởng lão 80 tuổi đã đắc quả nhập lưu, phải khóc than bi lụy. Sự kiện này chứng tỏ lòng thương kính Đức Phật của Đại đức là tuyệt đối. Trong giây phút, hình ảnh tuyệt vời, kỷ niệm tuyệt đẹp trong quá khứ mà Đức Phật và Đại đức đã từng đồng lao, cộng lực suốt 25 năm dài chu du truyền đạo hiện lên thật rõ trong ký ức Đại đức. Quá trình đã buộc cuộc sống Đức Phật và Đại đức sanh tử có nhau. Nhưng định mệnh khắc nghiệt cướp mất vĩnh viễn một bậc thầy quý kính, một người cha từ bi, một người bạn trí, đức toàn vẹn, một bậc Đạo sư thánh thiện ra khỏi cuộc đời Đại đức, một đạo nghiệp chưa tròn, một công phu chưa mãn thì bảo sao Đại đức không tê tái cõi lòng, không nát tan tất cả. Qua tiếng nấc nghẹn ngào, Đại đức kể lể:

- Thế Tôn ơi, nở nào bỏ đệ tử ra đi chẳng chút đoái hoài. Từ đây, đệ tử không còn nhìn thấy Đức Thế Tôn nữa. Thôi đành vĩnh biệt ngàn thu. Tâm hồn đệ tử còn đầy đầy phiền não. Rồi đây, trên đường liễu chứng, lấy ai là người hướng dẫn. Đối với Thế Tôn, đệ tử bé bỏng quá, mới chập chững biết đi. Thế Tôn nở nào bỏ đệ tử cho đành.

Thấy vắng mặt Đại đức Ananda lâu, Đức Tôn sư phán hỏi. Khi biết được Đại đức khóc kể thảm thiết, Đức Tôn sư cho gọi vào. Đại đức vào hầu mà mặt mày bơ phờ, mắt còn mờ lệ. Đức Tôn sư phủ dụ:

- Ananda này, người chớ quá khóc than bi lụy. Như Lai đã chẳng từng nói với người rồi sao, rằng người đời phải bị chia lìa tất cả nhân vật yêu quý và ra đi vĩnh viễn. Trên thế gian này, không có định luật tồn tại bất biến. Sinh diệt là sự luân phiên liên tục của giòng đời tuần chảy thiên thu.

- Bạch Thế Tôn, đệ tử nghĩ suốt bao năm theo hầu Thế Tôn như hình với bóng, nhưng rồi từ đây đệ tử sẽ theo hầu ai, đệ tử sẽ sống một mình cô đơn chiếc bóng. Nghĩ đến đó là đệ tử không cảm được nước mắt.

Đức Thế Tôn khích lệ:

- Này Ananda, người đã dày công hành trì ba la mật, đã làm tròn bổn phận đối với Như Lai một cách tốt đẹp. Thân, khẩu, ý toàn thiện. Người đừng buồn tủi. Hãy tích cực công phu hành đạo. Sau khi Như Lai tịch diệt không lâu, người sẽ đắc quả thánh vô lậu.

Trong giây phút vô giá này, Đức Tôn sư tuyên dương công trạng Đại đức Ananda. Ngài phán:

- Này các tỳ kheo, Ananda bậc trí thức, thông suốt và quán triệt, phục dịch Như Lai vô cùng cẩn trọng, chu đáo. Các vị thị giả của chư Phật quá khứ cũng không hơn được. Ananda điều hành phật sự có kết quả, biết thời cơ, thích nghi với mọi tầng lớp, mọi hoàn cảnh, khả ái, đáng cho mọi người thân cận. Còn tài thuyết pháp thì người nghe không biết chán. Này các tỳ kheo, Ananda quả thật là một người tuyệt hảo.

Đại đức Ananda nén lòng xúc cảm, giọng nói run run:

- Bạch Đức Thế Tôn, Thế Tôn là vị chuyên luân pháp vương, đã thiết lập giáo truyền, là pháp vương của các quốc vương trên quả địa cầu, do đó, sự lựa chọn địa điểm Kusinara để nhập Niết bàn sợ e không xứng đáng, xin Đức Thế Tôn hoan hỉ chọn địa điểm khác như: Ra-já-gá-há, Sa-vất-thi. Châm-pa, Sá-kê-tá, Kô-sâm-bi, hoặc Ba-ra-ná-si. Vì những nơi ấy, vua, quan, bá hộ, thương gia, thân hào, nhân sĩ đa số là đệ tử của Thế Tôn, họ sẽ cử hành tang lễ trang nghiêm và long trọng hơn.

- Này Ananda, người chớ quá bận tâm lo nghĩ. Đời sống Như Lai là đời sống gương mẫu. Ngũ uẩn tuy nhập Niết bàn nhưng đức lành và đạo nghiệp Như Lai vẫn còn sống mãi với thời gian. Ananda ơi, mục đích Như Lai xuất thế là để cung ứng phúc lạc cho tất cả pháp giới chúng sanh. Sự kiện sau đây người nên biết. Đó là, Như Lai đản sanh tại vườn Lumbini, thành đạo tại rừng Uruvelà, thiết lập giáo hội đạo tràng tại rừng Í-sí-pá-tá-ná-mí-đá-ya, và nơi an nghỉ cuối cùng của Như Lai là vườn Long thọ này. Tất cả, đều là những địa điểm lộ thiên. Hơn nữa, trong quá khứ, Kú-sí-ná-rá đã từng là một siêu cường do đại đế chuyên luân vương Má-ha-sú-đás-sá-ná cai trị, đế kinh là Kú-sa-vá-ti. Nước giàu, dân mạnh, lạc nghiệp, âu ca, tài tử giai nhân dập dìu xuôi ngược, cha mẹ hiền lành, con cái hiếu đễ, xã hội đạo đức, văn hóa quang minh, kinh tế thịnh vượng, chính trị tuyệt hảo. Đại đế Má-ha-sú-đás-sá-ná chinh phục thuộc địa không bằng vũ lực, mà bằng đạo đức và tình người.

Ananda ơi, thời vàng son của Đại đế Má-ha-sú-đás-sá-ná nay còn đâu. Tất cả là bóng mờ sương khói. Cái hiện thành và tiêu tán chỉ là sự thay đổi liên hồi của nhân duyên bất tận, và cái định luật vô thường ấy nay đã đến Như Lai cũng phải đồng chung số phận.

Đức Tôn sư dạy Đại đức Ananda thông báo ngày giờ và địa điểm Niết bàn đến tiểu vương Mallá. Tin này khiến nhà vua và hoàng thân quốc thích, văn quan, võ tướng vô cùng xúc động. Họ khóc kể như người thân yêu nhất đời sắp vĩnh biệt họ. Các bà mạng phụ phu nhân thì xoa tóc khóc than thảm thiết. Họ đều đưa tay lên trời gào thét:

- Đức Thế Tôn hỡi sao vội ra đi! Một vì sao sáng sắp lìa ngôi. Cặp mắt của nhân loại sẽ vĩnh viễn nhắm lại.

Họ kéo nhau theo chân Đại đức Ananda, vừa đi vừa khóc kể. Đại đức Ananda sắp xếp cho họ được ưu tiên bái kiến Đức Tôn sư lần chót, và sau đó, họ được hướng dẫn đến trại tiếp tân. Họ tiếp tục khóc kể suốt đêm, không ngủ. Thật là một đêm dài vô tận, một biến cố lớn nhất trong lịch sử loài người.

Tại vườn Long Thọ

Trăng rằm chiếu ánh sáng ngọc ngà xuống trần gian. Một ánh sáng huyền diệu, bàng bạc và mông lung. Vườn cây Long thọ cũng được ánh trăng chiếu cố. Ánh trăng nhuộm không đều có nơi màu ngà, có nơi màu đen khiến thành loang lổ.

Gió đêm thổi nhẹ từng hồi như mon trón. Cành lá Long thọ lay chuyển nhịp nhàng trông rất đẹp mắt. Quang cảnh im lặng lạ thường mặc dù hàng vạn người có mặt khắp xung quanh. Có nghe chẳng là tiếng nấc nghẹn ngào và tiếng thút thít nhỏ to, xa gần, giữa đêm trường cô tịch. Ngay lúc ấy, bỗng xuất hiện một chàng thanh niên từ ngoài đi vào. Khi đến gần, chàng ta cho biết ý nguyện được bái kiến Đức Phật. Đại đức Ananda ra tiếp và khuyên đừng làm kinh động Đức Tôn sư.

Chàng thanh niên năn nỉ:

- Bạch Đại đức, xin Đại đức hoan hỉ cho đệ tử vào bái kiến để được bạch hỏi một vài điều thắc mắc.

- Đạo hữu, xin đạo hữu đừng làm kinh động Đức Thế Tôn vì Người đang mệt nhiều và sắp tịch diệt vào cuối canh ba này.

- Bạch Đại đức, cơ hội của đệ tử chỉ còn có phút giây này. Xin Đại đức từ bi tiếp độ cho đệ tử được vào bái kiến lần chót.

Đại đức Ananda một mực khước từ. Chàng thanh niên một mực năn nỉ. Đức Tôn sư nghe được bèn dạy Đại đức Ananda cho phép chàng vào gặp. Với cử chỉ vô cùng khiêm cung Sứ-phát-đá qui nghiêng mình gần thiên sàng, cẩn bạch:

- Bạch Đức Thế Tôn, đệ tử tên Sú-phát-đá, một du sĩ mới tập sự hành đạo, được nghe tôn danh quý đức của Thế Tôn từ lâu, song chưa có dịp bái kiến. Hôm nay cơ hội ngàn vàng này, xin Thế Tôn cho phép đệ tử được hỏi vài điều thắc mắc.

- Được. Sú-phát-đá hỏi đi.

- Bạch Thế Tôn, các vị giáo chủ trong nhóm Lục sư là: Bu-rá-ná-cá-sá-pá, Mặc-khá- lí-gô-sa-lá, Á-chí-tá-kê-sá-căm-bá-lá, Bá-cut-thá-cách-cha-dá-ná, Sanh-cha-dá- vê-lất- thá-pút-tá, và Ní-gã-thá-na-đa-pút-tá được số đông quần chúng tôn sùng cúng dường, vậy họ có phải là Alahán hết phiền não hay không?

- Có phải đây là vấn đề chánh yếu thúc đẩy người đến gặp Như Lai?

- Bạch Đức Thế Tôn, đúng vậy.

Đại đức Ananda lấy làm băn khoăn hết sức vì câu hỏi của Sú-phát-đá hoàn toàn vô bổ. Ananda vừa định mời Sú-phát-đá ra ngoài thì Đức Tôn sư dạy:

- Sú-phát-đá, người không nên quan tâm đến vấn đề này. Thì giờ của Như Lai cũng như người còn quá ít. Người nên hỏi những điều ích lợi cho bản thân.

- Vậy đệ tử xin hỏi 3 điều:

- 1- Có dấu chân nào trong hư không?
- 2- Ngoài chánh pháp có sa môn hay không?
- 3- Các hành có thường hay không?

Đức Tôn sư đáp:

- Không có dấu chân trên hư không; ngoài chánh pháp không có sa môn; các hành đều vô thường.

Với Phật nhân, Đức Tôn sư nhận thấy căn lành thánh đạo của Sú-phát-đá, bèn dạy thêm:

- Nay Sú-phát-đá, thánh đạo tám ngành là con đường cao thượng, có khả năng đưa hành giả đến Niết bàn. Bao giờ còn người hành trì bát chánh đạo thì bấy giờ sự liễu chứng quả vị La-hán vẫn còn.

Lãnh hội được giáo lý căn bản, Sú-phát-đá phát tâm xin xuất gia, Đức Tôn sư cho biết, truyền thống giáo hội đã được qui định: du sĩ ngoại đạo muốn xuất gia phải chứng tỏ thiện chí và sự quyết tâm của mình bằng chấp tác cấm phòng nghĩa là phải sống biệt trú trong thời gian tối thiểu bốn tháng rồi mới được xuất gia.

Sú-phát-đá tỏ ra hết sức hoan hỉ và nói rằng: mình sẵn sàng chấp hành qui luật này bốn năm. Đức Tôn sư thấy rõ đạo tâm kiên cố và duyên lành thánh quả bèn dạy Đại đức Ananda làm lễ xuất gia và dạy đề mục tham thiền cho Sú-phát-đá.

Vị tân thọ tỳ kheo này tích cực kinh hành niệm đề mục suốt canh hai với sự quyết tâm là phải đắc đạo chứng quả trước giờ tịch diệt của Đức Tôn sư. Nên dù mệt mỏi vô cùng, thầy vẫn không đình chỉ kinh hành. Đầu canh ba, thầy ngược nhìn ánh trăng, bỗng bắt gặp một áng mây che, khiến ánh trăng tối sầm lại, nhưng không lâu áng mây trôi qua, vầng trăng trở lại sáng đẹp lạ lùng. Sự kiện này đã giúp thầy nhận chân được nguyên lý vạn pháp rỗng; tâm vốn sáng nhưng vì áng mây phiền não làm cho lu mờ. Nếu phiền não không còn, thì tuệ tâm tự nhiên hiển lộ và sẽ nhận chân được ba định lý bất biến là: các hành vô thường, các pháp vô ngã, tịch tịnh Niết-bàn. Nhờ huệ Minh sát, thầy đắc quả La-hán luôn cả lục thông trong giây phút ấy.

Thầy bèn đình chỉ kinh hành, đến đánh lễ dưới chân Đức Tôn sư và ngồi im lặng.

Ngay lúc ấy, Đức Thế Tôn tỏ lời hơn thiệt với Đại đức Ananda:

- Nay Ananda, sau khi Như Lai tịch diệt, các người có thể nghĩ rằng: sẽ không còn đối tượng hướng dẫn và giáo hóa các người. Ananda ơi, các người hãy bảo cho nhau biết rằng: pháp luật mà Như Lai đã giải bày sẽ là đối tượng hướng dẫn và giáo hóa các người, các người hãy nương nhờ chánh pháp.

Điều thứ hai, khi Như Lai tại thế, các tỳ kheo xưng hô với nhau bằng danh từ hiền giả (Avuso) một cách đồng hóa. Nhưng sau khi Như Lai tịch diệt, các người phải áp dụng lối xưng hô như vậy:

- Vị cao hạ gọi vị thấp hạ là Avuso (hiền giả).
- Vị thấp hạ phải gọi lại là Bhante hoặc Avasna (bạch Ngài hoặc bạch Đại đức)

Điều thứ ba: tỳ kheo Channa ngã mạn, khó dạy vì ý mình từng là thân tử cố cựu hầu cận Như Lai. Sau khi Như Lai tịch diệt, giáo hội nên tuyên phạt phạm tác (Brahmadanta) nghĩa là chửi tâng không lý sự đến ngôn ngữ, hành vi và tư tưởng của ông ta. Điều phạt này đồng nghĩa với sự bất hợp tác. Đây là một hình phạt nặng nề nhưng vô hại.

Điều thứ tư: những giới luật mà Như Lai đã chế định có rất nhiều. Nhưng sau khi Như Lai tịch diệt, vì thích ứng với hoàn cảnh xã hội, nếu tăng đồng ý có thể bỏ bớt những điều luật tương đối không quan trọng để thích nghi với trào lưu tiến hóa.

Đức Thế Tôn dạy tiếp:

- Nay các tỳ kheo, các thầy có điều chi chưa được thỏa mãn liên quan đến Phật, Pháp, Tăng, đạo, quả hoặc pháp môn tu chứng, thì nên hỏi để tránh sự ân hận, hối tiếc về sau rằng: lúc ấy, ở trước mặt Đức Thế Tôn mà mình không chịu hỏi.

Tất cả đều im lặng. Vì thật ra các vị chỉ mong mỏi và chờ đợi được nghe lời chỉ giáo sau cùng của Đức Phật. Đức Tôn sư cố thu hết sức tàn, trần trối:

- Nay các tỳ kheo, đây là giờ phút sau cùng của Như Lai. Như Lai nhắc nhở các thầy rằng các hành là vô thường, sanh diệt là định lý. Các thầy chớ nên để đuôi buông thả.

Giờ phút thiêng liêng đã điếm. Trên trời trăng sao vàng vạc, chẳng một áng mây. Cảnh vật trông thật hữu tình. Đường như trăng sao cố tình buông tỏa ánh sáng ngà ngọc xuống vườn Long thọ để soi tỏ thánh thể Đức Thiên Nhơn Sư lần cuối.

Đức Thế Tôn nằm yên nhắm mắt. Đại đức Anuruddha (A nậu đà la) là bậc trưởng lão tôn túc được Đức Phật ban khen là Đệ nhất Thiên Nhân có trọng trách theo dõi lịch trình nhập diệt của Đức Phật. Đại đức thấy rõ như vậy:

- Thoạt tiên, Đức Tôn sư nhập sơ thiền, xuất sơ thiền nhập nhị thiền, rồi tiếp tục nhập xuất xuôi chiều từ tam thiền, tứ thiền, không vô biên xứ, thức vô biên xứ, vô sở hữu xứ, phi tưởng phi phi tưởng xứ, đến Diệt thọ tưởng định rồi xuất Diệt thọ tưởng định nhập phi tưởng phi phi tưởng xứ và xuất nhập nghịch chiều từ phi tưởng phi phi tưởng xứ, vô sở hữu xứ, thức vô biên xứ, không vô biên xứ, tứ thiền, tam thiền, nhị thiền đến sơ thiền và sau đó từ sơ thiền căn bản, Ngài nhập nhị thiền, xuất nhị thiền nhập tam thiền, xuất tam thiền nhập tứ thiền. Đến đây, Đức Tôn sư thay vì xuất tứ thiền nhập không vô biên xứ thì Ngài tịch diệt ngay giữa khoảng ấy.

Ngay khi Đức Tôn sư tịch diệt có xảy ra những hiện tượng phi thường: địa cầu rung động như sắp có địa chấn, đại dương gào thét dữ dội, hải triều ùn ùn dâng cao như sóng thần hồng thủy, núi Tu di như trở mình cúi đầu tiễn biệt, chim chóc thú rừng bay, chạy kêu lên những tiếng bi ai não ruột, trên trời sấm chớp bủa giăng, mây xám biến thành màu máu.

Cùng lúc ấy, âm thanh khàn đặc, nghẹn ngào, xúc cảm của Đại đức Ananda báo tin Đức Tôn sư đã hoàn toàn tịch diệt.

Hàng triệu người, cả xuất gia lẫn tại gia đều ré lên khóc. Tiếng nức nở hòa với tiếng tức tưởi tạo thành một âm thanh đứt ruột. Họ gào thét vang trời, họ xoa tóc kẻ lể, họ bứt đầu, bứt cổ, họ úp mặt xuống đất nằm dài. Một sự mất mát lớn lao, một sự thương tiếc ngập lòng, một cuộc chia ly vĩnh viễn.

Riêng các bậc thánh nhơn vô lậu thì cảm niệm sâu xa định lý vô thường của vạn hữu. Các Ngài chia nhau đi an ủi và khuyên nhủ hàng Phật tử tại gia.

Đời sống Đức Phật quả là một gương sáng tuyệt vời.

Suốt 45 năm phục vụ công ích, Đức Tôn sư chỉ dùng một ngo, dù công tác Phật sự có khổ cực đến đâu. Nhị vị đại đệ tử Xá lợi phất, Mục kiên liên, các vị giáo chủ trong nhóm Lục sư, ông Cấp cô độc đại thí chủ và những nhân vật hoặc bạn hoặc thù đều qui tiên trước Ngài tất cả.

Hồi tưởng 45 năm về trước, Đức Phật một mình chiếc bóng tại gốc Bồ Đề, ánh sáng tuyệt diệu chân lý bừng sáng lên cùng lúc với ánh sáng rực rỡ của mặt trời. Để rồi 49 ngày sau đó, Đức Tôn sư lại cũng một mình đi bộ sang Bà-rà-na-si mất 10 ngày đường để tìm năm người bạn cũ. Giờ đây môn đồ Ngài đã lên đến con số nhiều muôn vị. Hàng Phật tử tại gia thì chiếm con số khổng lồ hàng chục triệu.

Bốn mươi lăm năm về trước, cơ sở của Ngài là gốc đại thọ bồ đề và ít bó rơm khô, nhưng giờ đây thì chùa chiền, tịnh xá, giảng đường, lăng viện mọc lên như nấm. Vua, quan, thân hào, nhân sĩ, bá hộ, thương gia tranh nhau cúng dường.

Thời đó, tại gốc đại thọ bồ đề gần sông Ni liên thiên Neranjara dưới ánh trăng tròn của đêm rằm tháng tư âm lịch, Ngài chứng quả vô thượng chánh đẳng chánh giác, nghĩa là đắc được phiền não Niết bàn với khúc khải hoàn ca hùng lực, giờ đây, trong vườn Long Thọ (Sàlà) dưới đôi cây giao cành, đơm bông, kết lá, cũng khi trời mát mẻ của đêm trăng tròn, Ngài lại vĩnh viễn ra đi, sau khi nhấn nhủ những lời tâm huyết.

Tin Đức Tôn sư tịch diệt truyền đi mau không tưởng tượng, đến nỗi khắp châu nam bộ, từ thành thị đến thôn quê đều biết. Họ khóc kể kêu trời gần như thấu đến chín tầng mây.

Theo quyết định chung thì Thánh thể Đức Tôn sư được quàn 7 ngày để Phật tử tứ phương chiêm bái. Quang cảnh xung quanh vườn Long Thọ toàn một màu trắng, màu đại tang.

Đến ngày thứ bảy, kim quan được cung tống đến hỏa đài hướng đông tên Má-kú-tá-bê-tí-yá để làm lễ trà tỳ. Nghi lễ tại hỏa đài được tổ chức vô cùng long trọng. Khi lễ phóng hỏa sắp bắt đầu, thì có tin Đại đức Ca-diếp (Kassapa), một vị tôn túc trưởng lão mà Đức Tôn sư tuyên dương là Đệ nhất về hạnh đầu đà đang trên đường sắp về tới. Tiểu vương Mám-má và nhóm hoàng thân cũng như Đại đức Ananda đều đồng ý tạm hoãn lễ trà tỳ chờ Đại đức Ca-diếp về làm chủ lễ.

-oOo-

Phần 6

Trước giờ kết tập

Sau lễ trà tỳ và phân phối Xá Lợi Phật, Đại đức Ca-diếp triệu tập đại hội bất thường, chuẩn bị cho một cuộc kết tập tam tạng kinh điển để duyệt lại những lời nói tắc trách của tỳ kheo già Sú-phát-đá (1). Đại đức tuyên bố giữa đại hội: "Thưa chư hiền hữu, tôi và số đông tỳ kheo đang trên đường từ Pá-vá về Kú-sí-ná-rá. Đến nửa đường, chúng tôi được tin Đức Tôn sư tịch diệt. Các phạm tăng đều khóc than bi lụy tỏ lòng thương tiếc Đức Tôn sư. Các vị thánh tăng thì nén lòng xúc cảm, quán tưởng vô thường. Trong khi ấy, một vị tỳ kheo bán thế xuất gia tên Sú-phát-đa nói rằng: "Các vị đừng buồn khổ, khóc than, ông sa môn Cô Đàm tịch diệt là điều tốt, vì chúng ta sẽ có chủ quyền. Lúc còn sống ông ta ngăn cấm chuyện này, bày vẽ chuyện nọ khiến chúng ta phải bị ràng buộc quá nhiều khuôn luật, gần như tay chân không còn nhúc nhích được nữa. Giờ đây, ông ta tịch diệt là điều phúc lợi to lớn. Do đó, chúng ta muốn làm chi thì làm, không ai có quyền ngăn cấm".

Đại đức Ca-diếp nói tiếp: Này chư hiền hữu, vấn đề Sú-phát-đa mặc cảm đối với Đức Thế Tôn là chuyện cá nhân. Lý do sự hiềm khích ấy như vậy: Một lần trên bước đường chu du truyền đạo, Đức Tôn sư từ Kú-sí-ná-rá này, ngự qua xứ A-tú-má. Lúc bấy giờ, Sú-phát-đa đứng ra tổ chức cung đón Đức Tôn sư trọng thể. Ông kêu gọi quần chúng chuẩn bị món ăn thức uống, đồng thời sai hai sa di con trai ông, đi quyên góp các loại thực phẩm được thật nhiều, vì quần chúng vốn

trong sạch nơi Đấng Chí Tôn từ trước. Ông bèn tự tay nấu nướng. Quang cảnh vô cùng náo nhiệt.

Chú thích: (1) Chỉ trùng tên chứ không phải Sú-phát-đá là đệ tử sau cùng.

Sáng hôm sau, Đức Tôn sư vào thành khát thực như thường lệ với một số đồng chư vị tỳ kheo. Được tin, Sú-phát-đá lập tức rời nhà trụ, tay cầm vá, mình đầy tro than, chạy đến qui gối, vừa cầm vá vừa chấp tay:

- Bạch Đức Thế Tôn, xin Thế Tôn trở gót. Món ăn, thức uống đệ tử đã chuẩn bị chu đáo. Vì lòng trong sạch, đệ tử tự tay nấu nướng để cúng dường, xin Thế Tôn từ bi thọ dụng.

Đức Phật từ khước hai lượt, đến lượt thứ ba, Ngài phán:

- Này Sú-phát-đá không nên đâu. Người chớ nên khuyến khích Như Lai làm việc ấy. Công hạnh khát thực là truyền thống chư Phật. Vật thực phát sanh do sự hành khát là thực phẩm trong sạch và hợp đạo.

Sú-phát-đá này, thực phẩm mà quần chúng sẵn sàng hỷ cúng cho Như Lai cũng có ít nhiều. Chân Như Lai còn xê dịch được, thì Như Lai còn đi tri bình. Còn thực phẩm mà người tự tay nấu nướng, thì bậc sa môn không nên thọ dụng vì là thực phẩm không hợp đạo. Điều thứ nhất: xin nơi người không phải thân quyến. Điều thứ hai: không có lời yêu cầu trước. Điều thứ ba: không được phép tự tay nấu nướng. Sú-phát-đá này, dầu cho dạ dày của Như Lai có xót xa vì đói, Như Lai cũng không dùng vật thực của người. Người đã làm điều trái quấy đáng chê trách. Người hãy tự xét lại hành động của mình xem, có xứng đáng là nhà mô phạm hay không, trong khi chạy xung xoe, tay cầm vá, mình đầy tro than, không đáp y càsa tề chỉnh, cử chỉ mất hết oai nghi phong cách.

Này Sú-phát-đá, đừng nghĩ lầm rằng Như Lai không hiểu được lòng tốt của người. Nhưng người hành động tắc trách, vượt ngoài khuôn khổ luật định. Do đó, lòng tốt của người đã biến thành quả đắng. Vấn đề bếp núc, nấu nướng là nhiệm vụ của hàng Phật tử tại gia. Còn người, nếu muốn cúng dường Như Lai, thì người nên tích cực công phu hành đạo cho mau giải thoát. Hành động ấy mới gọi là cúng dường Như Lai xứng đáng và cao thượng.

Này Sú-phát-đá, người không hổ thẹn, không ghê sợ tội lỗi, thì dạn dĩ như con quạ, thích đời sống tiện nghi, nhưng tâm hồn không an tịnh. Còn người biết hổ thẹn, ghê sợ thì có đời sống nội tâm an tịnh, không làm tổn thương đức tin và phí phạm tài vật của thí chủ, cũng như loài ong bay vào rừng sâu hút mật mà không làm tổn hại hương sắc các loài hoa.

Này chư hiền hữu, đây là tất cả sự thật về sự hiềm khích của Sú-phát-đá đối với Đức Phật.

Này chư hiền hữu, Đức Tôn sư là bậc trọng pháp. Bất cứ hành động nào dù có lợi cho Ngài nhưng vượt ngoài pháp luật thì Ngài không bao giờ chấp nhận. Còn hành động nào trên hình thức gần như không thương tưởng, quý kính Ngài nhưng hành động ấy đúng pháp luật thì Ngài vô cùng hoan hỷ và ban thưởng như trường hợp thầy Thăm-ma-ra-má (Dhammàrama).

Này chư hiền hữu, Đức Thế Tôn mới tịch diệt 7 ngày mà đã có phần tử vô ý thức buông lời tặc trách, xem thường kỷ cương luật pháp của Đức Thiên Nhơn Sư, thì tự hậu, sẽ còn xảy ra những phần tử phản đạo làm hoen ô đạo tràng đến mức độ nào. Do đó, tôi trân trọng đề nghị đại hội nên kết tập pháp luật.

Sau cuộc thảo luận nghiêm chỉnh đại hội biểu quyết nên kết tập Pháp Luật tại thành Vương xá (Rájagaha) trong ba tháng an cư.

Đại đức Ca-diếp hướng dẫn một phái đoàn tăng chúng. Đại đức A nậu đà la hướng dẫn một phái đoàn. Tất cả trực chỉ Vương xá thành. Riêng Đại đức Ananda thì hướng dẫn một phái đoàn trực chỉ kinh đô Sa-vất-thí. Đại đức đến đâu là tiếng khóc than kể lễ vang lên đến đó. Vì Phật tử tủi lòng khi thấy Đại đức còn đây mà Đức Tôn sư đã khuất bóng đâu rồi.

Đến chùa Kỳ viên, Đại đức vào hương thất, nơi ngụ của Đức Tôn sư lúc sinh thời. Đại đức mọp xuống chỗ an nghỉ ba lần, rồi quét dọn thật sạch sẽ, dâng nước dùng, nước uống như thưở nào. Tăng, tín đồ thấy vậy không ai cầm được nước mắt. Tất cả đều ào lên khóc. Một phần vì tội nghiệp và thương xót cho Đại đức, một phần vì thương nhớ Đức Tôn sư ngập lòng.

Ngày hôm sau, chàng thanh niên Sú-phá, con trai ông bà-la-môn Tô-đey-yá, cung thỉnh Đại đức Ananda về thọ trai nhưng Đại đức từ khước vì mới dùng thuốc xổ và xin hoãn lại một ngày.

Trong ngày trai lễ, Sú-phá bạch hỏi:

- Thưở sinh thời, Đức Tôn sư dạy pháp nào thường nhất?

Đại đức Ananda cho biết: Đức Tôn sư thường giảng dạy Giới, Định, Huệ là cứu cánh của phạm hạnh. Vì chỉ có Tam học này mới đủ năng lực loại trừ Tam độc là Tham, Sân, Si. Chàng Sú-phá vô cùng hoan hỉ.

Gần đến ngày kết hạ, Đại đức Ananda lên đường sang Vương xá để tham dự kết tập. Cuộc kết tập này được đức vua A-xà-thế tích cực ủng hộ. Nhà vua cho thiết lập tăng viên tại 18 địa điểm để giúp chư tăng có nơi tạm nghỉ. Tăng chúng và nhà vua đồng ý, tổ chức kết tập tại động đá Sắt-tá-păn-na núi Vô-bhà-ra. Đức vua đài thọ tất cả phí tổn. Chỉ còn một ngày là khai mạc đại hội, mà Đại đức Ananda vẫn chưa đắc được thánh quả. Vấn đề vô cùng quan trọng là, nếu Đại đức không đắc Alahán thì sẽ không được tham dự đại hội, vì tất cả 500 vị tỷ kheo hội viên đều là bậc thánh nhân vô lậu.

Đêm ấy cũng là đêm quyết định công trình tu chứng của Đại đức, nghĩa là bằng mọi giá phải được đắc quả trước giờ khai mạc. Suốt đêm, Đại đức nỗ lực hành đạo liên tục không để gián đoạn dù trong một sát na của giòng tâm thức. Canh một trôi qua, canh hai tiếp nối Đại đức nhớ lại lời Đức Tôn sư phủ dụ trước giờ Niết bàn rằng:

- "Này Ananda, ngươi đã dày công hành trì ba la mật, công hạnh tròn đầy, sau khi Như Lai tịch diệt không lâu, ngươi sẽ đắc được quả thánh vô lậu".

Hồi tưởng lời dạy, Đại đức cảm nhận có một sức mạnh phi thường, một đức tin vững chắc, một nguồn phấn khởi trào dâng và Đại đức tiếp tục hành đạo. Đến cuối canh hai, Đại đức định nằm nghỉ một chút rồi sẽ tiếp tục hành đạo cho đến sáng. Đại đức đình chỉ kinh hành, rửa chân sạch sẽ để nằm nghỉ. Nhưng đầu chưa đụng gối thì Đại đức hoàn toàn đắc quả lục thông Alahán.

Đại đức Ananda đã đến cứu cánh giải thoát, một đạo nghiệp mà Đại đức đã đeo đuổi suốt 25 năm theo phục dịch Đức Tôn sư trong vai trò thị giả. Không văn hào, thi sĩ nào có thể diễn tả được sự an tịnh tuyệt vời trong tâm hồn Đại đức. Đại đức thường thức lạc vị siêu thoát suốt đêm.

Bình minh hôm ấy đẹp làm sao. Hình ảnh 500 vị Alahán từ các tầng viện đi ra khoan thai, thoát tục. Những lá y càsa vô cùng trang nghiêm thiên vị. Tiếng trống, tiếng chiêng vang lên từng hồi báo hiệu giờ khai mạc đã điem.

Trước giờ kết tập, trưởng lão Ca-diếp lên tiếng hỏi Đại đức Ananda:

- Thầy Ananda, thuở Đức Thế Tôn sinh thời, thầy có từng may, vá, hoặc khâu y cho Ngài không?

- Bạch Ngài trưởng lão, có.

- Trong khi vá, thầy lấy chân cán y phải không?

- Bạch Ngài, phải.

- Thầy Ananda, đại tăng thấy rằng cử chỉ lấy chân cán y Đức Tôn sư là quấy. Thầy bị phạm tác ác. Thầy nên sám hối.

- Bạch Ngài trưởng lão, cử chỉ dùng chân cán y để vá là việc cần thiết. Tôi tự thấy không có lỗi trong vấn đề này. Tuy nhiên, vì sự tôn trọng tuyệt đối tăng lịnh, tôi xin thành tâm sám hối tội tác ác này.

- Thầy Ananda, trước thời gian tịch diệt, Đức Tôn sư có gợi ý 16 lần để thầy thỉnh Ngài tiếp tục duy trì mạng căn, nhưng thầy không phản ứng. Đây là một điều sai quấy, thầy nên sám hối.

- Bạch trưởng lão, lúc ấy tôi quá lo ngại sức khỏe và bệnh tình của Đức Thế Tôn không kịp nghĩ. Trong vấn đề này, tôi thấy mình vô tội. Tuy nhiên, vì chấp hành tăng lịnh, tôi xin thành tâm sám hối.

- Thầy Ananda, thuở sinh thời, Đức Tôn sư nhiều lần từ chối không cho nữ phái xuất gia, nhưng thầy đã quá sốt sắng, nhiệt tình đến mức độ năn ni Đức Tôn sư tùy thuận, tạo nên một hậu quả bất ổn không nhỏ trong đạo tràng. Tăng thấy rằng đây là một hành động sai lầm, có lỗi. Thầy nên sám hối.

- Bạch Ngài trưởng lão, quả tình tôi có sốt sắng và nhiệt tình trong vấn đề này vì tôi không cảm lòng được trước hình ảnh vô cùng tiêu tụy của Dì mẫu Gotami, mặt mày bơ phờ, mình lấm đầy bụi đất, đầu đã thí phát, mình đã đắp y càsa, đứng khóc than thảm thiết ngoài ven rừng chỉ vì sự phát tâm muốn xuất gia theo chánh pháp. Và lại, Dì mẫu là người có công lớn đối với Đức Tôn

sư khi còn thơ ấu. Hơn nữa, sau khi xuất gia, Di mẫu đã đắc thánh quả vô lậu. Trong vấn đề này, tôi thấy mình vô tội. Tuy nhiên, vì sự tôn trọng tuyệt đối tăng lịnh, tôi xin thành tâm sám hối.

- Thầy Ananda, trước giờ Niết bàn, Đức Tôn sư cho phép sau này, nếu tăng đồng ý, có thể bỏ bớt những điều luật tương đối không quan trọng. Nhưng thầy đã không bạch hỏi, Đức Thế Tôn muốn ám chỉ những điều luật nào. Đây là sự sơ sót lỗi lầm của thầy. Thầy nên sám hối.

- Bạch Ngài trưởng lão, quả thật tôi không còn đủ sáng suốt vì tâm hồn tôi lúc bấy giờ đau đớn cùng cực. Trước giờ phút tử biệt ấy, tôi không còn lòng dạ nào nghĩ đến chuyện khác. Trong vấn đề này, tôi thấy mình vô tội. Tuy nhiên, vì chấp trì tăng lịnh, tôi xin thành tâm sám hối.

Xuyên qua câu chuyện trên đây, dư luận có thể nghĩ lầm, cho rằng Đức Phật nhập Niết bàn không lâu mà tăng chúng đã chỉ trích, làm bỉ mặt thị giả Đấng Như Lai. Những vấn đề thiếu sót, sai quấy nêu lên đáng lẽ phải được thông qua vì hoàn cảnh ngoại lệ. Thế nhưng, Đại đức trưởng lão Ca-diếp gần như cố tình hạ thế Đại đức Ananda.

Nhưng sự thật thì hoàn toàn trái ngược. Sở dĩ Đại đức trưởng lão Ca-diếp muốn làm như vậy là có dụng ý. Vì hành động ấy đem đến hai điều lợi lạc quan trọng:

1- Chứng tỏ giáo quyền là tuyệt đối. Nguyên tắc, kỷ cương tập thể lãnh đạo là tuyệt hảo. Giáo lịnh là lịnh tối cao. Quyền phán quyết của giáo hội là quyền tối hậu.

2- Đề cao đức tánh khiêm cung, chấp trì và tôn trọng giáo quyền của Đại đức Ananda, một tấm gương tuyệt vời trong việc phục tùng giáo lịnh vô điều kiện, một tâm hồn vô ngã, chỉ có thể tìm thấy nơi bậc thánh như vô lậu.

Sau nghi thức khai mạc, đến phần kết tập. Đại đức trưởng lão Ca-diếp chủ tọa gạn hỏi Đại đức Ananda về pháp, và Đại đức Upali về luật, suốt ba tháng trong mùa an cư kiết hạ lần đầu, kể từ sau ngày Đức Thiên Nhơn Sư tịch diệt.

Hạnh ngộ bên ao sen

Suốt 40 năm sau Phật Niết bàn, Đại đức Ananda chu du gần khắp Trung Ấn Độ, tiếp nối đạo nghiệp Đức Thiên Nhơn sư. Ngọn đại đăng của nhân loại đã tắt nhưng ngọn tiểu đăng là Đại đức Ananda vẫn còn.

Giờ đây, trọng trách phục dịch Đức Tôn sư không còn nhưng sứ mạng hoằng dương chánh pháp và khai thị lộ trình giải thoát càng nặng nề, quan trọng hơn. Sự hiện diện của Đại đức như vàng trắng tròn mang ánh sáng huyền diệu và sự mát mẻ tuyệt vời đến khắp mọi nơi.

Trên đường đi từ Ra-já-gá-há qua Kô-sâm-bi để thực hiện chúc ngôn tối hậu của Đức Từ Phụ trong vấn đề cải tạo tỳ kheo Chan-na bằng tuyên phạt Phạm tác (1) (Brahma danta), Đại đức đã an ủi, khích lệ và hướng dẫn Phật tử, gia tâm tu trì phước huệ. Tất cả đều một dạ kính tin và phụng hành tích cực. Phật tử không còn mang tâm trạng bơ vơ vì hình ảnh Đại đức là hình ảnh của Đức Từ Phụ.

Đến nơi, Đại đức cho triệu tập toàn thể chúng tăng trong thành Kô-sâm-bi và tuyên bố:

- Thừa chur hiền hữu, thuở sinh thời, Đức Thế Tôn từng nhắc nhở, giáo hóa thầy Chan-ná nhưng thầy không tuân hành. Do đó, trước giờ tịch diệt, Đức Thế Tôn dạy tôi phải tuyên phạt phạm tác thầy Chan-ná, nghĩa là từ giờ phút này, chúng tăng sẽ không lý sự đến hành vi, ngôn ngữ, và tư tưởng của thầy. Hình thức hành phạt này quả thật nặng nề, nhưng vô hại và cũng đồng nghĩa với sự bất hợp tác.

Toàn thể tăng già đều chấp hành nghiêm chỉnh giáo lệnh do Đại đức đại diện Đức Phật và tăng chúng ban hành.

Thầy Chan-ná, sau khi bị tăng chúng tuyên phạt phạm tác, lương tâm thấy hổ thẹn, cắn rứt vì mọi người đều xa lánh, tuyệt giao cảm tưởng như chính mình không phải là vị tỳ kheo, không phải là con người, mọi sự quan hệ bình thường bị chối bỏ.

Tâm trạng vô cùng hối hận. Thầy quyết tâm hối cải và tích cực công phu hành đạo, không bao lâu đắc được quả thánh vô lậu.

Quả thật Đức Tôn sư là đấng từ phụ của bốn loài chúng sanh (2). Dù Ngài còn tại thế hay đã nhập Niết bàn, pháp môn tu chứng và kỷ cương giới luật của Ngài vẫn còn diệu dụng.

Chú thích:

(1) Phạm án, phạm hình.

(2) Thai sinh, thấp sinh, noãn sinh, và hóa sinh.

Có lần, trong cuộc đối thoại với mã sư Kesi, Đức Thế Tôn bảo rằng phương pháp giáo hóa chúng sanh của Ngài cũng giống phương pháp dạy ngựa của mã sư. Quá đổi ngạc nhiên, vì mã sư cho rằng, Đức Phật là bậc đại từ bi thì làm sao áp dụng phương pháp dạy ngựa của mình được, nghĩa là vừa mềm dẻo, vừa cứng rắn và vừa cả hai. Trong trường hợp cả ba phương pháp bất thành thì giết bỏ, vì chỉ có cách ấy mới giữ được uy tín và trừ được giống ngựa bất trị.

Nhưng Đức Phật vẫn bảo rằng, Ngài cũng áp dụng phương pháp như vậy, Ngài giải thích: Đây Kesi, cách thức giữ uy tín và loại trừ giống bất trị của Như Lai ám chỉ sự tuyệt giao và sự bất hợp tác. Hình thức khai trừ này là một hình phạt vô cùng nặng nề trong đạo tràng nhưng vô hại. Để khích lệ tăng chúng Đại đức Ananda nhắc nhở một vài vấn đề: Đây chur hiền hữu, loài ngựa quý đáng gọi là tuần mã, phải hội đủ bốn đức tánh:

- 1- Trung thành tuyệt đối.
- 2- Có biệt tài và sáng ý.
- 3- Chịu đựng dẻo dai.
- 4- Có nhiều quý tướng.

Này chur hiền hữu, vị tỳ kheo đáng gọi là mô phạm, phải hội đủ bốn đức tánh:

- 1- Thành thật, không gian trá, xảo quyệt.
- 2- Có khả năng quán triệt tứ đế.

3- Nhẫn nại cao độ.

4- Thu thúc lục căn, sống nhiều về nội tâm, không thích sống theo ngoại cảnh náo nhiệt.

Này chư hiền hữu, Đức Phật dạy, muốn biết người điên trong hàng ngũ tăng già hãy nhìn cử chỉ múa may ca hát; muốn biết sự trẻ con hãy nhìn cử chỉ nhăn răng cười la, thiếu tư cách.

Rời Kô-sâm-bi, kinh đô xứ Văm-sá, Đại đức Ananda đi ngược giòng Yá-mú-na lên bình nguyên xứ Kú-rú, kinh đô là In-đá-pất-tá. Từ sông Yá-mú-na Đại đức du hành đến lưu vực sông Gangà và cuối cùng đến xứ Pãn-ca-la, kinh đô là Hás-tí-na-pú-ri. Xứ Pãn-ca-lá nằm về hướng tây xứ Kô-sá-lá, hướng đông xứ Kú-rú, hướng nam núi Hi mã, hướng bắc sông Gangà. Xứ Pãn-ca-lá rất giàu về lúa gạo và các loại ngũ cốc, ruộng lúa chạy dài mút tầm mắt, vàng như trái đờm. Về thổ sản và lâm sản thì vô cùng phong phú. Nhìn về hướng bắc cao nguyên, dãy trường sơn Hi mã nằm dài như giao long uốn khúc, đỉnh núi cao tận trời xanh, bốn mùa tuyết sơn bao phủ, là nơi phát xuất những giai thoại truyền kỳ và là nơi ẩn dật của các hành giả ly tục.

Nhìn về phía nam, giòng sông Gangà chảy dài là giòng huyết mạch quan trọng của Châu Nam Thiệp, là niềm hy vọng lớn, là sức sống mãnh liệt vì là nguồn tiếp tế bất tận cho đồng ruộng bao la. Dọc theo bờ sông Gangà ngược lên miền bắc, có một loại cây đơm bông kết chùm mọc thành hàng, có nơi thưa thớt, có nơi rậm rạp, tô điểm cho giòng sông một cảnh trí vô cùng nên thơ, thuyền vị.

Hôm ấy, Đại đức Ananda một mình du hành đến đây, mục đích tìm nơi thanh vắng tịnh dưỡng. Thấy cảnh vật xinh tươi, mát mẻ, hoa trở đầy cảnh, khoe sắc đua hương, tàng lá sum suê, bóng cây tươi mát, rất thuận tiện cho việc hành đạo. Đặc biệt hơn nữa là gần đây, có ao sen nước xanh trong vắt. Hoa nở thắm tươi, lá gương tròn trĩnh, trông thật đẹp mắt. Thêm vào đó, hương sen thoang thoảng lan tỏa khắp vùng, càng nâng cao tâm hồn thoát tục.

Đối cảnh sanh tình, một thứ tình cảm nhẹ nhàng thoát tục. Trong tình cảm này an lạc nhiều, hạnh phúc lớn. Bất cứ trong khung cảnh nào, người trí cũng tìm được nguồn an lạc. Đối với các ngài thì thuận cảnh không tham luyến, nghịch duyên chẳng chán ghét. Tất cả chỉ là vấn đề đáp đối, chuyển biến của hành vi và vạn hữu. Trong tính chất thời gian, hành vi và vạn hữu không hề có tính cách vĩnh cửu và cố định. Trong tính chất không gian, hành vi và vạn hữu không hề có tánh cách đơn độc và biệt lập. Cái có, cái không có thể thay đổi theo năng lực ý nghiệp của chúng ta.

Do đó, các ngài lúc nào cũng tự tại, vô ngại. Còn người ngu thì ngược lại. Tâm hồn là cả một cuộn tơ rối. Họ không tìm được một phút giây an tịnh. Vui thì họ cười. Buồn thì họ khóc. Gặp thuận cảnh thì họ tỏ ra yêu đời thích sống, gặp nghịch cảnh thì chán đời muốn chết. Trong khi đó, họ không biết sống để làm gì, chết làm chi. Ham vui họ chạy theo vui, được vui họ muốn ôm giữ. Họ quên rằng chạy theo thì khổ vì mong cầu, khi được thì khổ vì duy trì, gìn giữ không được thì khổ vì mất mát, mất mát thì khổ vì thương tiếc, uất ức, ăn năn và, cuối cùng, các nỗi thống khổ kết lại thành vòng chuỗi khổ.

Lúc ấy trời sắp hoàng hôn. Ánh nắng của miền nhiệt đới cũng bớt chói chang gay gắt. Đại đức Ananda sau khi tắm rửa sạch sẽ bèn ngồi dựa thân cây tịnh dưỡng. Chợt từ xa xuất hiện một nam một nữ. Khi đến gần Đại đức mới biết là một thanh niên khôi ngô tuấn tú, còn thiếu nữ thì duyên dáng đoan trang. Cặp vợ chồng trẻ vừa trông thấy Đại đức liền lên tiếng trước:

- Thưa Ngài, chúng tôi sống ở đây lâu rồi, nhưng chưa bao giờ trông thấy và gặp gỡ dấu chân người nào dù là bậc chân tu ẩn dật. Mặc dù vợ chồng tôi không phải là chủ nhân của địa phận này, nhưng thực tế cũng như là chủ. Chúng tôi xin được hân hạnh tiếp đón Ngài và tự cho rằng sự hạnh ngộ một bậc chân tu như Ngài là một phúc đức vô cùng lớn lao.

- Thưa hiền hữu, bản đạo xin chân thành cảm ơn lòng tốt của nhị vị và tự nhận hôm nay cũng là phúc duyên của bản đạo được hạnh ngộ nhị vị người mà bản đạo không ngờ được gặp gỡ nơi chốn núi rừng hoang vu này.

Vợ chồng tỏ ra vô cùng mừng rỡ và để kết thân, người chồng lên tiếng:

- Thưa Ngài, trời sắp hoàng hôn, vậy Ngài đã có chỗ nghỉ đêm chắc chắn rồi chưa hay là bậc hành giả sống đời phiêu bạt.

- Thưa hiền hữu, bản đạo là bậc hành giả, sống cuộc đời tiêu dao, giải thoát, không bị ràng buộc, không có nơi cố định.

- Thưa Ngài, nếu Ngài không từ chối, chúng tôi xin kính mời Ngài về thảo lư chúng tôi tạm nghỉ đêm nay. Chúng tôi có hai thảo lư, một để vợ chồng tôi ở, còn một cái để dành chứa đồ lặt vặt. Nếu Ngài không ngại, chúng tôi sẽ thu xếp gọn gàng và quét dọn sạch sẽ để Ngài tạm nghỉ. Cái thảo lư tuy nhỏ, nhưng cửa nẻo trang nhã, gió thổi rất thông, không khí bên trong cũng mát mẻ, dễ chịu lắm. Nếu được Ngài nhận lời, vợ chồng tôi vui biết mấy. Hơn nữa, sự chuyện trò với một bậc chân tu như Ngài, thì quả thật là một điều ích lợi cho chúng tôi.

Để biểu lộ sự nhất trí, chàng ta quay sang vợ, đưa mắt hỏi:

- Có phải vậy không em?

Hội ý chồng, người vợ tiếp lời:

- Thưa Ngài, nếu không có Phật sự quan trọng, và nếu chúng tôi không làm phiền sự thanh tịnh của Ngài, xin Ngài hoan hỷ nhận lời mời của chúng tôi.

Đại đức Ananda suy nghĩ: "Trông oai nghi, cốt cách thì hai người là con nhà dòng dõi trâm anh, có học thức và giáo dục, nhưng tại sao lại sống ẩn dật giữa cảnh núi rừng u tịch, hẳn phải có một lý do rất quan hệ trong dĩ vãng chi đây. Việc đối thoại với những người như vậy không phải là điều vô bổ". Đại đức nhận lời.

Vợ chồng múc nước xong bèn đi trước dẫn đường. Về đến nơi, vợ chồng tiếp nhau dọn dẹp, quét tước thảo lư thật là tươm tất. Người vợ trở về thảo lư của mình cách đó tương đối không xa. Đại đức lên tiếng:

- Nay hiền hữu, thảo lư cất trong rừng trông khéo léo hết sức. Thoáng nhìn người ta cũng đoán được phần nào tâm hồn tế nhị và óc thẩm mỹ của chủ nhân.

- Thưa Ngài, tôi thành thật đa tạ lời khen tặng và sự nhận xét của Ngài. Thú thật với Ngài, rừng này đối với tôi là cảnh thiên đường hiện tại, tôi rất mãn nguyện và vừa lòng. Chúng tôi sống ở đây vô cùng an lạc và thanh tịnh. Tôi vừa nói thanh tịnh và an lạc đúng với ý nghĩa của nó. Trong cảnh núi rừng hoang dã, trong thảo lư nghèo nàn này đã chứa đựng cả sự an lạc và thanh tịnh của đời tôi.

- Thưa hiền hữu, tại sao hiền hữu lại an phận với cảnh núi rừng hoang dã và thảo lư nghèo nàn như thế này, trong khi hiền hữu là một thanh niên trang nhã và bà nhà là một thiếu nữ sắc hương. Thanh niên, thiếu nữ phần đông thích sống nơi ánh sáng hoa lệ chứ có ai thích nơi cô tịch, quạnh quẽ thế này. Hay hiền hữu là người địa phương?

- Thưa Ngài, tôi không phải là người địa phương mà là người sanh ra giữa kinh đô náo nhiệt.

- Thưa hiền hữu, câu trả lời và cuộc sống của hiền hữu khiến bản đạo có cảm tưởng như câu chuyện hoang đường có tánh cách liêu trai thần thoại.

Thưa hiền hữu, tôi quan niệm rằng mỗi người có một mục đích sống phù hợp với sở thích và lý lẽ riêng mình. Chính mục đích ấy an bài cuộc sống. Tôi đã chọn lựa cuộc sống này, và sẽ an phận cho đến ngày nhắm mắt.

Thưa hiền hữu, nếu không phiền lòng, hiền hữu có thể cho bản đạo được nghe sự thật, trước là được chia sẻ nỗi niềm, sau là để mở rộng tầm kiến thức. Tiện đây, canh một cũng còn, nếu không phải là câu chuyện bí mật thì bản đạo xin được nghe cặn kẽ.

Gió đêm thổi nhẹ, mang về mùi hương thoang thoang của hoa dại núi rừng. Ánh trăng ngà vằng vặc chiếu xuống trần gian, xuyên qua cửa sổ, soi sáng gương mặt phương phi nhưng nhuộm nét phong trần của chàng trai thanh tú.

Chàng tâm sự:

- Thưa Ngài, đời tôi vui buồn lẫn lộn, ngọt đắng đủ mùi, thú vị cũng nhiều mà vô vị cũng lắm. Cái tổng hợp của vui buồn, ngọt đắng, thú vị và vô vị ấy như vậy.

Một chuyện tình

- Thưa Ngài, tôi sanh ra trong triều nội. Ngày mở mắt chào đời của tôi cũng là ngày diễn binh quan trọng. Bốn loại binh chủng là tượng binh, mã binh, xa binh và bộ binh được lệnh tập trung toàn bộ để diễn hành. Căn cứ vào hiện tượng này, phụ vương đặt tên tôi là hoàng tử Tứ binh (Caturangabala).

Chắc Ngài cũng từng học qua binh pháp. Trong ấy có nói, tổ chức quân sự mạnh là ngăn được chiến tranh. Thật vậy, một quốc gia suy yếu về mặt quân sự thì dễ bị xâm lăng. Cũng như cơ thể yếu đuối dễ bị nhiễm bệnh. Về triết lý tôi cũng biết được chút ít rằng tâm hồn bạc nhược, phiền não sẽ lộng hành. Đời tôi, thuở ấu thời nó tươi đẹp và thơ mộng như vườn hoa nhiều hương sắc. Là một hoàng tử, nên tôi được sống cuộc đời nhung lụa vàng son. Vả lại, phụ vương và mẫu hậu rất mực nuông chiều. Do đó, mọi nhu cầu đều được thỏa mãn. Trong những món trang sức hoàng

triều tôi thích nhất là cây trâm cài tóc. Chẳng những thích để dùng mà gần như là nhà sưu tập. Và cũng chính sở thích này là nguyên do cuộc sống ảm đạm của tôi.

Tại kinh đô Hastinapura này, có một gia đình làm nghề thợ bạc, cha truyền con nối. Do đó, họ rất thiện nghệ và nổi tiếng. Hầu hết những người trong hoàng tộc đều đặt làm các món trang sức tại đây và cá nhân tôi cũng vậy. Tôi có một người cận vệ thường tới lui nhà thợ bạc này. Mỗi lần anh ta trở về là không ngớt ca ngợi sắc đẹp cô con gái người thợ bạc. Miệng anh ta gần như không liền da non. Nói riết tôi đâm ra bực mình, không muốn nghe nữa. Nhưng anh ta gần như bị cô gái thôi miên.

Mặc dù vậy, anh ta lại là người rất dễ thương và hội đủ bốn đức tánh của người giúp việc là: ngu sau, thức trước, sẵn sàng nhận việc và hoàn thành tốt tất cả nhiệm vụ giao phó. Quả thật người giúp việc mà hội được những đức tánh ấy thì chủ nhân cũng phải nể lòng.

Thú thật với Ngài là tôi không bao giờ để ý đến chuyện anh ta ca tụng vẻ đẹp con gái người thợ bạc, vì tôi quan niệm rằng trong hoàng cung biết bao người đẹp mà tôi chưa để dạ người nào, huống chi là con nhà dân giả. Nhưng tôi còn nhỏ tuổi, bầu nhiệt huyết còn nhiều, nhất là tánh hiếu kỳ muốn biết chuyện lạ.

Một hôm, tôi cải trang theo anh đến nhà thợ bạc với hai mục đích vừa xem tận mắt cái vẻ đẹp của người con gái vừa để ngắm nghía cây trâm kiểu mới mà tôi đặt làm từ lâu. Chúng tôi được mời vào phòng khách uống nước đàm đạo. Một sự ngẫu nhiên hình như có bàn tay sắp xếp nên khiến hôm ấy, cô giúp việc đi chợ chưa về, thành ra đích thân con gái người thợ bạc bung nước đãi khách. Anh chàng hầu cận ra hiệu. Tôi biết ngay. Vừa nhìn cô ta thì Ngài ơi, trái tim tôi muốn nhảy ra ngoài, tôi mất tự nhiên. Cô ta đẹp thật, nét đẹp đài các, sang trọng làm mê mẩn tâm hồn người đối diện. Cô ta đẹp hơn tất cả công nương mà tôi từng gặp trong hoàng cung. Nàng đứng trước mặt tôi mà cứ tưởng là chị hằng nga trên cung quản hiện xuống. Tôi đang ngẩn ngơ hồn phách thì giọng nói của nàng khiến tôi càng thêm ngây dại. Trời ơi, giọng nói mới trong trẻo, ấm áp và ngọt ngào làm sao. Còn bờ môi và hàm răng của nàng thì tôi không tin là nhân tạo mà tất cả những vẻ đẹp ấy, đối với tôi là thiên tạo. Đường như tất cả những vẻ đẹp của nữ giới trên thế gian này đều tập trung tất cả cho riêng nàng.

Từ mê mẩn đến ngẩn ngơ rồi bỗng dưng tôi sung sướng muốn nhảy dựng lên, đó là lời hỏi thăm của nàng đề cập đến tôi vì nàng chưa biết tôi là hoàng tử. Nàng bảo với anh chàng hầu cận của tôi rằng:

- Hoàng tử có được mạnh khỏe không và chắc hoàng tử nóng lòng chờ đợi cây trâm đặc biệt này lắm phải không.

Tôi ngồi như phỏng đá. Anh chàng này cũng rắc rối lắm. Anh ta cảm ơn nàng thay tôi và làm ra vẻ ta đây, rằng không sao đâu, có lâu chút ít cũng được, miễn cha con nàng làm dùm thật kỹ, thật đẹp được rồi. Anh ta nói thêm trong khi ngó tôi ra dấu:

- Tuy nhiên, tôi cũng xin được giới thiệu với cô, anh bạn Suranda (Dững Lạc) của tôi đây, nếu sau này tôi bận việc không đi được thì anh bạn sẽ thay tôi liên lạc với cô.

Nàng ta chấp tay xá tôi. Thiếu chút nữa tôi quên xá lại vì mãi lo nhìn nàng.

Đêm ấy, tôi trần trọc hết canh này sang canh khác không tài nào ngủ được. Hình ảnh nàng cứ ám ảnh tôi. Tôi cố xua đuổi nhưng bất lực. Tôi tự biết tôi là kẻ bại trận và là người nô lệ của nàng. Tên nàng là Vimalamàsa (Vô ưu). Cái tên mới đẹp làm sao, nàng quả thật xứng đáng với cái tên ấy. Nàng là hiện thân của vô ưu cho riêng nàng mà bất cứ ai đến gần nàng và được trò chuyện đều vô ưu như vậy cả. Riêng tôi thì cái tên ấy nó ngọt ngào hơn cả mật ong và thi vị hơn bất cứ vần thơ tuyệt tác nào trên cõi đời trần tục này.

- Thưa Ngài, Ngài có biết tại sao người sanh ra lại được quá nhiều ưu đãi như trường hợp của nàng Vô ưu hay không?

Đại đức Ananda nói:

- Thưa hiền hữu, theo triết lý nhà Phật thì: trạng thái người có tướng mạo đoan chính, duyên dáng, có tiếng nói thanh tao truyền cảm, có sắc đẹp đài các trang nhã, khiến người nhìn không chán là do tiền phước.

- Nếu vậy thì cô Vô ưu là hiện thân của phước phải không Ngài?

- Đúng vậy.

Hoàng tử lấy làm sung sướng kể tiếp:

- Thưa Ngài, tiếng sét tình yêu đã giáng xuống đầu tôi. Tôi yêu nàng tha thiết và nhớ nàng ray rứt. Lần đầu tiên biết yêu nên tôi vụng về lắm tôi như kẻ lạc lối đường rừng, tâm trạng rối bời. Tôi nghĩ, mình có nên cho nàng biết sự thật rằng Dũng Lạc là tên giả của hoàng tử Tứ binh hay không. Suy tới nghĩ lui, tôi quyết định cứ đến với nàng bằng vai trò và cái tên Dũng Lạc vậy.

Từ ấy về sau tôi liên lạc với nàng thường hơn và tôi cứ đặt làm hết cây trâm này đến cây trâm khác. Mỗi lần đến thăm tôi đều mang tặng nàng những món quà nho nhỏ, xinh xinh để làm vui lòng nàng và cũng để chứng tỏ sự chân thành quý mến của tôi đối với nàng. Tâm chân tình của tôi được đền đáp nhẹ nhàng nhưng vô cùng ý nghĩa. Đó là một hôm, trước khi ra về nàng trao cho tôi một cái gói nhỏ. Tôi mừng như trẻ lạc đường gặp mẹ. Đến hoàng thành, tôi mở ra xem thì tôi sung sướng gần lạng cả người vì trong ấy là một chiếc khăn tay, những nét thêu tuyệt hảo. Tôi ấp ủ vấp lòng và nghĩ mãi nghĩ hoài không biết chán.

Buổi chiều nọ, tôi đến thăm nàng, ngộ ý muốn dạo chơi vườn hoa và ao sen phía sau nhà. Nàng vui vẻ và tỏ ra sẵn lòng hướng dẫn tôi dạo vườn ngắm cảnh. Gần suốt cuộc dạo chơi này tôi vô duyên đến mức độ không biết phải làm gì cho nàng vui. Toàn thân tôi như tê cứng lại. Tôi cứ lăm lét hết nhìn nàng rồi nhìn cảnh. Tôi đang vận dụng tất cả can đảm để nói tiếng yêu nàng, nhưng lưỡi tôi như lú lại. Tôi cũng không biết cử chỉ tôi lúc bấy giờ nó ngớ ngẩn và ngốc nghếch ra sao. Nhưng may mắn quá nàng đã cứu tôi bằng câu hỏi:

- Vườn hoa và ao sen này có đẹp không anh?

- Đẹp, đẹp lắm, nhưng tất cả cái đẹp ở đây còn thua xa vẻ đẹp của Vô ưu nhiều.

Nửa sung sướng, nửa then thừng. Tay mân mê chéo khăn quàng cổ, nàng nói:

- Người trong hoàng thành thường tán tỉnh nhau như vậy phải không anh?
- Tôi ở trong thành nội từ nhỏ nhưng chưa nói được câu này với ai bao giờ. Cô là người đầu tiên nghe tôi nói.
- Tại sao người nam chỉ thích ca ngợi sắc đẹp người nữ mà không thấy ca ngợi cái gì khác cả?

Giờ thì tôi tương đối dạn dĩ hơn một chút, tôi trả lời:

- Nhìn Vô Ưu chẳng những đẹp tuyệt trần về mặt thể chất mà còn tuyệt vời về mặt tinh thần, nhất là đạo đức tác phong và trong trắng. Do đó, nếu không ca ngợi Vô Ưu thì còn ai đáng cho tôi ca ngợi nữa.
- Nếu bảo thích nhìn tôi, ca ngợi tôi thì tôi cho nhìn hoài.

Nàng chắm câu tại đây, mặt cúi xuống vì ngượng. Lúc ấy, một con chim đậu trong bụi hoa sau băng đá vỗ cánh tung bay, làm nàng giật mình. Tôi dí dõm:

- Chắc nó là con chim trống.
- Sao anh biết, nó quí quái ghê, làm người ta giật mình, muốn đứng tim.
- Chắc nó tội nghiệp và thông cảm lòng anh vì anh muốn được ngồi gần em như thế này lâu lắm rồi, dù chỉ trong giây phút ngắn thôi cũng đủ khiến anh sung sướng, cũng như lửa trời chỉ lóe lên một khắc cũng đủ giúp ta thấy đường trong đêm tối.

Nàng đứng lên, đầu vẫn cúi nàng nói:

- Thôi em không dám tin lời anh đâu vì anh nói ngọt ngào và dễ thương quá chừng. Nhưng về đến hoàng thành là anh quên em, quên cái tên Vô Ưu, quên cả ao sen, vườn hoa và cái băng đá này.

Gái đẹp và cha già

- Thừa Ngài - hoàng tử kể tiếp:

Sự giao du thân mật giữa tôi và Vô Ưu ngày càng khấn khít đậm đà. Sự thân mật, gần gũi là con đường mòn dẫn đến yêu đương. Tình yêu có một sức mạnh phi thường, có thể biến đổi người lỗ mãng vũ phu thành ngoan hiền, tao nhã; tướng cướp thành lương dân; vua chúa thành nô lệ. Vì khi đã yêu, họ sẵn sàng hiến dâng tất cả từ thể xác đến linh hồn.

Trong khi tình yêu của chúng tôi đang tuyệt trần thơ mộng thì bỗng một hôm, phụ vương cho gọi tôi vào và phán:

- Đây con, lúc này con đi đâu mỗi ngày mà phụ vương không thấy mặt con?
- Tâu phụ vương, tại con thấy phụ vương đa đoan việc triều chính, nên con không dám làm rộn.
- Nghe nói con thương con gái người thợ bạc phải không?
- Tâu phụ vương, phải.
- Con nghĩ rằng phụ vương không biết chuyện ấy hay sao?

Tôi im lặng cúi đầu.

- Con nên nhớ, bất cứ chuyện nhỏ lớn, xa gần phụ vương đều biết vì phụ vương có rất nhiều tai mắt. Con thương nó lắm phải không?

- Tàu vâng.

- Nó xứng với con không?

- Cô ta đẹp lắm, tàu phụ vương.

- Con chỉ thích cái sắc đẹp đơn thuần hay sao?

- Cô ta cũng nét na, thùỵ mị lắm, tàu phụ vương.

- Nếu phụ vương tìm cho con một thiếu nữ vừa đẹp vừa nét na thùỵ mị thì con có ưng không?

- Tàu phụ vương, con đã có rồi.

- Con có biết con là ai không?

- Tàu phụ vương, con là con của phụ vương.

- Cha của con là gì?

- Muôn tâu, phụ vương là vua.

- Còn con?

- Tàu phụ vương, con là hoàng tử.

- Vậy thì dâu của phụ vương là công nương hay là cô thợ bạc? Này con, phụ vương đã tìm cho con nơi môn đăng hộ đối, nàng là công chúa con vua xứ Sa-gá-lá (Sàgata), kinh đô Mát-đá (Madda). Phụ vương tin rằng, con thấy là con ưng ý ngay. Tên nàng là Ngọc Diễm.

Này con, con hãy nghe lời phụ vương. Con biết không, trong cuộc sống cộng đồng, mình không thể nào chối bỏ thể diện và dư luận. Thể diện thì con là hoàng tử thì phải kết hôn với công chúa chứ không thể kết hôn với dân giã. Về dư luận thì triều đình không làm sao chấp nhận một cô gái thợ bạc làm mẫu nghi thiên hạ sau này. Do đó, phụ vương không làm sao vượt khỏi hai bức tường kiên cố ấy, mặc dù phụ vương rất thông cảm nỗi lòng của con. Phụ vương tin rằng, con cũng ý thức được tầm mức vô cùng quan trọng của vấn đề. Con về và nghĩ lại cho thật tinh tế. Phụ vương già rồi nên phải lo cho tương lai của con. Con hiểu ý phụ vương rồi chứ.

Tôi ra về với cõi lòng tan nát. Tôi bị đặt trước hai vấn đề vô cùng quan trọng mà tôi phải dứt khoát. Một là đối với phụ hoàng thì tôi vừa kính thương và hiếu thảo. Hai là đối với Vô Ưu thì tôi vừa yêu quý vừa tội nghiệp. Chỉ nghĩ đến phải kết hôn với Ngọc Diễm là tôi cảm thấy đau nhói trong tim. Tôi như kẻ mất hồn. Rồi tôi nghĩ đến khi Vô Ưu biết rõ sự thật thì sẽ đau đớn đến mức độ nào. Tôi nghĩ đã đến lúc phải nói sự thật dù biết rằng sự thật ấy quá phủ phàng.

Tâm trạng chua xót, đắng cay, tôi thần thờ đi tìm nàng. Gặp tôi, nàng tươi đẹp như hoa xuân. Nhưng khi nhìn kỹ mặt tôi thì nét hoa ử rú, nàng nói:

- Thưa anh, hôm nay trông anh khác thường chắc có chuyện buồn phải không anh? Anh cho em biết với, để chúng ta cùng nhau chia xẻ.

Thay vì trả lời, tôi quyết liệt hỏi nàng:

- Này em, nếu anh có một đời sống khác xưa thì em có còn yêu anh không?

- Thưa anh, dù anh là hoàng tử, bá hộ, thương gia, hay là bần sĩ em cũng một dạ yêu anh, yêu chàng trai Dũng lạc. Còn tất cả đối với em đều vô nghĩa.

Tôi kéo nàng ra sau vườn, ngồi trên băng đá và nói hết sự thật cho nàng nghe. Nàng giựt mình chói với nhưng cố gắng trấn tĩnh được ngay vì bản chất thù mị và đoan chính cố hữu của nàng. Nàng qui xuống đất như một thần dân trước Thiên tử. Tôi phải đỡ nàng và năn nỉ nhiều lắm nhưng nàng như định quyết không dám ngồi chung. Tôi phải dùng hết lý lẽ và cuối cùng tôi phải viện dẫn lời nàng vừa nói khi nãy rằng:

- Nàng yêu tôi, yêu chàng trai Dững Lạc. Còn tất cả đối với nàng đều vô nghĩa kia mà.

Ngước mắt nhìn tôi, đôi hàng lệ chảy, nàng nói:

- Nhưng hôm nay, anh không phải là Dững Lạc thuở nào của em nữa mà là hoàng tử Tứ binh, con cưng của hoàng thành Hás-ti-na-pú-rá. Hãy để cho em được làm một thần dân tốt của hoàng tử.

Tôi hết lời an ủi và khẩn cầu nàng mới chịu ngồi chung. Tôi nói với nàng với tất cả tiếng lòng thương cảm:

- Em yêu, sự hạnh phúc của anh hoàn toàn tùy thuộc nơi em. Em là người độc nhất có đủ quyền năng ban vui hoặc đem khổ đến anh. Vì nếu em giận thì anh khổ, em thương thì anh vui. Anh sẽ sung sướng và hạnh phúc suốt đời nếu được biết rằng em vẫn một dạ yêu anh. Dù sau này anh có được sống gần em hay phải xa em nơi quan ải muôn trùng, anh sẽ sống bám vào tình yêu của em và xem như thần linh hộ mạng. Anh đã tự nguyện với lòng, là suốt đời một dạ yêu em. Trái tim biết yêu này anh xin dâng hiến cho em trọn vẹn. Còn vấn đề anh bị bắt buộc kết hôn với người khác thì xin em hiểu cho rằng vì quyền uy tối thượng của phụ vương, vì dư luận và thể diện hoàng tộc. Về những sự kiện này thì anh đành cúi đầu, bất lực. Nhưng về phương diện tình yêu thì không ai có quyền cướp đoạt hình bóng em ra khỏi tim anh.

Không hạnh phúc nào bằng sự an tịnh

Tâm sự đến đây, tôi nắm tay nàng áp vào ngực tôi và nói tiếp:

- Nay em, đây là trái tim máu còn nóng, hơi thở còn ấm, biết yêu và được yêu, anh xin trao gởi cho em, em hãy giữ lấy. Còn trái tim mà người khác sắp chiếm đoạt là trái tim khô cạn, máu yêu đã cạn giòng, lửa yêu đã tắt ngọn.

Trông nàng lúc ấy đáng tội làm sao. Nàng cố gắng chịu đựng nỗi đau khổ ngập lòng. Nàng nói:

- Thưa hoàng tử, em có cảm tưởng như được nghe âm thanh vọng xuống từ đỉnh núi Tu di giữa đêm trường tĩnh mịch như truyền lệnh cho em rằng hãy yêu một mình hoàng tử.

Cái gì đến thì phải đến. Hôn lễ của chúng tôi được hai quốc gia phối hợp tổ chức vô cùng trọng thể. Tuy nhiên, ai biết được lòng tôi đang tái tê cay đắng. Hình thức lễ lộc linh đình ấy đối với tôi chỉ là một đám tang không hơn không kém. Cõi lòng tôi càng tan nát hơn khi nghĩ đến Vô Ưu.

Thú thật với Ngài, tôi không bao giờ nghĩ rằng Vô ưu là người yêu trên mặt hình thức mà là người bạn lòng, người bạn lý tưởng. Do đó, khi mất bạn lòng, mất lý tưởng thì tất cả đối với tôi đều vô nghĩa. Nếu có vui cũng chỉ là vui gương. Thôi thì mọi việc đã an bài.

Giờ thì tôi nghiệp Ngọc Diễm, người bạn trăm năm bất đắc dĩ. Nàng quả thật đẹp như tiếng đồn. Ngoài cái vẻ đẹp đài các nàng còn là người vợ hiền, đảm đang và rất mực yêu chồng. Lẽ ra nàng phải được yêu và có quyền hưởng trọn vẹn tình yêu của chồng, nhưng thú thật với Ngài, tôi đã lỡ trao trọn trái tim cho Vô Ưu rồi. Đối với Ngọc Diễm thì tôi chỉ xem như người em gái không hơn không kém.

Chúng tôi sống chung nhau đã hai năm mà chẳng có con nôi dãi. Phụ vương, mẫu hậu và hoàng tộc đều tỏ ra lo lắng không vui. Riêng tôi, tôi cảm thấy không có chi lạ trong vấn đề này. Tâm trạng trái ngược của tôi có lẽ tại tôi không yêu Ngọc Diễm.

Một buổi chiều, tôi và nàng, dạo chơi vườn hoa. Đến một bụi cây bông dung có con rắn hổ mang bò ra khiến nàng giật mình hoảng hốt chạy té, đầu gối chảy máu. Tôi lập tức cõng nàng về cung. Chỗ bị trầy bắt đầu làm độc và ăn khuyết càng ngày càng sâu. Bao nhiêu danh y đều bó tay thúc thủ. Chỗ khuyết lở trở màu xanh và vành miệng ghê trở nên cứng. Nàng nhức nhối rên la suốt ngày đêm. Tôi cảm thấy đau lòng và thương nàng vô cùng. Vì dù sao nàng cũng là người vợ gối chăn.

Vô Ưu hay chuyện này nàng xin phép vào thăm. Thật nàng là người tốt bụng, chẳng những không đem dạ oán thù người đã chiếm mất tình yêu của mình mà còn lo lắng với tất cả nhiệt tình. Cuối cùng thần chết đã cướp mất vĩnh viễn Ngọc Diễm ra khỏi đời tôi.

- Thừa Ngài, sự ra đi của Ngọc Diễm làm tôi đau đớn, thương tiếc không nguôi và vô cùng ân hận vì suốt đời nàng đã không được hưởng tình yêu của chồng, trong khi nàng yêu chồng tha thiết. Suốt thời gian nàng lâm bệnh, nàng gọi tên tôi trong cơn mơ cũng như lúc tỉnh. Đến lúc sắp lìa đời, mắt nàng vẫn còn đắm đuối nhìn tôi và miệng nàng vẫn còn mấp máy gọi tên tôi. Vậy mà tôi chỉ yêu nàng một cách gương gao, giả tạo. Tôi nghiệp cho nàng, giá nàng đến trước Vô Ưu thì đâu đến đời phải gánh chịu phủ phàng.

Sáu tháng sau, tôi xin lệnh phụ vương, cho phép cưới Vô ưu. Phụ vương chấp thuận mặc dù trong thâm tâm người không bằng lòng lắm.

Suốt hai năm xa cách, nhớ thương, giờ được sum họp và sống chung chính thức, quả thật không ngòi bút hoặc văn tự nào có thể diễn tả hết sự vui mừng và sung sướng của chúng tôi lúc ấy.

Tuy nhiên, chúng tôi cũng luôn luôn cảnh giác vì một số hoàng thân quá nặng thành kiến vẫn ra mặt chống đối vì cho rằng con gái thường dân không thể trở thành bậc mẫu nghi thiên hạ sau này. Do đó, tôi phải đối phó khôn ngoan và chặt vật lắm.

Sống trong hoàng cung và ăn uống theo thực đơn hoàng triều nàng đâm ra nhớ thèm những món ăn quen thuộc. Nàng ra lệnh nhà trù làm những thức ăn ấy và dạy luôn cả phương cách thực hiện. Nhà bếp trước mặt thì tuân hành răm rắp nhưng sau lưng thì chỉ trích nặng lời: "Rõ thật con nhà

quê mùa, cục mịch chỉ thích ăn những món tầm thường, hạ tiện chó những cao lương mỹ vị, sang trọng đắt tiền thì nuốt không vô, vậy mà cũng được làm vợ hoàng tử. Thật vô duyên".

Hôm ấy, xui khiến tôi và Vô Ưu hữu sự đi ngang nghe rõ mồn một. Tôi cảm tưởng như rút từ cung trăng, lặn người chết đuối. Còn nàng thì bặm môi đến rướm máu và cắn răng như muốn nuốt cả sự tức giận tủa nhục vào lòng. Tôi bèn gọi nhà trù và truyền lệnh: "Các người phải làm những thức ăn đúng theo phương cách mà gia nội của ta căn dặn và mang đến cho ta trong mỗi bữa ăn". Không đi nữa, nàng trở về phòng úp mặt xuống gối khóc nức nở. Tôi an ủi nàng chớ nên để tâm những lời nói tặc trách của những kẻ dưới tay, thiếu học thức, thiếu giáo dục. Tôi vuốt ve thêm lòng tự ái của nàng: "Này em, đừng buồn phiền nữa. Cơ hội hạnh phúc thực sự sẽ đến với chúng ta trong một ngày rất gần. Vì tình yêu có một sức mạnh màu nhiệm phi thường, nếu chúng ta trung thành tôn thờ thì nó sẽ giúp chúng ta san bằng mọi chướng ngại".

Sau ba năm chung sống nàng thọ thai. Gần ngày sinh nở, nàng nằm mộng thấy ăn hết phần đất của xứ Banh-cha-lá này và ăn luôn những phần đất của các quốc gia lân cận mà vẫn chưa no. Thừa Ngài, các chiêm tinh gia của hoàng triều vì thành kiến nên cố tình đoán sai, cho đó là điềm đại bất tường, đại hung hãn. Họ bảo nàng sanh trai nhưng lớn lên sẽ gây thảm họa tày trời cho hoàng gia. Tuy nhiên, để tránh đại họa, Vô Ưu phải sinh nở trong rừng gần nơi nào có ao nước.

Thừa Ngài, phụ vương tôi nghe chuyện này lấy làm khó xử. Mặc dù rất thương tôi và cũng bắt đầu thương dâu nhưng người không dám làm ngược quyết định của hoàng tộc.

Tất cả sự kiện vừa kể là nguyên nhân cuộc sống ảm đạm của vợ chồng tôi. Hoàng tử nói đến đây thì nàng Vô Ưu tay dắt con trai đi đến. Hoàng tử giới thiệu con trai với Đại đức Ananda và bảo con cúi đầu đánh lễ. Đứa trẻ mặt mày khôi ngô, phong nghi cao trọng khiến Đại đức cũng hoan hỉ. Đại đức chúc nó được sống lâu và nhiều hạnh phúc.

Hoàng tử ngỏ lời xin được biết tôn danh quý tánh của Đại đức. Khi được biết Đại đức là em họ của Đức Thiên Nhơn Sư thì cả ba đều quý mọp đánh lễ đôi chân Đại đức.

Hoàng tử nói: "Bach Đại đức, quả thật là một phúc đức lớn lao, một vinh hạnh tuyệt vời cho chúng tôi được bái kiến Đại đức tại thảo lư nghèo nàn trong cảnh núi rừng u tịch. Một hạnh phúc, một sự sung sướng mà chúng tôi không bao giờ nằm mộng. Danh thơm, đức lớn của Đại đức chúng tôi được nghe đã lâu, không ngờ hôm nay được bái kiến và chiêm ngưỡng. Bạch Đại đức, xin Đại đức hoan hỉ nhận biết cho cả ba chúng tôi là cận sự nam, cận sự nữ đã qui y Tam bảo kể từ ngày nay cho đến trọn đời.

Cảm mến thái độ hướng thiện chơn chánh của hoàng tử. Đại đức giảng đạo:

- Này các đạo hữu, Đức Từ phụ của chúng ta dạy:

Người ngu tư duy tà vậy, cho rằng, người có con, vui với con, có của vui với của, do đó người ngu phải khổ. Vì thực tế, chính cái thân cũng là vô ngã. Tất cả những nỗi thống khổ đều bắt nguồn từ sự phân biệt nhất là sự phân biệt ấy do tà niệm chủ động. Chính tà niệm cấu tạo tất cả phiền não và phiền não lôi cuốn ta chạy theo. Càng chạy theo càng khổ. Càng khổ lại càng đeo đuổi. Cũng như cá cắn môi chạy theo lưỡi câu vì càng cưỡng lại là càng đau đớn.

Trần ái là chuyện nóng nảy. Ăn uống là việc liệu lượng, danh vọng là điều xan xẻ. Người đời chỉ thích chuyện hình thức, nhưng quên rằng bản chất của hình thức không có tánh cách cố định và vĩnh cửu. Do đó, chúng sanh bị nóng nảy thường trực, triền miên. Càng nóng nảy càng lấn lộn, vấy vùng. Nhưng vấy vùng trong lò lửa thì cũng chỉ chuốc thêm sự nóng nảy mà thôi. Nhắm mắt tự xô đẩy cuộc đời vào lò lửa tham, sân, si cũng đồng nghĩa với hành động ngăn trở sự tiến thủ của cuộc sống lý tưởng giải thoát. Mang một tâm trạng bệnh hoạn, nóng nảy như vậy thì dù sống trên ngai vàng cũng không tìm được hạnh phúc.

Này đạo hữu, cuộc sống xưa kia giữa cung son nhưng gấm và cuộc sống hiện tại giữa núi rừng u tịch này, đạo hữu thấy cuộc sống nào hạnh phúc hơn.

- Bạch Đại đức, tôi đã bạch Đại đức nơi phần mở đầu câu chuyện rằng trong cảnh núi rừng u tịch, trong cái thảo lư nghèo nàn này đã chứa đựng tất cả sự thanh tịnh và an lạc của đời tôi.
- Này hiền hữu, vậy bản đạo có thể kết luận được rằng: không có an lạc ngoài thanh tịnh cũng như không có sự thanh tịnh nào là không an lạc.

Vậy đạo hữu hãy chọn một trong hai hạng người sau đây:

- Hạng người tầm thường, thấp kém nhưng có nhiều hạnh phúc và
 - Hạng người sang trọng, quý phái nhưng không có hoặc ít có hạnh phúc.
- Bạch Đại đức, tôi chọn hạng người thứ nhất.

- Đúng vậy đạo hữu, người thành công trong cuộc sống hạnh phúc không phải là người cao sang, quyền quý mà là người tìm được sự an tịnh và vắng lặng trong tâm hồn, sự an tịnh của người tỉnh thức chứ không phải của người say ngủ, sự vắng lặng của cuồng phong phiến não chứ không phải sự vắng lặng của tịch liêu. Người đã nắm được hương vị của đời sống ẩn dật và tịch tịnh là người vô ưu, vô nhiễm.

Sau khi vợ chồng hoàng tử đi rồi Đại đức Ananda nằm nghiêng tay mặt, chân trái đè lên chân mặt, tay trái xuôi theo thân mình và kê đầu lên tay mặt.

Giác ngủ đã đến với Đại đức nhẹ nhàng, an tịnh nhưng không phải cái nhẹ nhàng an tịnh của đứa bé nằm trong chiếc võng mà là sự nhẹ nhàng, an tịnh của trái đất nằm trên mặt nước.

Đến khi thọ được 120 tuổi, Đại đức tự thấy tuổi đời đã cao, tuổi đạo cũng nhiều và sức khỏe càng suy giảm, nên tự quyết định Niết bàn. Nhưng tịch diệt tại đâu cho được nhiều lợi lạc.

Nghĩ kỹ, Đại đức quyết chọn con sông Rô-hí-ni (Rohini) làm địa điểm Niết bàn, vì nội tổ thuộc dòng Thích ca thì ở hữu ngạn, còn ngoại tổ thuộc Cô-lí-dá (Koliya) thì ở tả ngạn con sông này.

Đại đức dùng thần thông bay lên hư không, phát nguyện sau khi ta tịch diệt, xin cho xá lợi tự động chia đôi: phân nửa rót về hữu ngạn cho nội tổ và phân nửa rót về tả ngạn cho ngoại tổ.

Đây là cách Niết bàn của Đại đức Ananda. Đức Phật chọn Cú-sí-na-ra (Kusinara) làm địa điểm Niết bàn thì Đại đức chọn dòng sông Rô-hí-ni (Rohini) làm nơi tịch diệt.

Suốt bốn mươi năm sau Phật Niết bàn, Đại đức Ananda đã đóng vai sứ giả Như Lai, một vai trò vô cùng cao trọng, một tiêu biểu tuyệt vời. Phương danh Ngài ngào ngạt khắp bốn phương và sống mãi qua nhiều thế hệ. Đời Ngài là tấm gương sáng, là dòng suối ngọt. Những lời dạy của Ngài là trận mưa pháp rưới xuống trần gian đang ngút lửa hận thù, là giọt nước cam lồ rót vào chót lưỡi của người đã tê mù tâm khố.

- Hết -

Nguồn: http://www.budsas.org/uni/u-tinhdoi_ydao/tinhdoi-00.htm

PB08122012/Tôn Giáo